

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**ĐỀ TÀI: QUY TRÌNH KHAI BÁO HẢI QUAN CHO HÀNG
HÓA NHẬP KHẨU LỄ CONTAINER BẰNG ĐƯỜNG BIỂN
CỦA CÔNG TY TNHH VẬN TẢI BÁCH VIỆT**

Giảng viên hướng dẫn : Th.S Dương Thị Thu Thảo

Sinh viên thực hiện : Phạm Thị Duyên

Khóa học : 2022 – 2026

Lớp : 22LC3

Đà Nẵng, tháng 05 năm 2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**ĐỀ TÀI: QUY TRÌNH KHAI BÁO HẢI QUAN CHO HÀNG
HÓA NHẬP KHẨU LỄ CONTAINER BẰNG ĐƯỜNG BIỂN
CỦA CÔNG TY TNHH VẬN TẢI BÁCH VIỆT**

Giảng viên hướng dẫn : Th.S Dương Thị Thu Thảo

Sinh viên thực hiện : Phạm Thị Duyên

Khóa học : 2022 – 2026

Lớp : 22LC3

Đà Nẵng, tháng 05 năm 2026

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC
ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM**

**KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ
CHUỖI CUNG ỨNG**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 05 năm 2026

GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Năm học: 2025 - 2026

1. Thông tin tác giả thực hiện

- Họ và tên sinh viên :
- Chuyên ngành : Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
- Trình độ đào tạo : Đại học
- Khóa học : 2022 – 2026

2. Tên đề tài Khóa luận tốt nghiệp

Quy trình khai báo hải quan cho hàng hóa nhập khẩu lẻ container bằng đường biển tại Công ty TNHH Vận tải Bách Việt

3. Các số liệu ban đầu thực hiện Khóa luận tốt nghiệp

4. Các bảng biểu

5. Cán bộ hướng dẫn

Th.S Dương Thị Thu Thảo

6. Ngày giao nhiệm vụ làm Khóa luận tốt nghiệp

- 10/02/2026

7. Ngày sinh viên phải hoàn thành khóa luận

- 30/05/2026

Giảng viên hướng dẫn

LỜI CẢM ƠN

Kính thưa quý thầy cô giáo và các anh chị tại Công ty TNHH Vận tải Bách Việt !

Lời đầu tiên, em xin chân thành cảm ơn Cô Th.S Dương Thị Thu Thảo - giảng viên Khoa Kinh tế, trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng đã nhiệt tình hướng dẫn và giúp đỡ em trong suốt thời gian qua để em hoàn thành tốt bài báo cáo thực tập tốt nghiệp của mình.

Đồng thời, em cũng xin gửi lời cảm ơn đến Công ty TNHH Vận tải Bách Việt đã tạo điều kiện cho em có cơ hội được thực tập cùng toàn thể các anh chị nhân viên của công ty để giúp em hoàn thành bài báo cáo một cách hoàn chỉnh, giúp em vận dụng những kiến thức đã được học ở trường vào thực tế cũng như cho em cơ hội học hỏi nhiều điều tại công ty để có thể nâng cao kỹ năng chuyên môn của mình.

Bên cạnh đó, em xin chân thành cảm ơn các thầy cô Khoa Kinh tế, cũng như các thầy cô trong trường đã phổ cập kiến thức cho sinh viên qua những bộ môn của ngành. Chính các thầy cô đã cung cấp cho em những kiến thức, nền tảng và chuyên môn để em có thể hoàn thành bài báo cáo này một cách tốt nhất.

Tuy nhiên, vì kiến thức chuyên môn còn hạn chế và bản thân chưa có nhiều kinh nghiệm thực tế nên nội dung đề tài không thể tránh khỏi những sai sót, em rất mong quý thầy cô, quý công ty có thể bỏ qua. Đồng thời, em rất mong nhận được sự thông cảm, những lời góp ý quý báu từ quý thầy cô và quý công ty để em có thể trau dồi kiến thức và hoàn thiện hơn.

Lời cuối, em xin chúc toàn thể thầy cô, các anh chị trong công ty mạnh khỏe, thành đạt và hoàn thành tốt công việc của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

[illegible]

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN.....	i
NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN.....	ii
DANH MỤC BẢNG BIỂU.....	vi
DANH SÁCH HÌNH VẼ, SƠ ĐỒ.....	vii
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	viii
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUY TRÌNH KHAI BÁO HẢI QUAN CHO HÀNG HÓA NHẬP KHẨU LỄ CONTAINER BẰNG ĐƯỜNG BIỂN	1
1. 1 Tổng quan về khai báo hải quan	1
1.1.1 Hải quan và khai báo hải quan.....	1
1.1.2 Đặc điểm của khai báo hải quan	2
1.1.3 Vai trò của khai báo hải quan trong hoạt động xuất nhập khẩu	3
1.1.4 Hệ thống hải quan điện tử tại Việt Nam.....	4
1.2 Hàng hóa nhập khẩu lễ container	5
1.2.1 Khái niệm hàng hóa nhập khẩu	5
1.2.2 Các phương pháp vận chuyển hàng hóa	6
1.2.3 Vận tải đường biển	6
1.3 Quy trình khai báo hải quan hàng nhập khẩu lễ container	7
1.3.1 Khai báo và đăng ký tờ khai hải quan.....	7
1.3.2 Tiếp nhận kết quả phân luồng và thực hiện thủ tục theo luồng.....	8
1.3.3 Thực hiện nghĩa vụ thuế và các yêu cầu quản lý chuyên ngành	8
1.3.4 Thông quan và nhận hàng	9
1.4 Các quy định pháp lý và hệ thống chứng từ	9
1.4.1 Một số văn bản pháp luật hiện hành về quản lý ngoại thương và thủ tục hải quan.....	9
1.4.2 Hệ thống chứng từ trong khai báo hải quan nhập khẩu.....	10

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUY TRÌNH KHAI BÁO HẢI QUAN CHO HÀNG HÓA NHẬP KHẨU LỄ CONTAINER BẰNG ĐƯỜNG BIỂN TẠI CÔNG TY TNHH VẬN TẢI BÁCH VIỆT.....	12
2.1 Tổng quan về Công ty TNHH Vận tải Bách Việt	12
2.1.1 Giới thiệu chung về Công ty TNHH Vận tải Bách Việt	12
2.1.2 Quá trình hình thành và phát triển	12
2.1.3 Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi - Giá trị niềm tin của Công ty Vận tải Bách Việt	14
2.1.4 Sản phẩm dịch vụ kinh doanh của Công ty TNHH Vận tải Bách Việt	14
2.1.5 Cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ từng phòng ban của công ty	18
2.1.6 Các nguồn lực của Công ty TNHH Vận tải Bách Việt ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh	20
2.2 Thực trạng hoạt động kinh doanh của công ty	26
2.2.1 Nguồn lực kinh doanh	26
2.2.2 Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Vận tải Bách Việt.....	29
2.2.3 Phân tích hoạt động khai báo hải quan của Công ty TNHH Vận tải Bách Việt	32
2.3 Thực trạng quy trình khai báo hải quan cho hàng hóa nhập khẩu lễ container bằng đường biển tại Công ty TNHH Vận Tải Bách Việt.....	34
2.3.1 Nhận và kiểm tra bộ hồ sơ hải quan từ khách hàng	34
2.3.2 Lập tờ khai và truyền khai báo hải quan	37
2.3.3 Nhận thông tin phản hồi từ hải quan và xử lý kết quả phân luồng	42
2.3.4 Nộp thuế và lệ phí hải quan	44

2.3.5 Thực hiện thông quan, bàn giao hàng hóa, chứng từ và lưu trữ hồ sơ	46
2.4 Đánh giá chung về quy trình khai báo hải quan cho hàng hóa nhập khẩu lẻ container bằng đường biển tại Công ty TNHH Vận Tải Bách Việt.....	48
2.4.1 Kết quả đạt được.....	48
2.4.2 Tồn tại và nguyên nhân	49
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN QUY TRÌNH KHAI BÁO HẢI QUAN CHO HÀNG HÓA NHẬP KHẨU LẺ CONTAINER BẰNG ĐƯỜNG BIỂN TẠI CÔNG TY TNHH VẬN TẢI BÁCH VIỆT	53
3.1. Định hướng và mục tiêu hoàn thiện quy trình khai báo hải quan.....	53
3.1.1. Nghiên cứu và dự báo môi trường kinh doanh	53
3.1.2. Định hướng và mục tiêu phát triển của công ty.....	57
3.2. Hoàn thiện quy trình khai báo hải quan cho hàng hóa nhập khẩu lẻ container bằng đường biển	59
3.2.1. Căn cứ đề xuất giải pháp.....	59
3.2.2. Giải pháp cải tiến quy trình.....	59
3.2.3. Một số giải pháp hỗ trợ	62
3.2.4. Lợi ích của các giải pháp.....	68
3.3. Điều kiện và cách thức thực hiện giải pháp	69
3.3.1. Điều kiện thực hiện	69
3.3.2. Kế hoạch thực hiện giải pháp	71
3.3.3. Một số lưu ý khi triển khai.....	72
KẾT LUẬN.....	74
TÀI LIỆU THAM KHẢO	76
PHỤ LỤC.....	77

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1 Trang thiết bị công ty	21
Bảng 2.2. Thống kê số lượng người lao động trong các năm 2023, 2024, 2025	22
Bảng 2.3. Tình hình tài sản và nguồn vốn của công ty TNHH Vận tải Bách Việt giai đoạn 2023-2025	24
Bảng 2.4. Tình hình doanh thu – lợi nhuận công ty TNHH Vận tải Bách giai đoạn 2023-2025	26
Bảng 2.5 Đánh giá khả năng sinh lời của công ty TNHH Vận tải Bách Việt	28
Bảng 2.6 Tình hình doanh thu hoạt động khai báo hải quan của Công ty TNHH Vận tải Bách Việt giai đoạn 2023–2025	33

DANH SÁCH HÌNH VẼ, SƠ ĐỒ

HÌNH VẼ

Hình 1.1 Quy trình khai báo hải quan cho hàng nhập khẩu lẻ container (LCL).....	7
Hình 2.1. Logo công ty	12
Hình 2.2 Giao diện phần mềm khai hải quan điện tử ECUSS VNACCS	38
Hình 2.3 Mở tờ khai hải quan hàng nhập khẩu	39
Hình 2.4 Tiến hành lên tờ khai hải quan	39
Hình 2.5 nhập các thông tin chung 2	40
Hình 2.6 Thông tin vận đơn.....	40
Hình 2.7 Danh sách hàng.....	41
Hình 2.8 Kết quả phân luồng.....	43
Hình 2.9 Các chi phí thuế	46
Hình 2.10 Mã vạch thông quan	48

SƠ ĐỒ

Sơ đồ 2.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Vận tải Bách Việt	18
Sơ đồ 2.1 bộ phận OP truyền tờ khai của Công ty TNHH Vận tải Bách Việt	32
Sơ đồ 2.2 Quy trình khai báo hải quan cho hàng hóa nhập khẩu lẻ cont bằng đường biển tại Công ty TNHH Vận tải Bách Việt	34

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TỪ VIẾT TẮT	NGHĨA CỦA TỪ VIẾT TẮT
LCL	Hàng lẻ container
FCL	Hàng nguyên container
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
UNCTAD	United Nations Conference on Trade and Development (Hội nghị Liên Hợp Quốc về Thương mại và Phát triển)
CFS	Kho hàng lẻ
HS code	Harmonized System Code (mã số phân loại hàng hóa)
ECUS5-VNACCS	Phần mềm khai hải quan điện tử kết nối VNACCS
C/O	Certificate of Origin – Giấy chứng nhận xuất xứ
B/L	Bill of Lading – Vận đơn đường biển
HBL	House Bill of Lading – Vận đơn nhà
MBL	Master Bill of Lading – Vận đơn chủ
MAWB	Master Air Waybill – Vận đơn hàng không chủ
HAWB	House Air Waybill – Vận đơn hàng không nhà
PO	Purchase Order – Đơn đặt hàng
Incoterms	Điều kiện thương mại quốc tế
ATTP	An toàn thực phẩm
VAT	Value Added Tax – Thuế giá trị gia tăng
TTĐB	Thuế tiêu thụ đặc biệt
BVMT	Bảo vệ môi trường
ROS	Return on Sales – Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần
ROE	Return on Equity – Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu
ROA	Return on Assets – Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản
TSNH	Tài sản ngắn hạn
TSCĐ	Tài sản cố định
XNK	Xuất nhập khẩu
NK	Nhập khẩu
IATA	International Air Transport Association
FMC	Federal Maritime Commission
WCA	World Cargo Alliance
LPI	Logistics Performance Index
ETA	Estimated Time of Arrival – Thời gian dự kiến tàu đến
OP	Operations – Bộ phận khai thác
CIF	Cost, Insurance and Freight

LỜI NÓI ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong những năm gần đây, hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam phát triển khá mạnh, kéo theo nhu cầu vận chuyển hàng hóa quốc tế ngày càng tăng. Trong đó, vận chuyển bằng đường biển vẫn là một trong những phương thức phổ biến vì phù hợp với hàng hóa có khối lượng lớn, chi phí tương đối hợp lý và đáp ứng tốt nhu cầu giao thương giữa các quốc gia. Đối với những lô hàng chưa đủ để đóng nguyên container, doanh nghiệp thường lựa chọn hình thức nhập khẩu lẻ container để tiết kiệm chi phí vận chuyển và linh hoạt hơn trong kế hoạch kinh doanh.

Cùng với sự phát triển của hoạt động thương mại quốc tế, ngành hải quan cũng từng bước đẩy mạnh hiện đại hóa thủ tục hành chính, đặc biệt là việc áp dụng khai báo hải quan điện tử. So với phương thức truyền thống, khai báo hải quan điện tử giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm bớt thủ tục giấy tờ, đồng thời nâng cao hiệu quả xử lý hồ sơ. Tuy nhiên, trên thực tế, quá trình khai báo vẫn đòi hỏi người thực hiện phải nắm khá chắc về chứng từ, quy trình nghiệp vụ cũng như các quy định liên quan. Chỉ cần sai sót ở một vài thông tin nhỏ như mã HS, số vận đơn, trị giá hàng hóa hay loại hình nhập khẩu cũng có thể làm ảnh hưởng đến tiến độ thông quan.

Đối với hàng nhập khẩu lẻ container bằng đường biển, quy trình khai báo hải quan điện tử lại càng cần được thực hiện cẩn thận vì liên quan đến nhiều chứng từ và nhiều bên phối hợp như khách hàng, hãng tàu, đơn vị gom hàng, cảng và cơ quan hải quan. Trong quá trình thực tập tại Công ty TNHH Vận tải Bách Việt với vị trí thực tập sinh khai báo hải quan, em có cơ hội được tiếp cận trực tiếp với quy trình này, từ khâu tiếp nhận chứng từ, kiểm tra thông tin đến hỗ trợ lên tờ khai và xử lý các bước liên quan. Qua đó, em nhận thấy đây là một nghiệp vụ có tính thực tế cao, gắn liền với kiến thức chuyên ngành Logistics và Quản trị chuỗi cung ứng, đồng thời cũng là nội dung đáng để tìm hiểu sâu hơn.

Xuất phát từ những lý do trên, em quyết định chọn đề tài **“Quy trình khai báo hải quan cho hàng hóa nhập khẩu lẻ container bằng đường biển của Công ty TNHH Vận tải Bách Việt”** làm khóa luận tốt nghiệp. Thông qua đề tài này, em mong muốn có thể hệ thống lại những kiến thức đã học, kết hợp với thực tế tại doanh nghiệp để hiểu rõ hơn về quy trình khai báo hải quan điện tử, từ đó đưa ra một số nhận xét và đề xuất phù hợp.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Đề tài được thực hiện nhằm tìm hiểu và phân tích quy trình khai báo hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu lẻ container bằng đường biển tại Công ty TNHH Vận tải Bách Việt.

Cụ thể, đề tài hướng đến các mục tiêu sau:

- Hệ thống lại những vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến khai báo hải quan điện tử và hàng hóa nhập khẩu lẻ container bằng đường biển.
- Tìm hiểu thực tế quy trình khai báo hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu lẻ container bằng đường biển tại Công ty TNHH Vận tải Bách Việt .
- Đánh giá những kết quả đạt được cũng như hạn chế còn tồn tại trong quá trình thực hiện nghiệp vụ tại công ty.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện quy trình khai báo hải quan cho hàng hóa nhập khẩu lẻ container bằng đường biển tại công ty.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: quy trình khai báo hải quan cho hàng hóa nhập khẩu lẻ container bằng đường biển tại Công ty TNHH Vận tải Bách Việt.

Phạm vi nghiên cứu: được xác định như sau:

- Về nội dung: đề tài tập trung nghiên cứu quy trình khai báo hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu lẻ container bằng đường biển, không đi sâu vào các loại hình xuất nhập khẩu khác hay toàn bộ hoạt động logistics của công ty.
- Về không gian: đề tài được nghiên cứu tại Công ty TNHH Vận tải Bách Việt.
- Về thời gian: đề tài được nghiên cứu trên cơ sở thông tin, tài liệu và quá trình quan sát thực tế trong thời gian em thực tập tại công ty.

4. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện đề tài, em sử dụng một số phương pháp nghiên cứu chủ yếu như sau:

Trước hết là phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp, thông qua giáo trình, tài liệu học tập, các văn bản pháp luật liên quan đến hải quan, xuất nhập khẩu, cùng với một số tài liệu nội bộ của doanh nghiệp. Phương pháp này giúp em có cơ sở để xây dựng phần lý luận và hỗ trợ cho việc phân tích đề tài.

Bên cạnh đó, em sử dụng phương pháp quan sát thực tế trong thời gian thực tập tại công ty. Việc trực tiếp theo dõi các bước tiếp nhận chứng từ, kiểm tra hồ sơ và hỗ trợ khai báo giúp em hiểu rõ hơn quy trình thực hiện nghiệp vụ tại doanh nghiệp.

Ngoài ra, đề tài còn sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp để làm rõ nội dung quy trình khai báo hải quan điện tử, từ đó rút ra những điểm đạt được, những hạn chế và nguyên nhân của các vấn đề còn tồn tại.

Cuối cùng, phương pháp so sánh và đối chiếu cũng được sử dụng nhằm so sánh giữa lý thuyết đã học và thực tế triển khai tại doanh nghiệp, qua đó làm cơ sở cho việc đề xuất một số giải pháp phù hợp.

5. Kết cấu khóa luận

Ngoài lời mở đầu và kết luận, phụ lục và tài liệu tham khảo, nội dung khóa luận tốt nghiệp kết cấu gồm 3 chương:

- Chương 1: Cơ sở lý luận về quy trình khai báo hải quan cho hàng hóa nhập khẩu lẻ container bằng đường biển.
- Chương 2: Thực trạng quy trình khai báo hải quan cho hàng hóa nhập khẩu lẻ container bằng đường biển tại Công ty TNHH Vận tải Bách Việt.
- Chương 3: Giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình khai báo hải quan cho hàng hóa nhập khẩu lẻ container bằng đường biển tại Công ty TNHH Vận tải Bách Việt.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUY TRÌNH KHAI BÁO HẢI QUAN CHO HÀNG HÓA NHẬP KHẨU LỄ CONTAINER BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

1. 1 Tổng quan về khai báo hải quan

1.1.1 Hải quan và khai báo hải quan

Hải quan là một trong những cơ quan trọng yếu trong hệ thống quản lý nhà nước về kinh tế đối ngoại. Theo Luật Hải quan số 54/2014/QH13, hải quan có chức năng thực hiện việc kiểm tra, giám sát hàng hóa, phương tiện vận tải xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; đồng thời tổ chức thu thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu và thực hiện các biện pháp phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới (Quốc hội, 2014). Như vậy, hải quan không chỉ là cơ quan thực thi pháp luật mà còn giữ vai trò quan trọng trong việc bảo vệ an ninh kinh tế, bảo đảm trật tự quản lý thương mại và tạo thuận lợi cho hoạt động giao thương quốc tế.

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, khối lượng hàng hóa xuất nhập khẩu gia tăng nhanh chóng, chủng loại hàng hóa ngày càng đa dạng, trong khi chuỗi cung ứng toàn cầu lại có tính kết nối cao và biến động liên tục. Điều này đặt ra yêu cầu đối với cơ quan hải quan không chỉ dừng lại ở chức năng kiểm soát mà còn phải cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa quy trình nghiệp vụ và áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý. Vì vậy, hải quan hiện đại vừa phải bảo đảm chặt chẽ về quản lý nhà nước, vừa phải tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp (Tổng cục Hải quan, 2023).

Trong phạm vi hoạt động xuất nhập khẩu, khai báo hải quan là việc người khai hải quan cung cấp các thông tin cần thiết về hàng hóa, phương tiện vận tải và chứng từ liên quan cho cơ quan hải quan theo đúng quy định pháp luật. Các thông tin khai báo thường bao gồm tên hàng, mã số hàng hóa, số lượng, trọng lượng, trị giá, xuất xứ, loại hình nhập khẩu, điều kiện giao hàng, phương thức vận chuyển và các dữ liệu khác phục vụ cho việc xác định chính sách quản lý mặt hàng, tính thuế và thực hiện kiểm tra chuyên ngành nếu có. Theo quy định của pháp luật hải quan, người khai có trách nhiệm bảo đảm tính chính xác, trung thực và đầy đủ của nội dung khai báo (Quốc hội, 2014).

Về bản chất, khai báo hải quan là cầu nối giữa hoạt động thương mại và hoạt động quản lý nhà nước. Thông qua việc khai báo, doanh nghiệp chuyển hóa các thông tin thương mại, vận tải và pháp lý thành dữ liệu hải quan để cơ quan chức năng xem xét, phân luồng, xác định nghĩa vụ thuế và quyết định thông quan. Nếu khai báo chính xác,

doanh nghiệp sẽ tiết kiệm được thời gian, giảm chi phí và hạn chế rủi ro pháp lý. Ngược lại, nếu khai báo sai hoặc thiếu, doanh nghiệp có thể đối mặt với việc sửa tờ khai, kéo dài thời gian thông quan, phát sinh chi phí lưu bãi, lưu container và thậm chí bị xử phạt vi phạm hành chính.

Ở góc độ nghiệp vụ logistics, khai báo hải quan không đơn thuần là thao tác kỹ thuật trên phần mềm mà là một quá trình tổng hợp kiến thức về pháp luật, thương mại quốc tế, vận tải và chứng từ. Người làm nghiệp vụ phải hiểu rõ bản chất hàng hóa, nắm vững quy định pháp luật, đồng thời có khả năng kiểm tra, đối chiếu và xử lý các dữ liệu liên quan. Chính vì vậy, khai báo hải quan được xem là một khâu có tính chuyên môn hóa cao và có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả vận hành chuỗi cung ứng.

1.1.2 Đặc điểm của khai báo hải quan

Khai báo hải quan là một nghiệp vụ mang tính pháp lý cao và có nhiều đặc điểm riêng biệt. Việc nhận diện các đặc điểm này giúp làm rõ bản chất của hoạt động khai báo, đồng thời cho thấy vì sao đây là một công việc đòi hỏi sự cẩn trọng, chính xác và am hiểu chuyên môn.

- Thứ nhất, khai báo hải quan có tính pháp lý cao.

Mọi thông tin được ghi nhận trên tờ khai hải quan đều là căn cứ để cơ quan hải quan đánh giá tính hợp lệ của hàng hóa, xác định mức thuế và xem xét điều kiện thông quan. Do đó, nội dung khai báo không chỉ mang tính chất kỹ thuật mà còn có giá trị pháp lý rõ ràng. Theo Luật Hải quan 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành, người khai hải quan phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã khai (Quốc hội, 2014; Chính phủ, 2015). Điều này khiến khai báo hải quan trở thành một hoạt động có độ ràng buộc cao, đòi hỏi sự thận trọng tuyệt đối.

- Thứ hai, khai báo hải quan yêu cầu độ chính xác và tính thống nhất cao.

Một bộ hồ sơ nhập khẩu thường bao gồm nhiều chứng từ như hợp đồng, invoice, packing list, vận đơn, giấy phép, chứng nhận xuất xứ và các tài liệu liên quan khác. Các chứng từ này phải thống nhất với nhau về tên hàng, số lượng, trọng lượng, đơn giá, điều kiện giao hàng và mô tả hàng hóa. Nếu các thông tin này không đồng nhất, doanh nghiệp dễ bị cơ quan hải quan yêu cầu giải trình hoặc sửa đổi hồ sơ. Trong thực tế, nhiều lô hàng bị chậm thông quan không phải do hàng hóa thuộc diện kiểm soát đặc biệt, mà do sai lệch nhỏ giữa các chứng từ.

- Thứ ba, khai báo hải quan mang tính chuyên môn hóa sâu.

Người khai hải quan phải có kiến thức về phân loại hàng hóa, mã HS, trị giá hải quan, chính sách mặt hàng, thuế suất, xuất xứ hàng hóa và quy định kiểm tra chuyên ngành. Đây là một lĩnh vực giao thoa giữa pháp luật, ngoại thương, logistics và nghiệp vụ kế toán chứng từ. Theo các hướng dẫn nghiệp vụ của Bộ Tài chính và Tổng cục Hải quan, việc xác định đúng bản chất hàng hóa là cơ sở quan trọng nhất để khai báo chính xác và hạn chế rủi ro bị truy thu thuế hoặc xử phạt (Bộ Tài chính, 2015; Bộ Tài chính, 2018).

- Thứ tư, khai báo hải quan ngày càng gắn với số hóa và tự động hóa.

Tại Việt Nam, hải quan điện tử đã trở thành phương thức khai báo chủ đạo. Doanh nghiệp truyền dữ liệu qua hệ thống điện tử, nhận kết quả phản hồi tự động và thực hiện các bước tiếp theo theo luồng xử lý được phân loại. Cách thức này giúp giảm thời gian xử lý, hạn chế giấy tờ, nâng cao tính minh bạch và giảm phụ thuộc vào các thao tác thủ công (Tổng cục Hải quan, 2023). Tuy nhiên, để vận hành hiệu quả trong môi trường điện tử, người khai phải có kỹ năng sử dụng phần mềm, xử lý tình huống và cập nhật thường xuyên các thay đổi chính sách.

- Thứ năm, khai báo hải quan chịu ảnh hưởng của nhiều chủ thể liên quan.

Một lô hàng nhập khẩu không chỉ phụ thuộc vào một doanh nghiệp duy nhất mà còn liên quan đến người bán, người mua, hãng tàu, đại lý vận tải, kho bãi, ngân hàng, cơ quan quản lý chuyên ngành và cơ quan hải quan. Vì vậy, bất kỳ sai sót hoặc chậm trễ ở một khâu nào cũng có thể ảnh hưởng tới toàn bộ quy trình. Đây là lý do cho thấy khai báo hải quan là nghiệp vụ cần sự phối hợp liên ngành và khả năng điều phối tốt.

1.1.3 Vai trò của khai báo hải quan trong hoạt động xuất nhập khẩu

Khai báo hải quan đóng vai trò trung tâm trong quy trình xuất nhập khẩu, đặc biệt là đối với hàng nhập khẩu. Vai trò này thể hiện trên nhiều phương diện khác nhau.

Trước hết, đối với doanh nghiệp, khai báo hải quan chính xác giúp hàng hóa được thông quan nhanh chóng, từ đó rút ngắn thời gian giao nhận và giảm chi phí phát sinh. Trong thực tế kinh doanh, thời gian là yếu tố rất quan trọng. Một lô hàng bị chậm thông quan có thể làm chậm tiến độ sản xuất, ảnh hưởng kế hoạch phân phối, gây mất uy tín với khách hàng và làm tăng chi phí logistics. Do đó, chất lượng khai báo tác động trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Thứ hai, đối với doanh nghiệp logistics và giao nhận, khai báo hải quan là một dịch vụ nghiệp vụ cốt lõi. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khai báo càng chính xác, càng nhanh chóng thì càng nâng cao được năng lực cạnh tranh. Trong môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt, chất lượng dịch vụ khai báo là một trong những yếu tố thể hiện năng lực chuyên môn của doanh nghiệp logistics. Đối với các đơn vị như Công ty TNHH Vận tải Bách Việt, đây là mắt xích quan trọng trong chuỗi dịch vụ giao nhận hàng hóa nhập khẩu.

Thứ ba, đối với cơ quan quản lý nhà nước, khai báo hải quan là nguồn dữ liệu ban đầu để kiểm soát hàng hóa xuất nhập khẩu, xác định nghĩa vụ thuế, phát hiện gian lận và áp dụng quản lý rủi ro. Thông qua hệ thống khai báo, cơ quan hải quan có thể phân luồng, lựa chọn tờ khai cần kiểm tra hồ sơ hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa. Đây là cơ chế giúp bảo đảm sự cân bằng giữa quản lý và tạo thuận lợi thương mại (Luật Hải quan, 2014).

Thứ tư, đối với nền kinh tế, một hệ thống khai báo hải quan hiệu quả góp phần giảm chi phí giao dịch, rút ngắn thời gian thông quan và nâng cao mức độ kết nối của Việt Nam với thị trường quốc tế. Trong bối cảnh tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do, sự thông suốt của thủ tục hải quan có ý nghĩa quan trọng đối với năng lực cạnh tranh quốc gia và khả năng thu hút đầu tư.

Từ những phân tích trên có thể thấy, khai báo hải quan không chỉ là một thủ tục bắt buộc mà còn là một công cụ quản trị thương mại, một dịch vụ logistics quan trọng và là yếu tố tác động trực tiếp tới hiệu quả chuỗi cung ứng.

1.1.4 Hệ thống hải quan điện tử tại Việt Nam

Cùng với tiến trình cải cách hành chính và chuyển đổi số, hệ thống hải quan điện tử tại Việt Nam đã được triển khai mạnh mẽ trong nhiều năm qua. Mục tiêu của quá trình này là hiện đại hóa thủ tục hải quan, tăng tính công khai minh bạch, giảm thời gian xử lý và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

Theo định hướng của ngành hải quan, mô hình hải quan điện tử cho phép doanh nghiệp thực hiện các nghiệp vụ khai báo, nộp hồ sơ, nhận phản hồi và theo dõi trạng thái xử lý trên môi trường số. Việc này giúp hạn chế tình trạng xử lý thủ công, giảm tiếp xúc trực tiếp giữa cán bộ và doanh nghiệp, đồng thời góp phần phòng ngừa tiêu cực và tăng mức độ minh bạch trong quá trình xử lý hồ sơ.

Một ưu điểm lớn của hệ thống hải quan điện tử là khả năng tích hợp với cơ chế quản lý rủi ro. Trên cơ sở dữ liệu lịch sử, mức độ tuân thủ và tiêu chí quản lý, hệ thống có thể tự động phân luồng tờ khai thành luồng xanh, vàng hoặc đỏ. Cách phân luồng này giúp cơ quan hải quan tập trung nguồn lực vào những lô hàng có nguy cơ cao, đồng thời giảm kiểm tra trùng lặp đối với các doanh nghiệp chấp hành tốt pháp luật.

Tuy nhiên, hệ thống điện tử cũng đặt ra nhiều yêu cầu mới đối với doanh nghiệp. Trước hết, doanh nghiệp phải bảo đảm hạ tầng kỹ thuật và phần mềm khai báo ổn định. Thứ hai, đội ngũ nhân sự phải được đào tạo nghiệp vụ để nhập dữ liệu chính xác, xử lý tình huống phát sinh và cập nhật các thay đổi về chính sách mặt hàng, thuế suất hay biểu mẫu chứng từ. Thứ ba, doanh nghiệp cần có cơ chế kiểm soát nội bộ chặt chẽ để tránh sai sót do con người hoặc do việc truyền dữ liệu không đồng nhất.

Đặc biệt, trong trường hợp hàng nhập khẩu lẻ container bằng đường biển, hải quan điện tử không thể phát huy hiệu quả nếu thiếu sự phối hợp giữa nhiều bên như hãng tàu, đại lý, kho CFS và doanh nghiệp nhập khẩu. Do đó, hệ thống điện tử tuy là công cụ hỗ trợ quan trọng nhưng không thể thay thế hoàn toàn sự chính xác và chủ động của người khai hải quan.

1.2 Hàng hóa nhập khẩu lẻ container

1.2.1 Khái niệm hàng hóa nhập khẩu

Hàng hóa nhập khẩu là hàng hóa được đưa từ nước ngoài vào lãnh thổ Việt Nam thông qua các phương thức vận tải khác nhau nhằm phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, gia công, đầu tư hoặc các mục đích hợp pháp khác. Hàng hóa nhập khẩu có thể là nguyên liệu đầu vào, máy móc thiết bị, linh kiện, hàng tiêu dùng, hàng dự án hoặc hàng mẫu.

Trong thương mại quốc tế, hàng hóa nhập khẩu được phân chia theo nhiều tiêu chí như chủng loại, quy mô lô hàng, phương thức vận chuyển, mục đích nhập khẩu và tính chất pháp lý. Một trong những cách phân loại quan trọng trong logistics là chia hàng thành hàng nguyên container (FCL) và hàng lẻ container (LCL). Cách phân loại này có ý nghĩa thực tiễn rất lớn vì nó ảnh hưởng đến cách thức vận chuyển, lưu kho, khai báo hải quan, giao nhận và tính chi phí.

Hàng nhập khẩu lẻ container là hàng hóa không đủ để lấp đầy một container riêng nên được ghép chung với hàng của các chủ hàng khác trong cùng một container. Hình thức này thường được áp dụng đối với những doanh nghiệp có lô hàng nhỏ, khối lượng

ít hoặc nhu cầu nhập khẩu không thường xuyên. So với việc thuê nguyên container, lẻ container giúp tiết kiệm chi phí đáng kể nhưng đồng thời làm tăng mức độ phức tạp trong quá trình xử lý chứng từ và giao nhận.

1.2.2 Các phương pháp vận chuyển hàng hóa

Trong thương mại quốc tế, hàng hóa có thể được vận chuyển bằng nhiều phương thức khác nhau. Mỗi phương thức có đặc điểm riêng về chi phí, tốc độ, khả năng chuyên chở và phạm vi ứng dụng.

Vận tải đường biển là phương thức phổ biến nhất trong thương mại toàn cầu. Theo UNCTAD (2023), vận tải biển chiếm phần lớn khối lượng hàng hóa luân chuyển giữa các quốc gia, đặc biệt đối với hàng container, hàng rời và hàng siêu trường siêu trọng. Lợi thế lớn nhất của đường biển là khả năng chở được khối lượng hàng rất lớn với chi phí tương đối thấp.

Vận tải đường hàng không có ưu điểm là tốc độ nhanh, phù hợp với hàng giá trị cao, hàng cần giao gấp hoặc hàng dễ hư hỏng. Tuy nhiên, chi phí vận chuyển bằng đường hàng không thường cao hơn nhiều so với đường biển.

Vận tải đường bộ thường được sử dụng trong vận chuyển xuyên biên giới khu vực hoặc vận chuyển nội địa từ cảng về kho. Phương thức này linh hoạt nhưng chịu ảnh hưởng nhiều bởi điều kiện giao thông và thủ tục biên giới.

Vận tải đường sắt có ưu điểm là ổn định, ít bị ảnh hưởng bởi thời tiết và có chi phí hợp lý ở một số tuyến nhất định. Tuy nhiên, phạm vi ứng dụng của đường sắt quốc tế vẫn còn hạn chế.

Vận tải đa phương thức là sự kết hợp của nhiều phương thức vận tải khác nhau nhằm tối ưu thời gian và chi phí. Trong thực tiễn, hàng nhập khẩu lẻ container thường đi qua chuỗi đa phương thức: từ nhà máy người bán → cảng xuất → vận tải biển → cảng nhập → kho CFS → vận chuyển nội địa đến tay người mua.

Nhìn chung, việc lựa chọn phương thức vận chuyển phụ thuộc vào tính chất hàng hóa, thời gian yêu cầu, chi phí và chiến lược logistics của doanh nghiệp. Đối với hàng lẻ container, vận tải đường biển là lựa chọn phổ biến do phù hợp với những lô hàng nhỏ và có chi phí tối ưu.

1.2.3 Vận tải đường biển

Vận tải đường biển là phương thức chuyên chở hàng hóa bằng tàu biển thông qua các tuyến hàng hải quốc tế hoặc nội địa. Đây là phương thức vận tải có lịch sử phát triển

lâu đời và hiện vẫn giữ vai trò then chốt trong thương mại toàn cầu. Theo báo cáo của UNCTAD, phần lớn thương mại hàng hóa thế giới được vận chuyển bằng đường biển, cho thấy vai trò trung tâm của phương thức này trong kết nối cung cầu giữa các quốc gia (UNCTAD, 2023).

Ưu điểm của vận tải đường biển bao gồm:

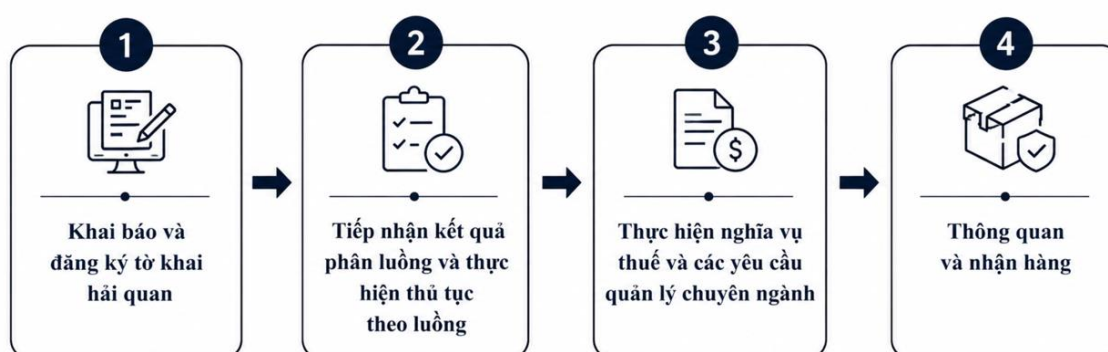
- Có khả năng chuyên chở khối lượng hàng hóa rất lớn;
- Phù hợp với nhiều loại hàng, đặc biệt là hàng cồng kềnh hoặc hàng không yêu cầu gấp về thời gian;
- Chi phí vận chuyển tương đối thấp;
- Tạo điều kiện kết nối giữa nhiều cảng biển quốc tế.

Bên cạnh đó, vận tải đường biển cũng tồn tại một số hạn chế nhất định:

- Thời gian vận chuyển dài hơn so với đường hàng không;
- Phụ thuộc vào lịch tàu, điều kiện thời tiết và năng lực cảng;
- Có thể phát sinh chi phí lưu kho, lưu bãi nếu chứng từ hoặc thủ tục không kịp thời;
- Quy trình giao nhận thường phức tạp vì phải qua nhiều bên trung gian.

Đối với hàng nhập khẩu lẻ container, hàng của nhiều chủ hàng được gom chung trong cùng một container tại cảng xuất. Sau khi tàu cập cảng nhập, container được dỡ xuống kho CFS hoặc địa điểm tập kết để phân chia cho từng lô hàng riêng biệt. Điều này làm cho quy trình khai báo hải quan của hàng lẻ container trở nên phức tạp hơn hàng hàng nguyên container, vì ngoài chứng từ hải quan thông thường còn phải tính đến việc phối hợp giữa nhiều chủ thể và nhiều bước giao nhận trung gian.

1.3 Quy trình khai báo hải quan hàng nhập khẩu lẻ container



Hình 1.1 Quy trình khai báo hải quan cho hàng nhập khẩu lẻ container (LCL)

1.3.1 Khai báo và đăng ký tờ khai hải quan

Khai báo và đăng ký tờ khai hải quan là bước đầu tiên trong quy trình khai báo hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu bằng đường biển. Đây là quá trình người khai hải quan sử dụng hệ thống thông quan điện tử của cơ quan hải quan để truyền các thông tin liên quan đến lô hàng nhập khẩu theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào bộ chứng từ của lô hàng như hợp đồng ngoại thương, hóa đơn thương mại, phiếu đóng gói hàng hóa, vận đơn và các chứng từ có liên quan khác, người khai hải quan thực hiện khai báo các chỉ tiêu thông tin trên hệ thống VNACCS/VCIS. Nội dung khai báo bao gồm thông tin về người nhập khẩu, người xuất khẩu, mã số hàng hóa, trị giá hải quan, số lượng hàng hóa, thuế suất và các thông tin cần thiết khác.

Sau khi dữ liệu được hệ thống tiếp nhận và kiểm tra, tờ khai hải quan được cấp số đăng ký. Việc khai báo chính xác, đầy đủ và phù hợp với chứng từ là cơ sở quan trọng để cơ quan hải quan thực hiện việc quản lý, giám sát và quyết định hình thức kiểm tra đối với lô hàng.

1.3.2 Tiếp nhận kết quả phân luồng và thực hiện thủ tục theo luồng

Sau khi tờ khai hải quan được đăng ký, hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan hải quan sẽ tự động thực hiện phân luồng kiểm tra trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro. Kết quả phân luồng bao gồm luồng xanh, luồng vàng và luồng đỏ.

Đối với luồng xanh, hàng hóa được miễn kiểm tra hồ sơ và miễn kiểm tra thực tế hàng hóa. Đối với luồng vàng, cơ quan hải quan tiến hành kiểm tra hồ sơ hải quan nhằm đối chiếu và xác minh tính chính xác của các nội dung đã khai báo. Đối với luồng đỏ, ngoài việc kiểm tra hồ sơ, cơ quan hải quan còn thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa theo quy định.

Quá trình phân luồng giúp cơ quan hải quan nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu thông qua việc áp dụng các mức độ kiểm tra phù hợp với từng lô hàng.

1.3.3 Thực hiện nghĩa vụ thuế và các yêu cầu quản lý chuyên ngành

Sau khi hoàn thành việc kiểm tra theo quy định, người khai hải quan có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước. Các khoản thuế phải nộp có thể bao gồm thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng và các loại thuế khác tùy thuộc vào tính chất của hàng hóa nhập khẩu.

Bên cạnh nghĩa vụ thuế, một số mặt hàng còn thuộc diện quản lý chuyên ngành và phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Các yêu cầu này có thể bao gồm kiểm dịch, kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm hoặc các hình thức kiểm tra chuyên ngành khác theo quy định hiện hành.

Việc hoàn thành nghĩa vụ thuế và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu quản lý chuyên ngành là điều kiện để hàng hóa được xem xét thông quan theo quy định của pháp luật.

1.3.4 Thông quan và nhận hàng

Thông quan hàng hóa là việc cơ quan hải quan quyết định cho phép hàng hóa được xuất khẩu hoặc nhập khẩu sau khi người khai hải quan đã hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Đây là giai đoạn cuối cùng trong quy trình khai báo hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu bằng đường biển.

Sau khi được thông quan, hàng hóa được đưa ra khỏi khu vực giám sát hải quan để tiếp tục thực hiện các hoạt động lưu thông, vận chuyển hoặc sử dụng theo mục đích nhập khẩu. Việc hoàn tất thủ tục thông quan không chỉ bảo đảm tính hợp pháp của hàng hóa trong quá trình lưu thông mà còn góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động xuất nhập khẩu và quản lý nhà nước về hải quan.

1.4 Các quy định pháp lý và hệ thống chứng từ

1.4.1 Một số văn bản pháp luật hiện hành về quản lý ngoại thương và thủ tục hải quan

Hệ thống pháp luật điều chỉnh hoạt động khai báo hải quan tại Việt Nam tương đối đầy đủ và liên tục được hoàn thiện. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để doanh nghiệp thực hiện thủ tục đúng quy định và để cơ quan hải quan áp dụng thống nhất trong quá trình kiểm tra, giám sát.

Một số văn bản quan trọng gồm:

- Nghị định 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của luật quản lý ngoại thương
- QUYẾT ĐỊNH SỐ: 18/2019/QĐ-TTg và SỐ: 28/2022/QĐ-TTg quy định việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng
- Luật Hải quan số 54/2014/QH13;
- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14;
- Nghị định 08/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan;
- Nghị định 59/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2015/NĐ-CP;

- Thông tư 38/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính;
- Thông tư 39/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư 38/2015/TT-BTC;
- Nghị định 128/2020/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan;
- Các văn bản chuyên ngành về kiểm dịch, an toàn thực phẩm, kiểm tra chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật và quản lý hàng hóa có điều kiện.

Theo Luật Quản lý ngoại thương 2017, hoạt động xuất nhập khẩu phải được thực hiện trên cơ sở bảo đảm quyền tự do kinh doanh nhưng vẫn phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước, bảo vệ lợi ích quốc gia, an ninh, an toàn và các cam kết quốc tế của Việt Nam (Quốc hội, 2017). Điều này có nghĩa là không phải mọi loại hàng hóa đều được nhập khẩu tự do; tùy từng mặt hàng có thể cần giấy phép, kiểm tra chuyên ngành hoặc tuân thủ điều kiện đặc biệt.

Trong thực tiễn, người làm nghiệp vụ khai báo phải thường xuyên cập nhật các thay đổi về chính sách. Chỉ cần một thay đổi nhỏ trong thuế suất, danh mục quản lý chuyên ngành hay quy định về hồ sơ cũng có thể làm thay đổi hoàn toàn phương án khai báo. Vì vậy, việc nắm vững văn bản pháp luật là điều kiện tiên quyết để thực hiện đúng nghiệp vụ và hạn chế rủi ro.

1.4.2 Hệ thống chứng từ trong khai báo hải quan nhập khẩu

Chứng từ là nền tảng của toàn bộ quy trình khai báo hải quan. Bộ hồ sơ nhập khẩu chỉ được coi là đầy đủ khi có đầy đủ các giấy tờ cần thiết và các chứng từ đó phải có sự thống nhất nội dung với nhau. Một bộ chứng từ nhập khẩu thông thường bao gồm:

(1) Hợp đồng ngoại thương (Sales Contract)

Hợp đồng ngoại thương là văn bản thể hiện thỏa thuận mua bán giữa người mua và người bán. Trong hợp đồng thường quy định rõ tên hàng, số lượng, đơn giá, điều kiện giao hàng, phương thức thanh toán, thời gian giao hàng và trách nhiệm của các bên. Đây là căn cứ pháp lý ban đầu phản ánh giao dịch thương mại giữa hai bên.

(2) Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice)

Hóa đơn thương mại là chứng từ quan trọng nhất trong việc xác định trị giá hàng hóa nhập khẩu. Nội dung hóa đơn thể hiện tên hàng, số lượng, đơn giá, thành tiền, điều kiện giao hàng, đồng tiền thanh toán và các thông tin thương mại khác. Thông tin trên invoice phải phù hợp với hợp đồng và các chứng từ liên quan.

(3) Phiếu đóng gói (Packing List)

Phiếu đóng gói thể hiện cách thức đóng gói hàng hóa, số kiện, trọng lượng tịnh, trọng lượng cả bì, thể tích và quy cách đóng gói. Đây là chứng từ đặc biệt quan trọng đối với hàng lẻ container vì hàng được ghép chung trong container và cần phân biệt rõ từng lô hàng.

(4) Vận đơn đường biển (Bill of Lading)

Vận đơn đường biển là chứng từ vận tải do hãng tàu hoặc đại lý phát hành, xác nhận việc hàng đã được tiếp nhận để chuyên chở. Vận đơn không chỉ là chứng từ vận tải mà còn là căn cứ quan trọng để nhận hàng tại cảng đến. Trong nhiều trường hợp, thông tin trên vận đơn là một trong những căn cứ đối chiếu quan trọng khi khai báo hải quan.

(5) Thông báo hàng đến (Arrival Notice)

Thông báo hàng đến do hãng tàu hoặc đại lý phát hành nhằm thông báo cho người nhận hàng biết hàng đã đến cảng và cung cấp thông tin về phí local charges, địa điểm lấy lệnh và các thủ tục liên quan. Đây là chứng từ thường xuất hiện trong giai đoạn cận giao hàng.

(6) Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O)

Giấy chứng nhận xuất xứ dùng để xác nhận nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa. Nếu hàng nhập khẩu đáp ứng điều kiện xuất xứ theo hiệp định thương mại tự do, doanh nghiệp có thể được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt. Tuy nhiên, để được chấp nhận ưu đãi, C/O phải hợp lệ, đúng mẫu và nộp trong thời hạn quy định.

(7) Giấy phép nhập khẩu hoặc chứng từ kiểm tra chuyên ngành.

Đối với các mặt hàng thuộc diện quản lý chuyên ngành như thực phẩm, mỹ phẩm, thiết bị y tế, hóa chất, sản phẩm công nghệ hoặc hàng hóa ảnh hưởng đến an toàn, sức khỏe cộng đồng, doanh nghiệp có thể phải nộp giấy phép hoặc kết quả kiểm tra chuyên ngành trước khi thông quan.

(8) Các chứng từ bổ sung khác

Bên cạnh đó, tùy từng loại hàng và trường hợp cụ thể, có thể cần thêm chứng từ thanh toán, catalogue, tài liệu kỹ thuật, giấy ủy quyền, giấy xác nhận chất lượng hoặc các giấy tờ khác theo yêu cầu của cơ quan hải quan.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUY TRÌNH KHAI BÁO HẢI QUAN CHO HÀNG HÓA NHẬP KHẨU LỄ CONTAINER BẰNG ĐƯỜNG BIỂN TẠI CÔNG TY TNHH VẬN TẢI BÁCH VIỆT

2.1 Tổng quan về Công ty TNHH Vận tải Bách Việt

2.1.1 Giới thiệu chung về Công ty TNHH Vận tải Bách Việt



Hình 2.1. Logo công ty

- Tên đầy đủ: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VẬN TẢI BÁCH VIỆT
- Tên quốc tế: BACH VIET SHIPPING COMPANY LIMITED
- Tên viết tắt: BACH VIET SHIPPING CO., LTD
- Mã số thuế: 0101668065
- Trụ sở chính: P405 tầng 4, số 193 - 195 Khâm Thiên, Phường Thổ Quan, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Người đại diện pháp luật: Cao Xuân Tùng
- Website: <http://bachvietshipping.vn/vn/home.aspx>

2.1.2 Quá trình hình thành và phát triển

Năm 2005, công ty được thành lập với chỉ có duy nhất một nhân viên - chính là CEO bây giờ - ông Cao Xuân Tùng.

Năm 2006, nhằm phục vụ khách hàng tốt hơn nữa, Bách Việt đã mở văn phòng đại diện tại Hải Phòng để phát lệnh giao hàng và hỗ trợ khách hàng giải quyết các thủ tục hàng hóa xuất nhập khẩu tại cảng. Cũng trong năm 2006, Bách Việt mở văn phòng đại diện tại Hồ Chí Minh phát triển dịch vụ tại thị trường miền nam.

Năm 2010, sau khi đạt được những thành công nhất định, Bách Việt chính thức mở chi nhánh miền nam tại Hồ Chí Minh để có thể cạnh tranh trực tiếp với các công ty giao nhận vận tải tại đây.

Năm 2014, Bách Việt chính thức có mặt tại Thành phố Đà Nẵng. Đây là bằng chứng cho thấy không có bất kỳ giới hạn nào trong kinh doanh của tất cả công ty ở 3 miền Bắc – Trung – Nam.

Năm 2015, để tiếp nối sự phát triển toàn diện, BachVietGlobal được thành lập để nghiên cứu thị trường nước ngoài và đầu tư ra nước ngoài.

Năm 2017, Bách Việt chính thức là thành viên của WCA (World Cargo Alliance - Hiệp hội vận tải hàng hóa thế giới), đây là cơ hội để công ty có thể tăng cường cạnh tranh đồng thời nâng cao vị thế của công ty ở trong nước và cả trên thương trường quốc tế.

Năm 2019, Bách Việt mở thêm văn phòng tại sân bay Nội Bài - TP Hà Nội, đánh dấu chính thức sự phát triển mạnh mẽ của dịch vụ vận tải hàng không.

Năm 2021, Bách Việt được FMC (Ủy ban Hàng hải Liên bang) chấp nhận là công ty vận tải đa phương thức, là một trong số ít những công ty tại Việt Nam có chứng nhận FMC này.

Năm 2022, Bách Việt chính thức trở thành thành viên của tổ chức Jctrans. Tháng 12/2022 chi nhánh văn phòng sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất được khai trương nhằm phục vụ tốt hơn cũng như đánh dấu sự tăng trưởng của dịch vụ vận tải hàng không khu vực miền nam.

Năm 2023, BACHVIETGROUP.net từng bước mở rộng hoạt động với việc phát triển các dịch vụ mới, đẩy mạnh khai thác thị trường toàn cầu và đẩy mạnh vào mảng dịch vụ hàng xuất khẩu. Đồng thời, công ty cũng đã thiết lập hai văn phòng đại diện trong nước tại Lạng Sơn và Bắc Ninh, nhằm tăng cường năng lực kết nối và phục vụ khách hàng ở các khu vực trọng điểm.

Năm 2024, BACHVIETGROUP.net chính thức trở thành thành viên của Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (IATA) – tổ chức uy tín toàn cầu được thành lập từ năm 1945 tại Havana, có vai trò quan trọng trong việc thiết lập tiêu chuẩn và điều phối hoạt động vận tải hàng không. Việc gia nhập IATA không chỉ khẳng định uy tín và năng lực chuyên môn của công ty trong lĩnh vực logistics hàng không, mà còn thể hiện cam kết cung cấp dịch vụ theo chuẩn quốc tế, hướng đến hiệu quả và chất lượng vượt trội.

Đến thời điểm hiện tại, công ty TNHH Vận Tải Bách Việt đã và đang phát triển nhất trong ngành vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu. Cùng với lực lượng nhân viên tích

cực làm việc hằng ngày, hằng tuần hứa hẹn một Bách Việt ngày càng phát triển hơn nữa trong tương lai.

2.1.3 Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi - Giá trị niềm tin của Công ty Vận tải Bách Việt

Công ty Vận Tải Bách Việt với mong muốn sẽ trở thành công ty tiên phong trong lĩnh vực giao nhận hàng hóa quốc tế và hướng đến sự phát triển đa dạng các dịch vụ liên quan đến lĩnh vực cốt lõi của công ty.

Với sứ mệnh “làm cho việc giao nhận vận chuyển hàng hóa đơn giản hơn bao giờ hết”, công ty luôn cập nhật thông tin thị trường như giá cước, quy định hải quan, tình trạng các cảng,... để cung cấp những giải pháp và dịch vụ tiếp vận tốt nhất, tiết kiệm thời gian, chi phí và gia tăng lợi ích tiềm năng cho khách hàng và đối tác.

Tầm nhìn “Tăng nhân sự lên 1000 người, mang lại cơ hội việc làm cho nhiều người trong ngành Logistic”. Điều này giúp công ty luôn cố gắng nỗ lực không ngừng để mang lại cơ hội làm việc, phát huy hết khả năng và trao dồi kinh nghiệm cũng như nâng cao đời sống cho người lao động góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Giá trị cốt lõi “Chúng tôi phát triển cùng với các bạn”, công ty luôn trân trọng từng nhu cầu vận chuyển của khách hàng, từ một món quà nhỏ hay một bưu phẩm của công ty hay một đơn hàng xuất nhập khẩu, tất cả đều được công ty đón nhận

và triển khai một cách chủ động. Đồng hành cùng khách hàng trên con đường phát triển kinh doanh.

2.1.4 Sản phẩm dịch vụ kinh doanh của Công ty TNHH Vận tải Bách Việt

Các sản phẩm, dịch vụ kinh doanh chủ yếu của công ty bao gồm:

a. Dịch vụ vận tải hàng hóa

Dịch vụ vận tải hàng hóa là một trong những hoạt động kinh doanh quan trọng của Công ty TNHH Vận tải Bách Việt. Với đặc thù là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải, công ty thực hiện việc tổ chức phương tiện để vận chuyển hàng hóa theo yêu cầu của khách hàng. Hàng hóa có thể được vận chuyển từ cảng, sân bay, kho bãi về kho của doanh nghiệp hoặc từ kho của khách hàng đến các địa điểm phân phối khác.

Đối với hàng hóa nhập khẩu, dịch vụ vận tải thường được thực hiện sau khi lô hàng đã hoàn tất thủ tục hải quan và đủ điều kiện đưa ra khỏi khu vực giám sát hải quan. Công ty sẽ căn cứ vào đặc điểm hàng hóa, khối lượng, thời gian giao nhận và địa điểm giao hàng để sắp xếp phương tiện phù hợp. Việc tổ chức vận tải hợp lý giúp khách hàng đảm

bảo tiến độ nhận hàng, đồng thời hạn chế rủi ro phát sinh trong quá trình vận chuyển như chậm giao hàng, hư hỏng hàng hóa hoặc phát sinh chi phí lưu kho, lưu bãi.

Dịch vụ vận tải hàng hóa của công ty có thể bao gồm vận chuyển hàng container, hàng lẻ, hàng nguyên xe hoặc các loại hàng hóa thông thường phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của khách hàng. Đây là dịch vụ có mối liên hệ chặt chẽ với các hoạt động giao nhận và khai báo hải quan, góp phần hoàn thiện chuỗi dịch vụ logistics mà công ty cung cấp.

b. Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu

Bên cạnh vận tải nội địa, Công ty TNHH Vận tải Bách Việt còn cung cấp dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu. Đây là dịch vụ đóng vai trò trung gian, giúp kết nối giữa chủ hàng với các bên liên quan trong quá trình lưu thông hàng hóa như hãng tàu, hãng hàng không, cảng, kho bãi, cơ quan hải quan và đơn vị vận tải.

Đối với hàng nhập khẩu, quy trình giao nhận thường bắt đầu từ khi công ty tiếp nhận thông tin lô hàng từ khách hàng. Sau đó, công ty kiểm tra các thông tin về vận đơn, lịch tàu hoặc lịch bay, thời gian hàng đến, địa điểm nhận hàng và các khoản phí liên quan. Khi hàng về đến cảng hoặc kho, công ty hỗ trợ khách hàng thực hiện các công việc như lấy lệnh giao hàng, thanh toán các khoản phí cần thiết, phối hợp làm thủ tục hải quan và tổ chức nhận hàng.

Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu giúp khách hàng giảm bớt khối lượng công việc trong quá trình xử lý lô hàng. Thay vì phải trực tiếp liên hệ với nhiều bên khác nhau, khách hàng có thể ủy thác cho công ty thực hiện các công đoạn cần thiết. Điều này không chỉ giúp tiết kiệm thời gian mà còn góp phần hạn chế sai sót trong quá trình giao nhận, đặc biệt đối với các doanh nghiệp chưa có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực xuất nhập khẩu.

c. Dịch vụ khai báo hải quan

Dịch vụ khai báo hải quan là một trong những dịch vụ quan trọng, có liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu về quy trình khai báo hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu. Trong quá trình nhập khẩu hàng hóa, việc khai báo hải quan là thủ tục bắt buộc để cơ quan hải quan kiểm tra, giám sát và quyết định việc thông quan hàng hóa. Do đó, doanh nghiệp nhập khẩu cần chuẩn bị hồ sơ đầy đủ, khai báo chính xác các thông tin về hàng hóa, mã số HS, trị giá tính thuế, thuế suất và các chính sách quản lý chuyên ngành nếu có.

Công ty TNHH Vận tải Bách Việt hỗ trợ khách hàng thực hiện các công việc liên quan đến khai báo hải quan cho hàng hóa nhập khẩu. Nội dung công việc thường bao gồm kiểm tra bộ chứng từ, tư vấn mã HS, xác định chính sách mặt hàng, khai báo tờ khai hải quan điện tử, theo dõi kết quả phân luồng và phối hợp xử lý hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan hải quan.

Trong thực tế, hàng hóa nhập khẩu có thể được phân vào các luồng khác nhau sau khi khai báo, bao gồm luồng xanh, luồng vàng hoặc luồng đỏ. Đối với luồng xanh, hàng hóa thường được thông quan nhanh hơn nếu đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định. Đối với luồng vàng, cơ quan hải quan kiểm tra hồ sơ chứng từ trước khi quyết định thông quan. Đối với luồng đỏ, ngoài việc kiểm tra hồ sơ, hàng hóa còn có thể bị kiểm tra thực tế. Vì vậy, việc chuẩn bị hồ sơ chính xác và khai báo đúng quy định có ý nghĩa rất quan trọng trong việc rút ngắn thời gian thông quan.

Thông qua dịch vụ khai báo hải quan, công ty giúp khách hàng hạn chế các rủi ro như khai sai mã HS, sai trị giá tính thuế, thiếu chứng từ hoặc chưa đáp ứng điều kiện nhập khẩu đối với hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành. Đây là dịch vụ đòi hỏi nhân viên thực hiện phải có kiến thức chuyên môn, nắm vững quy định pháp luật hải quan và có kinh nghiệm xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình thông quan.

d. Dịch vụ tư vấn thủ tục xuất nhập khẩu

Ngoài việc trực tiếp thực hiện giao nhận và khai báo hải quan, Công ty TNHH Vận tải Bách Việt còn hỗ trợ khách hàng trong việc tư vấn các thủ tục liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu. Đây là dịch vụ có ý nghĩa quan trọng, đặc biệt đối với các doanh nghiệp mới tham gia hoạt động ngoại thương hoặc nhập khẩu những mặt hàng có yêu cầu quản lý chuyên ngành.

Nội dung tư vấn thường tập trung vào các vấn đề như điều kiện nhập khẩu của từng loại hàng hóa, hồ sơ chứng từ cần chuẩn bị, chính sách thuế, mã HS, quy định về giấy phép nhập khẩu, kiểm tra chất lượng, kiểm dịch, chứng nhận xuất xứ hàng hóa và các thủ tục liên quan khác. Việc tư vấn kịp thời giúp khách hàng chủ động hơn trong quá trình chuẩn bị hồ sơ, tránh tình trạng hàng về cảng nhưng chưa đủ chứng từ để khai báo hoặc chưa đáp ứng điều kiện thông quan.

Đối với hàng hóa nhập khẩu, khâu tư vấn trước khi hàng về có vai trò đặc biệt quan trọng. Nếu doanh nghiệp chuẩn bị chứng từ không đầy đủ hoặc chưa xác định đúng chính sách mặt hàng, quá trình thông quan có thể bị kéo dài, dẫn đến phát sinh chi phí

lưu container, lưu bãi hoặc ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của khách hàng. Vì vậy, dịch vụ tư vấn xuất nhập khẩu góp phần nâng cao hiệu quả xử lý lô hàng và hỗ trợ khách hàng tuân thủ đúng quy định pháp luật.

e. Dịch vụ logistics trọn gói

Bên cạnh các dịch vụ riêng lẻ, Công ty TNHH Vận tải Bách Việt còn có thể cung cấp dịch vụ logistics theo hướng trọn gói tùy theo nhu cầu của khách hàng. Dịch vụ này bao gồm sự kết hợp của nhiều công đoạn như tư vấn chứng từ, theo dõi lịch hàng về, lấy lệnh giao hàng, khai báo hải quan, làm thủ tục thông quan, nhận hàng và vận chuyển hàng về kho của khách hàng.

Việc cung cấp dịch vụ logistics trọn gói giúp khách hàng giảm bớt việc phải làm việc với nhiều đơn vị khác nhau trong cùng một lô hàng. Đồng thời, công ty có thể chủ động theo dõi tiến độ xử lý từ đầu đến cuối, từ đó hạn chế tình trạng chậm trễ hoặc thiếu sự phối hợp giữa các khâu. Đối với doanh nghiệp nhập khẩu, sử dụng dịch vụ trọn gói còn giúp kiểm soát chi phí tốt hơn, nâng cao tính chủ động trong kế hoạch nhận hàng và phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Dịch vụ logistics trọn gói cũng thể hiện xu hướng phát triển của các doanh nghiệp dịch vụ hiện nay. Thay vì chỉ cung cấp một khâu riêng biệt, doanh nghiệp logistics cần xây dựng khả năng cung ứng nhiều dịch vụ liên kết, tạo sự thuận tiện cho khách hàng và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

f. Đặc điểm chung của các dịch vụ kinh doanh

Các dịch vụ kinh doanh của Công ty TNHH Vận tải Bách Việt mang những đặc điểm cơ bản của ngành logistics. Trước hết, đây là nhóm dịch vụ có tính chuyên môn cao, đòi hỏi người thực hiện phải hiểu rõ quy trình nghiệp vụ, quy định pháp luật và đặc điểm của từng loại hàng hóa. Đặc biệt trong lĩnh vực khai báo hải quan, chỉ một sai sót nhỏ về mã hàng, trị giá, thuế suất hoặc chứng từ cũng có thể ảnh hưởng đến thời gian thông quan của lô hàng.

Thứ hai, dịch vụ logistics có tính liên kết chặt chẽ giữa nhiều bên tham gia. Một lô hàng nhập khẩu thường liên quan đến người bán, người mua, hãng vận chuyển, đại lý giao nhận, cảng, kho bãi, cơ quan hải quan và đơn vị vận tải nội địa. Vì vậy, hiệu quả của dịch vụ phụ thuộc nhiều vào khả năng phối hợp và xử lý thông tin giữa các bên.

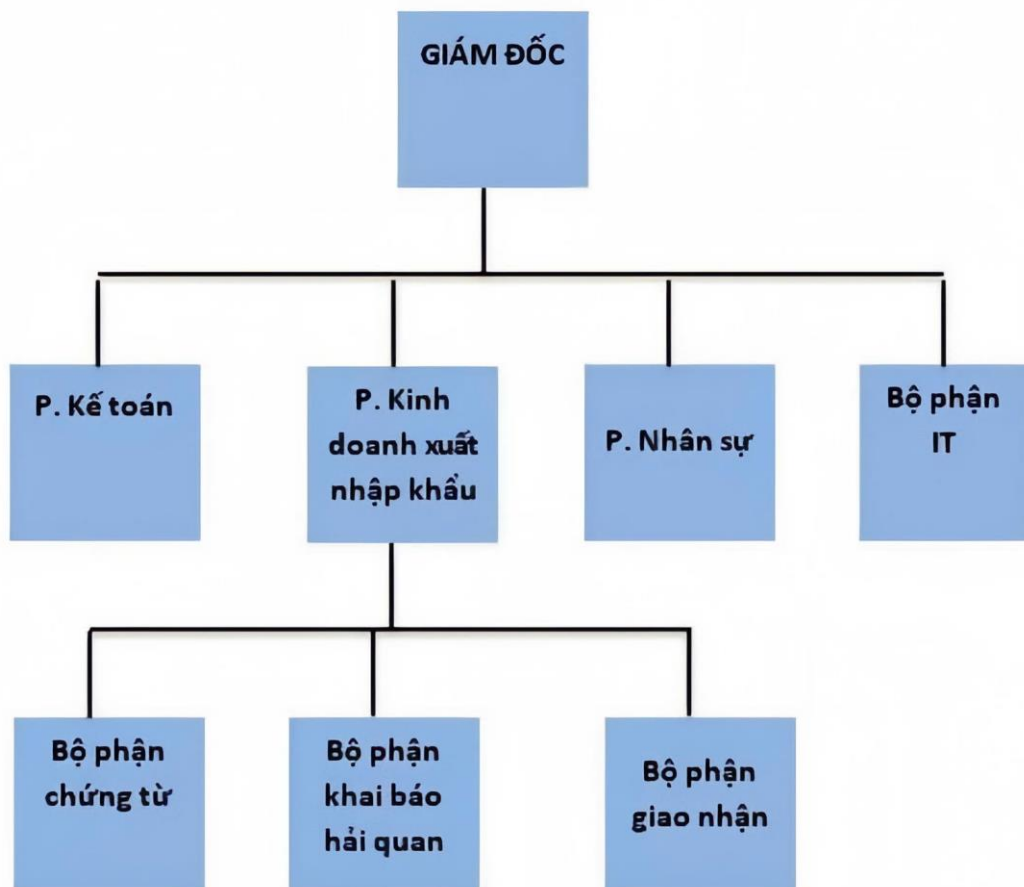
Thứ ba, yếu tố thời gian có vai trò rất quan trọng. Trong hoạt động nhập khẩu, nếu hàng hóa không được thông quan và vận chuyển đúng thời hạn, doanh nghiệp có thể

phát sinh thêm chi phí lưu kho, lưu bãi, lưu container hoặc bị ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất. Do đó, các dịch vụ của công ty không chỉ yêu cầu sự chính xác mà còn phải đảm bảo tính nhanh chóng và kịp thời.

Nhìn chung, sản phẩm kinh doanh của Công ty TNHH Vận tải Bách Việt chủ yếu là các dịch vụ logistics phục vụ hoạt động xuất nhập khẩu, trong đó nổi bật là dịch vụ vận tải hàng hóa, giao nhận hàng hóa, khai báo hải quan và tư vấn thủ tục xuất nhập khẩu. Các dịch vụ này có vai trò hỗ trợ khách hàng hoàn thiện quy trình nhập khẩu hàng hóa, giúp hàng hóa được thông quan và vận chuyển thuận lợi, đúng quy định pháp luật. Đây cũng là cơ sở quan trọng để công ty duy trì hoạt động kinh doanh, nâng cao uy tín và phát triển năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực logistics.

2.1.5 Cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ từng phòng ban của công ty

a. Sơ đồ bộ máy quản lý



Sơ đồ 2.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Vận tải Bách Việt

Nhận xét cơ cấu tổ chức:

- Đứng đầu công ty là Giám đốc, người chịu trách nhiệm điều hành chung, xây dựng định hướng phát triển, ký kết các hợp đồng kinh tế và chịu trách nhiệm trước pháp

luật về toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Dưới Giám đốc là các phòng ban nghiệp vụ được phân công chức năng cụ thể nhằm hỗ trợ hoạt động kinh doanh và vận hành của công ty.

- Phòng kinh doanh đảm nhiệm công tác tìm kiếm khách hàng, tư vấn dịch vụ, chăm sóc khách hàng và phối hợp ký kết hợp đồng. Phòng chứng từ – khai báo hải quan thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến chuẩn bị hồ sơ, khai báo hải quan điện tử và theo dõi quá trình thông quan hàng hóa. Phòng kế toán – tài chính chịu trách nhiệm theo dõi doanh thu, chi phí, thanh toán và quyết toán với khách hàng. Bên cạnh đó, bộ phận hành chính hỗ trợ công tác quản lý nhân sự và các hoạt động nội bộ của công ty.

- Với cơ cấu tổ chức này, các bộ phận trong công ty có sự phân công rõ ràng, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình làm việc, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và chất lượng dịch vụ. Tuy nhiên, do số lượng nhân sự còn hạn chế, một số vị trí phải đảm nhiệm nhiều công việc cùng lúc, đòi hỏi nhân viên phải có kiến thức tổng hợp và khả năng làm việc linh hoạt.

b. Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban:

- Giám đốc: Là người điều hành toàn bộ hoạt động của công ty, chịu trách nhiệm về chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh, tài chính và nhân sự. Giám đốc cũng là người đại diện pháp luật của công ty, quyết định các vấn đề quan trọng trong hoạt động logistics và vận tải.

- Phòng Kế toán:

- Quản lý và kiểm soát toàn bộ hoạt động tài chính – kế toán của doanh nghiệp. Lập và theo dõi báo cáo thu chi, công nợ, chi phí và lợi nhuận.
- Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, lập chứng từ kế toán và đảm bảo tính minh bạch tài chính cho công ty.
- Phối hợp với các phòng ban khác để kiểm soát chi phí vận hành và tối ưu dòng tiền.

- Phòng Kinh doanh Xuất nhập khẩu:

- Tìm kiếm, chăm sóc và phát triển khách hàng trong lĩnh vực logistics, xuất nhập khẩu.
- Tư vấn, báo giá, đàm phán hợp đồng và theo dõi tiến trình thực hiện dịch vụ.
- Phối hợp với các bộ phận chứng từ, hải quan, giao nhận để đảm bảo hàng hóa thông quan đúng tiến độ và yêu cầu của khách hàng.
- Nghiên cứu thị trường, đề xuất chiến lược mở rộng mạng lưới và phát triển dịch vụ.

- Bộ phận Chứng từ:

- Chuẩn bị, kiểm tra và xử lý hồ sơ, chứng từ liên quan đến hàng hóa xuất nhập khẩu (Invoice, Packing List, Bill of Lading, C/O,...).
 - Đảm bảo tính chính xác và hợp lệ của chứng từ theo quy định pháp luật và yêu cầu của khách hàng.
 - Phối hợp với bộ phận khai báo hải quan và giao nhận để hoàn thiện hồ sơ thông quan.
- Bộ phận Khai báo Hải quan:
- Thực hiện thủ tục khai báo hải quan điện tử, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ hàng hóa. Liên hệ với cơ quan hải quan, xử lý vướng mắc trong quá trình thông quan.
 - Tư vấn mã HS, chính sách thuế, quy định nhập – xuất khẩu cho khách hàng.
 - Phối hợp với bộ phận giao nhận để đảm bảo hàng hóa được thông quan nhanh chóng, đúng quy định.
- Bộ phận Giao nhận:
- Tổ chức và điều phối việc vận chuyển hàng hóa từ cảng về kho và ngược lại.
 - Theo dõi tiến độ, kiểm tra số lượng và tình trạng hàng hóa, đảm bảo an toàn, đúng lịch trình.
 - Là đầu mối giao tiếp giữa khách hàng, hãng tàu, kho bãi và cơ quan hải quan trong quá trình giao nhận.
 - Báo cáo tình hình vận chuyển và xử lý kịp thời các sự cố phát sinh.
- Phòng Nhân sự:
- Tuyển dụng, đào tạo, đánh giá và quản lý nhân sự trong toàn công ty.
 - Thực hiện chính sách lương thưởng, bảo hiểm, chế độ phúc lợi và công tác hành chính nội bộ.
- Bộ phận IT:
- Quản lý hệ thống mạng, phần mềm và thiết bị công nghệ thông tin.
 - Hỗ trợ kỹ thuật, đảm bảo hệ thống dữ liệu hoạt động ổn định, an toàn và bảo mật.
 - Phát triển, ứng dụng các giải pháp công nghệ trong quản lý logistics, kế toán và vận hành.

2.1.6 Các nguồn lực của Công ty TNHH Vận tải Bách Việt ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh

a. Nguồn lực cơ sở vật chất

STT	Tên thiết bị	Số lượng (chiếc)
1	Máy tính bàn	355
2	Điện thoại bàn	30
3	Máy in	4
4	Bàn làm việc	60
5	Ghế làm việc	340
6	Ghế sofa	6
7	Máy lạnh	8
8	Quạt cây	25
9	Tủ lạnh	4
10	Máy lọc nước	12
11	Tủ đựng đồ	10
12	Tủ giày dép	11
13	Đèn trần	50
14	Thiết bị báo cháy	78

Bảng 2.1 Trang thiết bị công ty

(Nguồn: Phòng tổ chức Công ty TNHH Vận tải Bạch Việt)

Nhận xét:

Bảng trang thiết bị cho thấy Công ty TNHH Vận tải Bạch Việt – Chi nhánh Đà Nẵng đã đầu tư khá mạnh vào cơ sở vật chất phục vụ hoạt động kinh doanh. Với tổng số lượng thiết bị đa dạng và quy mô lớn, nguồn lực vật chất của chi nhánh cơ bản đáp ứng được nhu cầu vận hành hàng ngày.

Đáng chú ý là số lượng máy tính bàn lên đến 355 chiếc, kết hợp với 340 ghế làm việc, cho thấy quy mô nhân sự tương đối lớn và hầu hết nhân viên đều được trang bị đầy đủ chỗ làm việc cá nhân. Điều này phản ánh sự quan tâm của công ty trong việc tạo điều kiện làm việc hiện đại, đặc biệt trong ngành vận tải – logistics nơi cần xử lý nhiều dữ liệu, theo dõi đơn hàng và quản lý phương tiện.

Tuy nhiên, một số điểm chưa cân đối cũng được ghi nhận:

- Chỉ có 4 máy in so với 355 máy tính cho thấy công ty hướng tới sử dụng hệ thống in ấn tập trung.
- Số lượng bàn làm việc (60 chiếc) thấp hơn đáng kể so với số ghế làm việc và máy tính, có thể do một phần nhân viên làm việc theo ca hoặc sử dụng không gian làm việc chung.
- Hệ thống làm mát gồm 8 máy lạnh và 25 quạt cây cùng 50 đèn trần cho thấy công ty chú trọng đến môi trường làm việc thoải mái cho cán bộ, nhân viên.

Về mặt an toàn và tiện ích, chi nhánh đầu tư mạnh vào thiết bị báo cháy (78 chiếc) – đây là con số cao, thể hiện ý thức tuân thủ tốt các quy định về phòng cháy chữa cháy

và bảo vệ tài sản. Các thiết bị hỗ trợ khác như máy lọc nước (12 chiếc), tủ đựng đồ, tủ giày dép cũng góp phần nâng cao chất lượng môi trường làm việc.

Tổng kết: Nguồn lực cơ sở vật chất của Công ty TNHH Vận tải Bạch Việt – Chi nhánh Đà Nẵng ở mức khá tốt, thể hiện sự đầu tư đồng bộ và hướng tới hiện đại hóa. Tuy nhiên, doanh nghiệp cần tiếp tục rà soát, bổ sung và thay thế định kỳ một số thiết bị (đặc biệt là máy in, bàn làm việc và máy lạnh) nhằm đảm bảo tính đồng bộ và hiệu quả sử dụng lâu dài.

b. Nguồn nhân lực

Năm	2023	2024	2025	2023	2024	2025
Tính chất phân loại	Số lượng			Tỷ trọng		
Theo giới tính	135	170	367	100%	100%	100%
Nam	46	65	133	34.07%	38.24%	36.24%
Nữ	89	105	234	65.93%	61.76%	63.76%
Theo độ tuổi	135	170	367	100%	100%	100%
Từ 20-30	125	145	322	92.59%	85.29%	87.74%
Trên 30	10	25	45	7.41%	14.71%	12.26%
Theo trình độ lao động	135	170	367	100%	100%	100%
Đại học	115	142	317	85.19%	83.53%	86.38%
Cao đẳng	20	28	50	14.81%	16.47%	13.62%
Tổng cộng	135	170	367	100%	100%	100%

Bảng 2.2. Thống kê số lượng người lao động trong các năm 2023, 2024, 2025

(Theo phòng nhân sự - Công ty TNHH Vận tải Bạch Việt - Chi nhánh Đà Nẵng)

Nhận xét:

Từ bảng số liệu trên có thể thấy, cơ cấu lao động của Công ty TNHH Vận tải Bạch Việt trong giai đoạn 2023–2025 nhìn chung khá ổn định, đồng thời thể hiện rõ một số đặc điểm nổi bật về giới tính, độ tuổi và trình độ lao động. Cơ cấu lao động của công ty có xu hướng tập trung vào lực lượng lao động trẻ, trình độ tương đối cao, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tổ chức, quản lý và nâng cao hiệu quả làm việc.

Theo giới tính

Xét theo giới tính, lao động nữ luôn chiếm tỷ trọng cao hơn lao động nam trong cả ba năm. Cụ thể, năm 2023 lao động nữ chiếm 65,93%, năm 2024 chiếm 61,76% và năm

2025 chiếm 63,76%. Trong khi đó, lao động nam lần lượt chiếm 34,07%, 38,24% và 36,24%.

Có thể thấy, cơ cấu giới tính của công ty có sự chênh lệch khá rõ, nghiêng về lao động nữ. Tuy nhiên, tỷ lệ lao động nam có sự tăng nhẹ qua các năm, cho thấy cơ cấu nhân sự đang có sự điều chỉnh nhất định để phù hợp hơn với yêu cầu công việc.

Theo độ tuổi

Xét theo độ tuổi, nhóm lao động từ 20–30 tuổi chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng số lao động của công ty, lần lượt là 92,59% năm 2023, 85,29% năm 2024 và 87,74% năm 2025. Trong khi đó, nhóm lao động trên 30 tuổi chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ hơn, dao động từ 7,41% đến 14,71%.

Điều này cho thấy lực lượng lao động của công ty có cơ cấu khá trẻ. Đây là một lợi thế trong quá trình làm việc vì lao động trẻ thường có khả năng tiếp thu nhanh, năng động và dễ thích nghi với môi trường làm việc. Tuy nhiên, tỷ lệ lao động trên 30 tuổi còn thấp cũng cho thấy kinh nghiệm thực tiễn trong đội ngũ nhân sự chưa thật sự nhiều, do đó công ty cần chú trọng hơn đến công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

Theo trình độ lao động

Về trình độ lao động, lao động có trình độ đại học chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cả ba năm. Cụ thể, năm 2023 chiếm 85,19%, năm 2024 chiếm 83,53% và năm 2025 chiếm 86,38%. Lao động có trình độ cao đẳng chiếm tỷ lệ thấp hơn, lần lượt là 14,81%, 16,47% và 13,62%.

Nhìn chung, trình độ lao động của công ty tương đối cao, trong đó lao động đại học chiếm ưu thế rõ rệt. Đây là yếu tố thuận lợi, góp phần nâng cao chất lượng thực hiện công việc, đồng thời hỗ trợ tốt cho quá trình áp dụng các quy trình quản lý và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

c. Nguồn lực tài chính

(Đơn vị tính: nghìn đồng)

TÀI SẢN	2023	2024	2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	243.148.904	269.483.726	307.864.219
Tiền và tương đương tiền	40.823.671	49.276.384	63.518.907
Phải thu ngắn hạn	117.819.329	129.684.570	146.957.384
Hàng tồn kho	82.560.075	88.947.816	94.685.273
TSNH khác	1.945.827	1.574.955	2.702.653
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	211.164.667	247.386.428	298.574.219
I. Các khoản phải thu dài hạn	1.373.924	1.498.276	1.856.937
II. Tài sản cố định	175.089.737	206.842.319	257.964.508
1. TSCĐ hữu hình	173.715.991	205.314.827	255.987.436
2. TSCĐ vô hình	1.373.745	1.527.492	1.977.071
III. Tài sản dở dang dài hạn	23.605.999	25.847.516	30.982.648
IV. Tài sản dài hạn khác	11.095.005	13.197.316	7.770.124
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	454.313.571	516.301.320	604.807.806
NGUỒN VỐN	2023	2024	2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	286.675.040	322.914.186	364.807.806
I. Nợ ngắn hạn	284.748.585	318.426.519	355.286.174
II. Nợ dài hạn	1.926.454	4.487.666	9.521.632
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	167.638.530	193.387.133	240.000.000
I. Vốn chủ sở hữu	167.638.530	193.387.133	240.000.000
1. Vốn góp của chủ sở hữu	29.470.414	29.470.414	29.470.414
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	138.168.116	163.916.718	210.529.585
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	454.313.571	516.301.320	604.807.806

Bảng 2.3. Tình hình tài sản và nguồn vốn của công ty TNHH Vận tải Bách Việt giai đoạn 2023-2025

(Theo phòng Kế toán – Công ty TNHH Vận tải Bách Việt)

Nhận xét:

Qua bảng số liệu có thể thấy, quy mô tài sản và nguồn vốn của Công ty TNHH Vận tải Bách Việt trong giai đoạn 2023–2025 có xu hướng tăng trưởng khá rõ. Tổng tài sản năm 2024 tăng 13,64% so với năm 2023 và năm 2025 tiếp tục tăng 17,14% so với năm 2024, cho thấy doanh nghiệp đang mở rộng hoạt động và tăng cường năng lực tài chính. Đồng thời, quy mô nguồn vốn cũng tăng tương ứng, phản ánh quá trình phát triển tương đối ổn định trong giai đoạn phân tích.

Xét về cơ cấu tài sản, tài sản ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng lớn hơn trong tổng tài sản, tuy nhiên có xu hướng giảm nhẹ từ 53,52% năm 2023 xuống 52,20% năm 2024 và còn 50,90% năm 2025. Ngược lại, tài sản dài hạn tăng dần từ 46,48% lên 47,92% và đạt

49,37% vào năm 2025. Điều này cho thấy cơ cấu tài sản của công ty đang dịch chuyển theo hướng gia tăng đầu tư cho hoạt động dài hạn, thể hiện định hướng mở rộng và nâng cao năng lực phục vụ kinh doanh trong tương lai.

Trong nhóm tài sản ngắn hạn, phải thu ngắn hạn luôn chiếm tỷ trọng cao nhất, dao động quanh mức 47%–48% tổng tài sản ngắn hạn. Bên cạnh đó, hàng tồn kho chiếm khoảng 31%–34%, còn tiền và tương đương tiền chiếm từ 16,79% đến 20,63%. Cơ cấu này cho thấy doanh nghiệp duy trì lượng vốn lưu động tương đối lớn, đồng thời công tác bán hàng và thu hồi công nợ vẫn giữ vai trò quan trọng trong quá trình vận hành. Việc tỷ trọng tiền và tương đương tiền tăng qua các năm là dấu hiệu tích cực, phản ánh khả năng thanh khoản của doanh nghiệp có sự cải thiện nhất định.

Đối với tài sản dài hạn, tài sản cố định hữu hình luôn chiếm tỷ trọng chủ yếu, tăng từ 82,92% năm 2023 lên 86,40% năm 2025 trong cơ cấu tài sản dài hạn. Đây là dấu hiệu cho thấy công ty đang chú trọng đầu tư vào cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị phục vụ hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, tài sản dở dang dài hạn duy trì ở mức trên 10%, thể hiện doanh nghiệp vẫn đang triển khai một số hạng mục đầu tư. Trong khi đó, tài sản dài hạn khác giảm mạnh về tỷ trọng vào năm 2025, cho thấy một số khoản mục đã được thu hẹp hoặc hoàn tất trong kỳ.

Xét về cơ cấu nguồn vốn, nợ phải trả vẫn chiếm tỷ trọng lớn hơn vốn chủ sở hữu, tuy nhiên có xu hướng giảm từ 63,10% năm 2023 xuống 62,54% năm 2024 và còn 60,32% năm 2025. Ngược lại, vốn chủ sở hữu tăng từ 36,90% lên 37,46% và đạt 39,68% vào năm 2025. Điều này cho thấy doanh nghiệp đã có sự cải thiện về năng lực tài chính tự có, đồng thời mức độ phụ thuộc vào vốn vay có xu hướng giảm dần. Đây là tín hiệu tương đối tích cực, góp phần nâng cao tính an toàn tài chính của doanh nghiệp.

Trong nội bộ vốn chủ sở hữu, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối chiếm tỷ trọng rất lớn và tiếp tục tăng qua các năm, từ 82,42% năm 2023 lên 84,76% năm 2024 và 87,72% năm 2025. Trong khi đó, vốn góp của chủ sở hữu gần như không thay đổi về quy mô tuyệt đối, nên tỷ trọng trong vốn chủ sở hữu giảm dần từ 17,58% xuống 12,28%. Điều này cho thấy phần lớn sự gia tăng vốn chủ sở hữu của công ty đến từ kết quả kinh doanh tích lũy, phản ánh doanh nghiệp hoạt động có lãi và giữ lại lợi nhuận để tái đầu tư.

Tóm lại, cơ cấu tài sản và nguồn vốn của công ty trong giai đoạn 2023–2025 có sự tăng trưởng tương đối ổn định, đồng thời thể hiện xu hướng chuyển dịch tích cực theo

hướng tăng tỷ trọng tài sản dài hạn và vốn chủ sở hữu. Tuy nhiên, tỷ trọng các khoản phải thu và nợ phải trả vẫn còn khá cao, do đó công ty cần tiếp tục chú trọng công tác quản lý công nợ, kiểm soát dòng tiền và sử dụng vốn hiệu quả hơn trong thời gian tới.

2.2 Thực trạng hoạt động kinh doanh của công ty

2.2.1 Nguồn lực kinh doanh

(Đơn vị tính: Nghìn đồng)

Chỉ tiêu	Năm			Chênh lệch	
	2023	2024	2025	2024/2023	2025/2024
Doanh thu	318.462.515	368.816.291	439.585.315	15,81%	19,19%
Các khoản giảm trừ doanh thu	3.462.517	4.138.725	4.916.284	19,53%	18,79%
Doanh thu thuần	314.999.998	364.677.566	434.669.031	15,77%	19,19%
Giá vốn hàng bán	248.736.418	282.514.627	332.684.719	13,58%	17,76%
Lợi nhuận gộp về bán hàng	66.263.580	82.162.939	101.984.312	23,99%	24,12%
Doanh thu hoạt động tài chính	1.318.462	1.684.317	2.047.318	27,75%	21,55%
Chi phí tài chính	6.418.517	7.326.418	8.516.284	14,15%	16,24%
Chi phí bán hàng	14.836.418	17.426.518	20.914.628	17,46%	20,02%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.946.317	22.516.284	26.847.318	18,84%	19,24%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	27.380.790	36.578.036	47.753.400	33,59%	30,55%
Thu nhập khác	628.417	784.316	916.418	24,81%	16,84%
Chi phí khác	326.418	417.528	498.316	27,91%	19,35%
Lợi nhuận khác	301.999	366.788	418.102	21,45%	13,99%
Tổng lợi nhuận trước thuế	27.682.789	36.944.824	48.171.502	33,46%	30,39%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.536.558	7.388.965	9.634.300	33,46%	30,39%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.146.231	29.555.859	38.537.202	33,46%	30,39%

Bảng 2.4. Tình hình doanh thu – lợi nhuận công ty TNHH Vận tải Bách Việt giai đoạn 2023-2025

Nhận xét:

Doanh thu: Từ bảng số liệu có thể thấy, doanh thu của công ty tăng liên tục qua cả ba năm. Cụ thể, năm 2024 doanh thu đạt mức cao hơn năm 2023 là 15,81%, và đến năm 2025 tiếp tục tăng 19,19% so với năm 2024. Cùng với đó, doanh thu thuần cũng có xu hướng tăng tương ứng, cho thấy sự gia tăng doanh thu không chỉ đến từ các khoản ghi nhận ban đầu mà còn phản ánh kết quả kinh doanh thực chất của doanh nghiệp. Điều này cho thấy hoạt động kinh doanh của công ty đang được mở rộng, đồng thời khả năng tạo doanh thu ngày càng được cải thiện.

Các khoản giảm trừ doanh thu: Bên cạnh sự gia tăng của doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu cũng tăng qua các năm, lần lượt tăng 19,53% trong năm 2024 và 18,79% trong năm 2025. Tuy nhiên, xét trên tổng thể, mức tăng này không quá lớn so với tốc độ tăng doanh thu. Điều đó cho thấy công ty vẫn kiểm soát tương đối tốt các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Đây là một tín hiệu tích cực, vì các khoản giảm trừ không làm ảnh hưởng quá nhiều đến doanh thu thuần của doanh nghiệp.

Giá vốn hàng bán và lợi nhuận gộp: Giá vốn hàng bán cũng tăng theo xu hướng mở rộng hoạt động kinh doanh, với mức tăng 13,58% năm 2024 và 17,76% năm 2025. Tuy nhiên, tốc độ tăng của giá vốn vẫn thấp hơn tốc độ tăng doanh thu thuần. Nhờ vậy, lợi nhuận gộp về bán hàng tăng khá rõ qua các năm, lần lượt tăng 23,99% và 24,12%. Điều này cho thấy doanh nghiệp đã có sự cải thiện nhất định trong việc kiểm soát chi phí đầu vào, đồng thời duy trì được mức chênh lệch tương đối hợp lý giữa doanh thu và giá vốn. Có thể nói, đây là một trong những yếu tố quan trọng giúp nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty trong giai đoạn phân tích.

Các khoản chi phí: Xét về chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, cả ba khoản mục đều tăng qua từng năm. Trong đó, chi phí tài chính tăng 14,15% năm 2024 và 16,24% năm 2025; chi phí bán hàng tăng 17,46% và 20,02%; chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 18,84% và 19,24%. Mức tăng này là phù hợp với xu hướng mở rộng quy mô hoạt động của công ty, bởi khi doanh thu tăng thì các chi phí phục vụ hoạt động kinh doanh cũng thường phát sinh nhiều hơn. Tuy nhiên, nếu so với tốc độ tăng của doanh thu và lợi nhuận gộp thì các khoản chi phí trên vẫn được kiểm soát ở mức tương đối hợp lý, chưa tạo ra áp lực quá lớn lên hiệu quả kinh doanh chung.

Lợi nhuận: Đáng chú ý, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh, tổng lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế đều tăng mạnh qua từng năm. Trong đó, lợi nhuận thuần

từ hoạt động kinh doanh tăng 33,59% năm 2024 và 30,55% năm 2025. Tương tự, lợi nhuận sau thuế cũng tăng lần lượt 33,46% và 30,39%. Điều này cho thấy không chỉ doanh thu tăng mà hiệu quả sinh lời của công ty cũng được cải thiện đáng kể. Nói cách khác, doanh nghiệp không chỉ mở rộng quy mô hoạt động mà còn đạt được kết quả kinh doanh tốt hơn qua từng năm, phản ánh sự ổn định trong quá trình vận hành và quản lý.

Thu nhập và chi phí khác: Ngoài hoạt động kinh doanh chính, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác cũng tăng nhẹ qua các năm, song giá trị vẫn ở mức thấp so với doanh thu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ. Trong khi đó, chi phí khác cũng tăng nhưng không đáng kể. Vì vậy, lợi nhuận khác vẫn duy trì xu hướng tăng qua các năm nhưng chưa đóng vai trò lớn trong tổng lợi nhuận của doanh nghiệp. Điều này cho thấy nguồn thu chính của công ty vẫn đến từ hoạt động kinh doanh cốt lõi, còn các khoản thu nhập khác chỉ mang tính bổ trợ.

➤ **Đánh giá khả năng sinh lời**

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần (ROS) $= \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu thuần}} \times 100$	7,03	8,11	8,77
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) $= \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} \times 100$	13,21	15,28	16,06
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) $= \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng tài sản}} \times 100$	4,87	5,72	6,37

Bảng 2.5 Đánh giá khả năng sinh lời của công ty TNHH Vận tải Bách Việt

Nhận xét:

Trên cơ sở bảng số liệu, có thể nhận thấy khả năng sinh lời của công ty trong giai đoạn 2023–2025 có sự cải thiện khá rõ nét. Ba chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sinh lời gồm ROS, ROE và ROA đều tăng qua từng năm, cho thấy doanh nghiệp không chỉ mở rộng quy mô hoạt động mà còn khai thác nguồn lực ngày càng hiệu quả hơn.

Trước hết, tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần (ROS) tăng từ 7,03% năm 2023 lên 8,11% năm 2024 và 8,77% năm 2025. Diễn biến này cho thấy với cùng một đồng doanh thu tạo ra, phần lợi nhuận giữ lại của công ty ngày càng lớn hơn. Điều đó phản ánh khả năng kiểm soát chi phí của doanh nghiệp có xu hướng tốt lên, đồng thời hiệu quả kinh doanh cốt lõi được cải thiện tương đối ổn định qua các năm.

Bên cạnh đó, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) cũng tăng từ 13,21% lên 15,28% và đạt 16,06% vào năm 2025. Đây là dấu hiệu tích cực, cho thấy phần vốn chủ sở hữu của công ty đang được sử dụng hiệu quả hơn để tạo ra lợi nhuận. Nói cách khác, hiệu quả sinh lời trên nguồn vốn tự có đã được nâng lên, qua đó phản ánh năng lực quản trị vốn của doanh nghiệp có chuyển biến theo hướng tốt hơn.

Tương tự, tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) tăng từ 4,87% năm 2023 lên 5,72% năm 2024 và 6,37% năm 2025. Chỉ tiêu này cho thấy tài sản của công ty được khai thác hiệu quả hơn trong quá trình tạo lợi nhuận. Việc ROA tăng đều qua các năm chứng tỏ dù quy mô tài sản tăng lên, doanh nghiệp vẫn duy trì được mức sinh lời tốt hơn, thay vì làm giảm hiệu quả sử dụng tài sản.

Nhìn chung, xu hướng tăng đồng thời của ROS, ROE và ROA cho thấy tình hình sinh lời của công ty trong giai đoạn này có sự tiến triển tích cực và tương đối bền vững. Đây là cơ sở để đánh giá rằng hoạt động kinh doanh của công ty đang đi đúng hướng, hiệu quả sử dụng vốn và tài sản được cải thiện qua từng năm. Tuy nhiên, xét về mặt dài hạn, doanh nghiệp vẫn cần tiếp tục chú trọng kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả quản lý và tăng tốc độ quay vòng vốn để duy trì đà cải thiện này trong những năm tiếp theo.

2.2.2 Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Vận tải Bách Việt

a. Thị trường

Thị trường là yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Vận tải Bách Việt. Trong những năm gần đây, nhu cầu vận chuyển hàng hóa tại khu vực Đà Nẵng và các tỉnh lân cận có xu hướng tăng lên nhờ sự phát triển của thương mại, dịch vụ, sản xuất công nghiệp và thương mại điện tử. Đặc biệt, Đà Nẵng là địa bàn có vị trí giao thông thuận lợi, kết nối với cảng biển, sân bay, các tuyến quốc lộ quan trọng và nhiều khu công nghiệp lớn như Hòa Khánh, Liên Chiểu, Điện Nam – Điện Ngọc. Đây là điều kiện thuận lợi để hoạt động vận tải hàng hóa phát triển, đồng thời mở

ra cơ hội để công ty gia tăng đơn hàng, mở rộng phạm vi phục vụ và nâng cao doanh thu.

Bên cạnh những thuận lợi trên, thị trường vận tải cũng chịu tác động đáng kể từ biến động giá nhiên liệu, chi phí cầu đường, nhu cầu vận chuyển theo mùa vụ và tình hình kinh tế chung. Khi nhu cầu thị trường tăng, công ty có cơ hội khai thác thêm khách hàng và nâng cao hiệu quả sử dụng phương tiện; ngược lại, khi thị trường chậm lại hoặc chi phí đầu vào tăng cao, hiệu quả kinh doanh có thể bị ảnh hưởng. Vì vậy, Công ty TNHH Vận tải Bách Việt cần thường xuyên theo dõi diễn biến thị trường để chủ động điều chỉnh kế hoạch khai thác xe, tuyển vận chuyển và chính sách giá dịch vụ cho phù hợp với từng giai đoạn.

b. Đối thủ

Trong lĩnh vực vận tải – logistics, mức độ cạnh tranh giữa các doanh nghiệp thường khá gay gắt. Công ty TNHH Vận tải Bách Việt phải cạnh tranh với nhiều đơn vị hoạt động cùng ngành trên địa bàn Đà Nẵng và khu vực miền Trung, tiêu biểu như Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (VINATRANS Danang), Công ty TNHH Tiếp Vận Viễn Dương, Công ty TNHH Vạn Hải Group, Công ty TNHH Vận tải và Tiếp vận Toàn Cầu (GLOTRANS) và Công ty TNHH Vận tải Container Hải An – Chi nhánh Đà Nẵng.

Sự cạnh tranh này thể hiện ở nhiều khía cạnh như giá cước vận chuyển, thời gian giao nhận, khả năng đáp ứng đơn hàng phát sinh, độ an toàn của hàng hóa và chất lượng chăm sóc khách hàng. Trong điều kiện khách hàng ngày càng quan tâm đến sự đúng hẹn, tính chuyên nghiệp và độ tin cậy của dịch vụ, việc chỉ cạnh tranh bằng giá sẽ khó tạo ra lợi thế lâu dài. Do đó, để nâng cao năng lực cạnh tranh, công ty cần chú trọng hơn đến chất lượng dịch vụ, hạn chế sai sót trong quá trình vận chuyển, đảm bảo tiến độ giao hàng và duy trì uy tín với khách hàng. Đây là những yếu tố quan trọng giúp doanh nghiệp giữ chân khách hàng hiện hữu và mở rộng thị phần trong thời gian tới.

c. Nhà cung cấp

Đối với Công ty TNHH Vận tải Bách Việt, nhà cung cấp giữ vai trò quan trọng trong việc bảo đảm hoạt động vận hành phương tiện được diễn ra liên tục và ổn định. Trong quá trình kinh doanh, công ty có mối liên hệ thường xuyên với các đơn vị cung ứng nhiên liệu như Petrolimex Đà Nẵng, các đơn vị bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện như THACO AUTO Đà Nẵng, cùng một số cơ sở cung cấp phụ tùng, dầu nhớt và vật tư

xe tải trên địa bàn. Bên cạnh đó, công ty còn sử dụng các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật, định vị và quản lý phương tiện từ những nhà cung cấp dịch vụ viễn thông và công nghệ như Viettel Đà Nẵng hoặc VNPT Đà Nẵng. Đây đều là những đối tác có ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí khai thác, chất lượng phương tiện và khả năng thực hiện đúng tiến độ giao nhận của doanh nghiệp.

Trong đó, nhiên liệu là khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong hoạt động vận tải nên sự biến động giá xăng dầu có tác động đáng kể đến hiệu quả kinh doanh của công ty. Khi giá nhiên liệu tăng, chi phí vận hành phương tiện tăng theo, làm giảm biên lợi nhuận nếu doanh nghiệp không điều chỉnh kịp thời giá dịch vụ. Ngoài ra, các dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế phụ tùng cũng có ảnh hưởng trực tiếp đến tình trạng kỹ thuật của đội xe, từ đó tác động đến tiến độ vận chuyển và độ an toàn của hàng hóa. Vì vậy, việc duy trì quan hệ ổn định với các nhà cung cấp uy tín là điều cần thiết để công ty kiểm soát tốt chi phí, hạn chế rủi ro và bảo đảm hoạt động kinh doanh diễn ra thông suốt.

d. Khách hàng

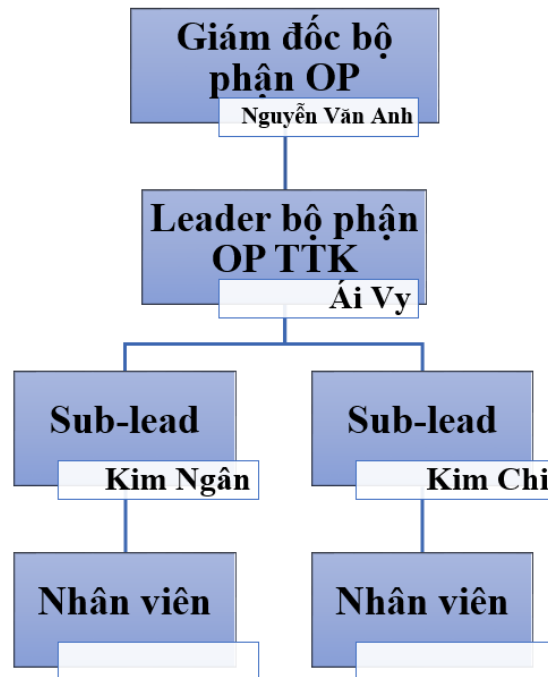
Khách hàng là nhân tố quyết định trực tiếp đến doanh thu và sự phát triển của doanh nghiệp. Khách hàng của Công ty TNHH Vận tải Bách Việt chủ yếu là các doanh nghiệp sản xuất, thương mại, phân phối hàng hóa và một số đơn vị có nhu cầu vận chuyển thường xuyên trong khu vực miền Trung. Tiêu biểu có thể kể đến Công ty TNHH Đầu tư Hồng Hải Việt Nam, Công ty Cổ phần Valve Tech Hà Nội, Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Phú Kim, Công ty Cổ phần Prato Việt Nam và Công ty TNHH Concept Sport. Các khách hàng này phân bố ở nhiều địa phương khác nhau như Hà Nội, Nghệ An và Thành phố Hồ Chí Minh, cho thấy phạm vi phục vụ của công ty không chỉ giới hạn trong khu vực Đà Nẵng mà còn mở rộng ra nhiều tỉnh, thành trên cả nước.

Đặc điểm chung của nhóm khách hàng này là yêu cầu khá cao về thời gian giao nhận, độ an toàn của hàng hóa, tính chính xác trong quá trình vận chuyển và sự chuyên nghiệp trong phục vụ. Trong bối cảnh thị trường vận tải cạnh tranh ngày càng gay gắt, khách hàng không chỉ quan tâm đến mức giá cước mà còn đánh giá doanh nghiệp dựa trên độ tin cậy, khả năng xử lý linh hoạt các tình huống phát sinh và chất lượng chăm sóc khách hàng. Do đó, để duy trì khách hàng hiện hữu và mở rộng tệp khách hàng mới, công ty cần tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ, đảm bảo giao hàng đúng thời gian cam kết, xử lý kịp thời các phát sinh trong quá trình vận chuyển và duy trì mối quan hệ hợp

tác lâu dài. Việc xây dựng được tệp khách hàng ổn định sẽ giúp công ty duy trì nguồn doanh thu bền vững và tạo nền tảng phát triển trong các năm tiếp theo.

2.2.3 Phân tích hoạt động khai báo hải quan của Công ty TNHH Vận tải Bách Việt

a. Nguồn nhân lực của bộ phận khai báo hải quan



Sơ đồ 2.2 bộ phận OP truyền tờ khai của Công ty TNHH Vận tải Bách Việt

Quan sát sơ đồ trên, có thể thấy bộ phận OP truyền tờ khai của Công ty TNHH Vận tải Bách Việt được tổ chức theo mô hình phân cấp tương đối rõ ràng, gồm Giám đốc bộ phận, Leader, Sub-lead và nhân viên. Cơ cấu này giúp xác định cụ thể trách nhiệm của từng vị trí, tạo điều kiện thuận lợi cho việc điều phối công việc, kiểm soát tiến độ và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình truyền tờ khai. Việc phân chia theo từng cấp quản lý cũng góp phần nâng cao tính chuyên môn hóa, bảo đảm hoạt động của bộ phận được thực hiện thống nhất và hiệu quả hơn.

b. Kết quả hoạt động khai báo hải quan

Đơn vị tính: Nghìn đồng)

Chỉ tiêu	Năm			Tỷ trọng (%)		
	2023	2024	2025	2023	2024	2025
Doanh thu hoạt động khai báo hải quan đường hàng không	3.821.520	4.702.408	5.934.402	15%	15%	15%
Doanh thu hoạt động khai báo hải quan đường biển (hàng nguyên container)	14.012.241	17.242.162	21.759.473	55%	55%	55%
Doanh thu hoạt động khai báo hải quan đường biển (hàng lẻ container)	7.643.040	9.404.816	11.868.803	30%	30%	30%
Tổng cộng	25476801	31349386	39562678	100%	100%	100%

Bảng 2.6 Tình hình doanh thu hoạt động khai báo hải quan của Công ty TNHH Vận tải Bách Việt giai đoạn 2023–2025

(Số liệu mang tính ước tính/minh họa, được tổng hợp từ quá trình thực tập và quan sát thực tế.)

Nhận xét:

Qua bảng số liệu trên có thể thấy, doanh thu hoạt động khai báo hải quan của Công ty TNHH Vận tải Bách Việt tăng đều qua các năm trong giai đoạn 2023–2025. Cụ thể, doanh thu năm 2024 cao hơn năm 2023 và năm 2025 tiếp tục tăng so với năm 2024, cho thấy mảng dịch vụ này đang có xu hướng phát triển ổn định. Xét theo cơ cấu doanh thu, hoạt động khai báo hải quan đường biển đối với hàng nguyên container chiếm tỷ trọng lớn nhất, duy trì ở mức 55% qua cả ba năm; tiếp đến là khai báo hải quan đường biển đối với hàng lẻ container chiếm 30% và khai báo hải quan đường hàng không chiếm 15%. Cơ cấu này cho thấy công ty tập trung chủ yếu vào dịch vụ khai báo hải quan đường biển, phù hợp với đặc điểm hoạt động vận tải và nhu cầu thực tế của khách hàng. Việc doanh thu tăng đồng thời cơ cấu tỷ trọng giữa các nhóm dịch vụ không biến động lớn phản ánh hoạt động khai báo hải quan của công ty tương đối ổn định, qua đó góp phần mở rộng nguồn thu và nâng cao hiệu quả kinh doanh chung.

2.3 Thực trạng quy trình khai báo hải quan cho hàng hóa nhập khẩu lẻ container bằng đường biển tại Công ty TNHH Vận Tải Bách Việt



Sơ đồ 2.3 Quy trình khai báo hải quan cho hàng hóa nhập khẩu lẻ cont bằng đường biển tại Công ty TNHH Vận tải Bách Việt

2.3.1 Nhận và kiểm tra bộ hồ sơ hải quan từ khách hàng

a. Nội dung

Bước đầu tiên mà nhân viên Công ty TNHH Vận Tải Bách Việt thực hiện là tiếp nhận và kiểm tra bộ hồ sơ hải quan do khách hàng cung cấp.

Bộ hồ sơ này đóng vai trò là nền tảng để khai báo điện tử trên hệ thống VNACCS và là cơ sở để hải quan xác định mã HS, trị giá tính thuế và tính hợp lệ của lô hàng nhập khẩu.

Nội dung công việc gồm:

- Tiếp nhận chứng từ bản giấy hoặc bản scan từ khách hàng.
- Kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ của từng chứng từ.
- Đối chiếu thông tin giữa các chứng từ để phát hiện sai lệch.

- Yêu cầu khách hàng điều chỉnh/gửi bổ sung nếu thiếu hoặc sai.
- Chuẩn bị bộ hồ sơ hoàn chỉnh cho bước khai báo điện tử.

b. Quy trình thực hiện

Tiếp nhận chứng từ

Khách hàng gửi chứng từ qua email, Zalo, hoặc mang trực tiếp đến văn phòng.

Bộ hồ sơ hải quan nhập khẩu thông thường gồm:

- Thông báo hàng đến (Arrival Notice)

(Xem hình ảnh minh họa tại phụ lục 01)

- Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice)

(Xem hình ảnh minh họa tại phụ lục 02)

- Phiếu đóng gói (Packing List)

(Xem hình ảnh minh họa tại phụ lục 03)

- Vận đơn (Bill of Lading/AWB)

(Xem hình ảnh minh họa tại phụ lục 04)

- Hợp đồng (Contract) hoặc PO

(Xem hình ảnh minh họa tại phụ lục 05)

- Giấy chứng nhận xuất xứ C/O (nếu có)

(Xem hình ảnh minh họa tại phụ lục 06)

- Catalogue hoặc bản mô tả hàng hóa (với mặt hàng đặc thù)

- Giấy phép chuyên ngành (kiểm dịch, kiểm tra chất lượng, ATTP,... nếu thuộc diện quản lý)

Kiểm tra tính đầy đủ

Nhân viên rà soát xem khách hàng đã cung cấp đủ các chứng từ bắt buộc theo từng loại hàng hay chưa.

Nếu thiếu → lập danh sách và thông báo ngay để tránh kéo dài thời gian thông quan.

Kiểm tra tính chính xác & hợp lệ

Thông tin trên Invoice – Packing List – B/L:

- Tên hàng

- Mã hàng (model)

- Số lượng

- Trọng lượng

- Điều kiện Incoterms
- Giá trị hóa đơn
- Mã vận đơn, ngày tàu chạy, cảng xếp – cảng dỡ

Tất cả phải khớp hoàn toàn; nếu sai, hệ thống có thể từ chối tờ khai hoặc hải quan yêu cầu giải trình.

Kiểm tra C/O

- Đúng form
- Đúng tên người mua/người bán
- Lô hàng phù hợp mô tả hóa đơn
- Dấu, chữ ký hợp lệ

Nếu dùng để hưởng ưu đãi thuế, cần kiểm tra kỹ tiêu chí xuất xứ.

Kiểm tra giấy phép chuyên ngành

- Hàng có thuộc diện quản lý của Bộ KH&CN, Bộ Y tế, Bộ NN&PTNT, Bộ Công

Thương...

- Giấy phép có hợp lệ
- Lô hàng có khớp với giấy phép

✚ Đối chiếu và ghi chú sai lệch

Nếu phát hiện:

- Sai mô tả
- Chữ ký thiếu
- Số lượng không khớp
- Thiếu điều kiện để khai báo
- Nhân viên lập phiếu ghi chú sai sót, chụp màn hình, gửi lại khách hàng yêu cầu

chỉnh sửa.

✚ Xác nhận hoàn tất hồ sơ

Sau khi đầy đủ và hợp lệ, nhân viên chuyển hồ sơ sang bộ phận khai báo hoặc tự thực hiện khai báo điện tử.

c. Kết quả

Nhân viên phụ trách chứng từ tiến hành rà soát kỹ các loại chứng từ cơ bản như hóa đơn thương mại, phiếu đóng gói, vận đơn, hợp đồng, C/O và các giấy phép chuyên ngành (nếu có). Việc kiểm tra sớm giúp phát hiện kịp thời các thiếu sót hoặc sai lệch về thông tin, từ đó yêu cầu khách hàng bổ sung hoặc điều chỉnh trước khi tiến hành khai

báo trên hệ thống ECUS5-VNACCS, hạn chế rủi ro bị từ chối tờ khai hoặc kéo dài thời gian thông quan.

Công ty đã đối chiếu thông tin giữa các chứng từ tương đối chặt chẽ, đặc biệt là các chỉ tiêu quan trọng như tên hàng, mã model, số lượng, trọng lượng, trị giá hóa đơn, điều kiện giao hàng và thông tin vận chuyển. Điều này giúp giảm thiểu sai sót khi nhập liệu tờ khai hải quan

Bước nhận và kiểm tra bộ hồ sơ hải quan từ khách hàng tại Công ty TNHH Vận Tải Bách Việt đã được thực hiện hiệu quả và đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo tính chính xác của quy trình thủ tục hải quan điện tử đối với hàng nhập khẩu. Tuy vậy, công ty vẫn cần tiếp tục cải thiện tốc độ xử lý và nâng cao chất lượng hồ sơ đầu vào để tăng hiệu quả hơn nữa trong các bước nghiệp vụ tiếp theo.

d. Nhận xét

Thuận lợi:

Thuận lợi lớn nhất trong bước này là công ty đã quen thuộc với cấu trúc và yêu cầu của bộ hồ sơ hải quan nhập khẩu, từ đó xây dựng được cách kiểm tra theo trình tự logic và có trọng tâm. Việc áp dụng trao đổi chứng từ điện tử giúp công ty linh hoạt hơn trong xử lý hồ sơ, đặc biệt với các lô hàng cần khai báo gấp.

Ngoài ra, kinh nghiệm thực tế tích lũy qua nhiều lô hàng giúp nhân viên dễ dàng nhận biết các lỗi mang tính hệ thống, từ đó chủ động cảnh báo cho khách hàng trong những lần nhập khẩu tiếp theo.

Khó khăn:

Khó khăn lớn nhất của bước nhận và kiểm tra hồ sơ là yêu cầu phải đảm bảo độ chính xác cao trong khi thời gian xử lý thường bị giới hạn bởi lịch tàu và yêu cầu thông quan của khách hàng. Áp lực về thời gian khiến nhân viên phải làm việc cẩn trọng hơn để tránh sai sót nhưng vẫn đảm bảo tiến độ.

2.3.2 Lập tờ khai và truyền khai báo hải quan

a. Nội dung

Lập tờ khai và truyền khai báo hải quan là bước quan trọng, quyết định việc phân luồng tờ khai và là cơ sở để cơ quan hải quan kiểm tra, xác định nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp.

Tại Công ty TNHH Vận Tải Bách Việt, nhân viên khai báo hải quan sử dụng phần mềm ECUS5-VNACCS để khai báo:

- Nhập đầy đủ thông tin hàng hóa, doanh nghiệp nhập khẩu, vận đơn.
- Khai báo mã HS, trị giá tính thuế, thuế suất, lượng hàng.
- Gửi (truyền) dữ liệu lên hệ thống hải quan để nhận thông báo phân luồng.
- Sửa đổi, bổ sung tờ khai nếu có yêu cầu.

b. Quy trình thực hiện

+ Chuẩn bị thông tin và kiểm tra chứng từ

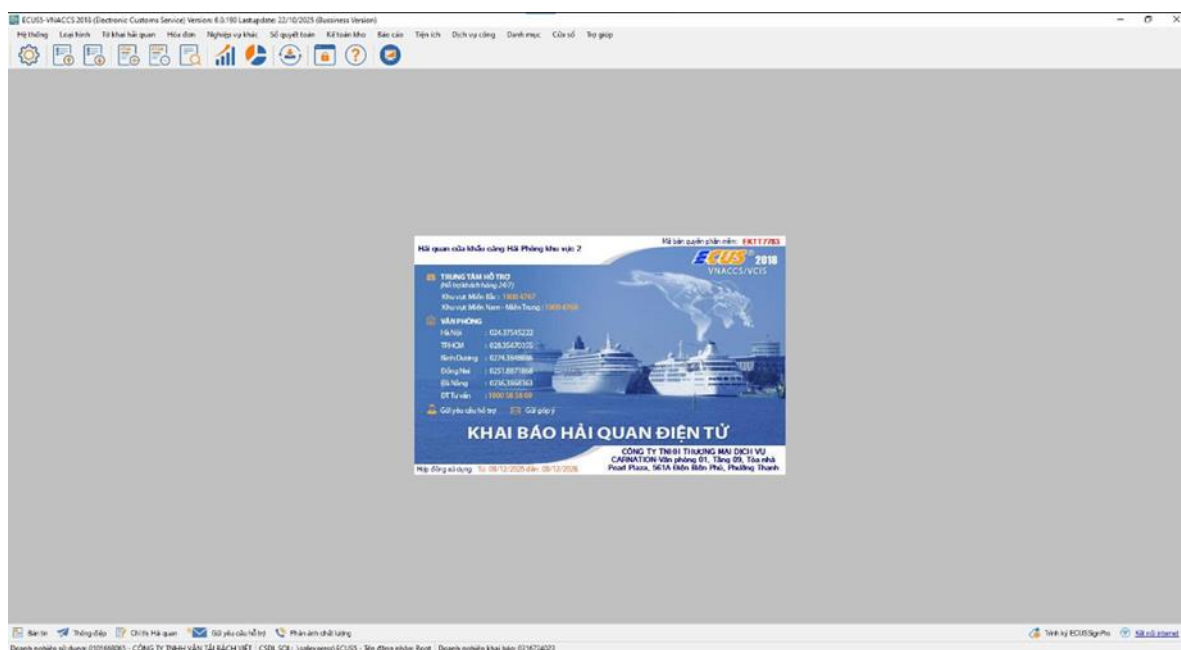
Sau khi nhận bộ hồ sơ từ khách hàng (Invoice, Packing List, Bill, C/O, hợp đồng...), nhân viên Bách Việt:

- Kiểm tra tính đầy đủ của chứng từ.
- Kiểm tra sự khớp nhau giữa các chứng từ: tên hàng, số lượng, trọng lượng, điều kiện giao hàng (Incoterms)...
- Xác định mã HS phù hợp theo thực tế hàng nhập và chính sách mặt hàng.

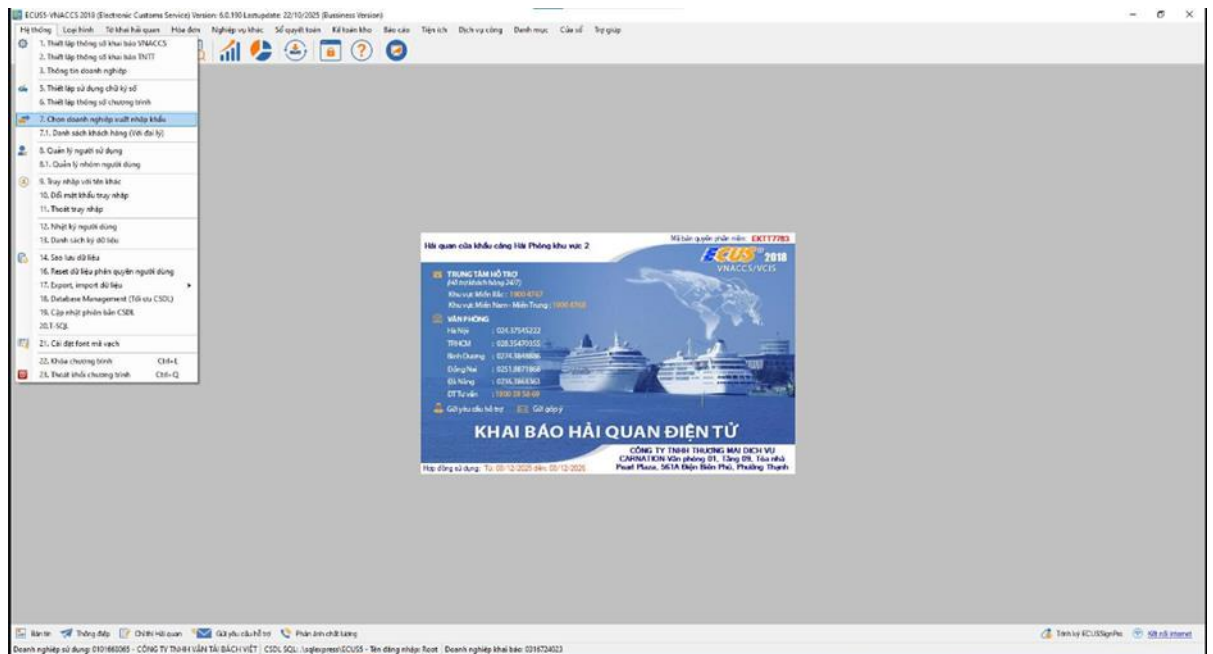
+ Lập tờ khai trên hệ thống phần mềm hải quan

Nhân viên vào phần mềm ECUS5-VNACCS và tiến hành nhập liệu:

- Thông tin chung về doanh nghiệp: mã số thuế, loại hình nhập khẩu, số hợp đồng.



Hình 2.2: Giao diện phần mềm khai hải quan điện tử ECUSS VNACCS



Hình 2.3: Mở tờ khai hải quan hàng nhập khẩu

Số tờ khai:	107806161150		STT:	4925
Số tờ khai đầu tiên:		Số nhánh:	/	Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng:
Mã loại hình:	A11	Nhập kinh doanh tiểu dùng	Mã phân loại hàng hóa:	
Cơ quan Hải quan:	02CI	Hải quan cửa khẩu cảng Sài Gòn ki	Phân loại cá nhân/tổ chức:	4
Ngày khai báo (dự kiến):	16/12/2025	Mã bộ phận xử lý tờ khai:	02	
Thời hạn tái xuất:		Mã hiệu phương thức vận chuyển:	3	

Đơn vị xuất nhập khẩu	
Người nhập khẩu	
Mã:	0316724023
Tên:	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CARNATION
Mã bưu chính:	84
Địa chỉ:	Văn phòng 01, Tầng 09, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường Thanh Mỹ Tây, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại:	0932966850
Người ủy thác nhập khẩu	
Mã:	
Tên:	
Người xuất khẩu	
Mã:	
Tên:	HEALTHSMILE (SHANDONG) MEDICAL TECHNOLOGY CO., LTD
Mã bưu chính:	
Địa chỉ:	ROOM1209, BUILDING B2 ZHIHUIGU INDUSTRIAL BASE HIGH-TECH ZONE, LIAOCHENG CITY SHANDONG, CHINA
Mã nước:	CN CHINA
Người ủy thác xuất khẩu:	
Mã người khai Hải quan:	AZ573

Hình 2.4: Tiến hành lên tờ khai hải quan

Thông tin chung Thông tin chung 2 Danh sách hàng Chi thị của Hải quan Kết quả xử lý tờ khai Quản lý tờ khai

Số hợp đồng:
 Ngày hợp đồng: Ngày hết hạn: [Khai báo thông tin HĐ theo yêu cầu của Hải quan](#)

Thông tin văn bản và giấy phép

Mã văn bản pháp quy khác: MO

Giấy phép nhập khẩu: 1 3
 2 5
 4

Hóa đơn thương mại

Phân loại hình thức hóa đơn: * Hóa đơn thương mại

Số tiếp nhận hóa đơn điện tử: Số hóa đơn: **HSMCI251137**

Ngày phát hành: 27/11/2025 Phương thức thanh toán: KC

Mã phân loại giá hóa đơn: * A Điều kiện giá hóa đơn: * CIF

Tổng trị giá hóa đơn: * 1,846 Mã đồng tiền của hóa đơn: * USD

Tờ khai trị giá

Mã phân loại khai trị giá: 6 Số tiếp nhận tờ khai trị giá tổng hợp:

Mã tiền tệ: Giá cơ sở để hiệu chỉnh giá:

Các khoản điều chỉnh:

Phí vận chuyển: Mã loại: Mã tiền: Phí VC:
 Phí bảo hiểm: Mã loại: Mã tiền: Phí BH: Số đăng ký:

	Mã tên:	Mã phân loại:	Mã đồng tiền:	Trị giá khoản điều chỉnh:	Tổng hệ số phân bổ:
(1)					
(2)					
(3)					
(4)					
(5)					

Hình 2.5: Nhập các thông tin chung 2

Thông tin lô hàng: số vận đơn (MAWB/HAWB hoặc MBL/HBL), ngày hàng đến, số container

Vận đơn

☒ Khai báo số định danh theo chuẩn quản lý giám sát Hải quan tự động tại Cảng biển.
☐ Khai báo số định danh theo chuẩn quản lý giám sát Hải quan tự động tại Cảng hàng không

Số vận đơn:

	Số vận đơn	Ngày vận đơn	Số HAWB	Năm MAWB
1	121225XCLHCM25033087	12/12/2025		
2				
3				
4				
5				

[Khai báo thông tin ngày vận đơn trong chi tiết trị giá](#)

Số lượng kiện: * 1 PP Tổng trọng lượng hàng (Gross): 245 KGM

Hình 2.6: Thông tin vận đơn

Thông tin chi tiết hàng hóa:

STT	Hàng hóa	Tên hàng (nếu có chi tiết)	Mã HS	Xuất xứ	Lượng	Đơn vị tính	Lượng 2	Đơn vị tính 2	Đơn giá hiện đơn	Tổng giá hiện đơn	Đơn giá tính thuế	Tổng giá tính thuế	Mã biểu thuế NK	Tỷ lệ ưu đãi	Tiền thuế NK
1	Hộp đựng bằng sứ, trắng men trong ngoài, kích thước: 3.5x7.5cm, dung tích 200 ml, mã Pajon Dehua Kangde Ceramics Co., Ltd. Mã 1007.		6911300	CHINA	300	PCS			7.25	375			905		
2	Hộp đựng bằng sứ, trắng men trong ngoài, kích thước: 3.5x7.5cm, dung tích 200 ml, mã Pajon Dehua Kangde Ceramics Co., Ltd. Mã 1007.		6912000	CHINA	30	PCS			11.6	348			905		
3	Hộp đựng bằng sứ, trắng men trong ngoài, kích thước: 3.5x7.5cm, dung tích 200 ml, mã Pajon Dehua Kangde Ceramics Co., Ltd. Mã 1007.		6913000	CHINA	20	PCS			20.0	400			905		
4	Hộp đựng bằng sứ, trắng men trong ngoài, kích thước: 3.5x7.5cm, dung tích 200 ml, mã Pajon Dehua Kangde Ceramics Co., Ltd. Mã 1007.		6914000	CHINA	20	PCS			15.0	300			905		
5	Hộp đựng bằng sứ, trắng men trong ngoài, kích thước: 3.5x7.5cm, dung tích 200 ml, mã Pajon Dehua Kangde Ceramics Co., Ltd. Mã 1007.		7010000	CHINA	20	PCS			1.5	30			905		
6	Hộp đựng bằng sứ, trắng men trong ngoài, kích thước: 3.5x7.5cm, dung tích 200 ml, mã Pajon Dehua Kangde Ceramics Co., Ltd. Mã 1007.		7010000	CHINA	100	PCS			1.4	140			905		
7	Hộp đựng bằng sứ, trắng men trong ngoài, kích thước: 3.5x7.5cm, dung tích 200 ml, mã Pajon Dehua Kangde Ceramics Co., Ltd. Mã 1007.		8506200	CHINA	110	PCS			2.3	253			905		

Tổng TSHĐ: 1,846 Tổng TSHĐ: 3,860,503 Tổng Thuế: 600

Hình 2.7: Danh sách hàng

Truyền tờ khai lên hệ thống VNACCS

Sau khi nhập xong, nhân viên chọn “Truyền tờ khai”.

Phần mềm gửi dữ liệu đến Tổng cục Hải quan.

Sau 1–3 phút, hệ thống trả kết quả gồm:

- Phân luồng (xanh – vàng – đỏ)
- Số tờ khai
- Thuế phải nộp
- Yêu cầu bổ sung (nếu có lỗi thông tin)

Xử lý lỗi hoặc yêu cầu của hệ thống

Một số lỗi thường gặp:

- Sai mã HS
- Sai thông tin vận đơn
- Lỗi format dữ liệu
- Thiếu chỉ tiêu thông tin về C/O

In tờ khai nháp hoặc trình khách hàng ký số

Sau khi có số tờ khai, nhân viên in tờ khai nháp để đối chiếu lần cuối.

Nếu doanh nghiệp dùng chữ ký số → tiến hành ký số và chấp nhận tờ khai.

c. Kết quả

Sau khi lập và truyền tờ khai thành công:

Doanh nghiệp nhận được số tờ khai điện tử.

Hệ thống hải quan phản hồi kết quả phân luồng:

- Luồng xanh: được thông quan tự động sau khi nộp thuế.
- Luồng vàng: phải kiểm tra hồ sơ.
- Luồng đỏ: phải kiểm tra hồ sơ + kiểm hóa.

Xác định được số tiền thuế phải nộp và tiến hành nộp ngay.

Hỗ trợ chuẩn bị bước tiếp theo trong quy trình thông quan.

d. Nhận xét

Ưu điểm:

Nhân viên có chuyên môn, hiểu rõ quy định, hạn chế sai sót khi khai báo.

Truyền tờ khai nhanh, xử lý lỗi kịp thời nhằm đảm bảo tiến độ cho khách hàng.

Hạn chế:

Một số khách hàng cung cấp hồ sơ chậm hoặc thiếu thông tin → gây khó khăn khi lập tờ khai.

Một số mặt hàng đặc thù cần xin giấy phép trước → kéo dài thời gian nếu khách không chuẩn bị.

Hệ thống ECUS5-VNACCS đôi lúc bị lỗi, gây chậm tiến độ truyền tờ khai.

2.3.3 Nhận thông tin phản hồi từ hải quan và xử lý kết quả phân luồng

a. Nội dung

Sau khi nhân viên Bách Việt hoàn tất việc khai báo tờ khai điện tử trên hệ thống ECUS5-VNACCS và gửi dữ liệu lên cơ quan Hải quan, hệ thống sẽ phản hồi tự động. Công việc của nhân viên là:

- Nhận thông báo tiếp nhận tờ khai, kiểm tra kết quả phân luồng (xanh – vàng – đỏ).
- Xác định các yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa thông tin (nếu có).
- Thông báo kết quả cho khách hàng và phối hợp chuẩn bị các chứng từ cần thiết theo từng luồng kiểm tra.
- Tiến hành xử lý tiếp theo trên hệ thống hoặc làm việc trực tiếp với công chức hải quan khi cần thiết.

b. Quy trình thực hiện

 Nhận phản hồi từ hệ thống ECUS5-VNACCS

Nhân viên đăng nhập vào tài khoản điện tử của công ty.

Kiểm tra trong mục “Kết quả xử lý tờ khai” để nhận thông báo gồm:

- Mã phản hồi tiếp nhận tờ khai
- Kết quả phân luồng
- Các lỗi hệ thống (nếu có)

<IMP> Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông báo kết quả phân luồng) 1/9			
Số tờ khai	107806161150	Số tờ khai đầu tiên	/
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	All 3 [4]
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai	HQSGKV1	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	6912
Ngày đăng ký	17/12/2025 10:45:08	Ngày thay đổi đăng ký	/ /
		Mã bộ phận xử lý tờ khai	02
		Thời hạn tái nhập/ tái xuất	/ /
Người nhập khẩu			
Mã	0316724023		
Tên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CARNATION		
Mã bưu chính	04		
Địa chỉ	Văn phòng 01, Tầng 09, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP Hồ Chí Minh		
Số điện thoại	0932966850		
Người ủy thác nhập khẩu			
Mã			
Tên			
Người xuất khẩu			
Mã			
Tên	HEALTHSMILE (SHANDONG) MEDICAL TECHNOLOGY CO., LTD		
Mã bưu chính			
Địa chỉ	ROOM1209, BUILDING B2	ZHIHUIGU INDUSTRIAL BASE	
	HIGH-TECH ZONE, LIAOCHENG CITY	SHANDONG, CHINA	
Mã nước	CN		
Người ủy thác xuất khẩu			

Hình 2.8: Kết quả phân luồng

Phân tích kết quả phân luồng

Luồng xanh:

- Hệ thống tự động chấp nhận tờ khai.
- Không kiểm tra chứng từ, không kiểm hóa.
- Nhân viên chuyển sang bước nộp thuế và hoàn tất thông quan.

Luồng vàng:

- Hải quan yêu cầu kiểm tra hồ sơ giấy/scan.
- Nhân viên chuẩn bị bộ hồ sơ gồm Invoice, Packing List, Hợp đồng, Vận đơn,

C/O (nếu có)...

- Tải chứng từ lên hệ thống hoặc nộp hồ sơ tại chi cục (tùy trường hợp).
- Theo dõi phản hồi duyệt hồ sơ của hải quan.

Luồng đỏ:

- Hàng hóa phải kiểm tra thực tế (kiểm hóa).
- Nhân viên liên hệ kho, cảng sắp xếp thời gian kiểm hóa.
- Phối hợp với cán bộ hải quan để mở containers và kiểm tra thực tế.
- Ghi nhận biên bản kiểm hóa, xử lý chênh lệch nếu có.

Bước 3: Xử lý lỗi (nếu hệ thống trả về mã lỗi)

Kiểm tra lại thông tin tờ khai: mã HS, xuất xứ, số lượng, trị giá, điều kiện giao hàng...

Tìm nguyên nhân: nhập sai dữ liệu, thiếu thông tin, chứng từ không khớp...

Chỉnh sửa và gửi tờ khai lại.

 Thông báo cho khách hàng

Gửi báo cáo kết quả phân luồng và các yêu cầu liên quan.

Hướng dẫn khách hàng bổ sung chứng từ nếu luồng vàng/đỏ.

Cập nhật tiến độ xử lý theo từng giai đoạn.

c. Kết quả

Sau khi xử lý đúng quy trình, kết quả mang lại:

- Tờ khai được thông quan theo quy định của từng luồng.
- Khách hàng nắm rõ tình trạng lô hàng và kế hoạch nhận hàng.
- Công ty tránh được lỗi phát sinh, giảm thời gian lưu bãi và chi phí không cần thiết.
- Tối ưu hóa tiến độ giao nhận, đảm bảo uy tín của Bách Việt trong dịch vụ khai thuê hải quan.

d. Nhận xét

Nhân viên Bách Việt có chuyên môn tốt, xử lý luồng xanh nhanh và chính xác.

Tuy nhiên, với luồng vàng và đỏ, đôi khi còn phụ thuộc vào sự phối hợp cung cấp chứng từ của khách hàng, dẫn đến mất thời gian.

Một số lỗi kỹ thuật từ hệ thống VNACCS vẫn xảy ra, đòi hỏi nhân viên phải có kinh nghiệm để phân tích và xử lý.

Việc trao đổi với khách hàng về chứng từ chưa thống nhất ngay từ đầu dễ làm quy trình kéo dài.

Nhìn chung, quy trình xử lý phân luồng của công ty được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định và đảm bảo hiệu quả cao.

2.3.4 Nộp thuế và lệ phí hải quan

a. Nội dung

Nộp thuế và lệ phí hải quan là bước quan trọng trong quy trình nhập khẩu, đảm bảo lô hàng được thông quan hợp pháp. Sau khi tờ khai được truyền và kiểm tra hoàn tất, hệ thống ECUS5-VNACCS tự động tính toán các loại thuế dựa trên:

- Mã HS của hàng hóa

- Trị giá tính thuế (CIF hoặc công thức tùy mặt hàng)
- Chính sách ưu đãi từ C/O (nếu có)
- Thuế suất từng loại thuế: thuế NK, VAT, TTĐB, thuế BVMT...

Nhân viên Bách Việt sẽ kiểm tra, xác nhận và thực hiện nộp thuế qua hệ thống nộp thuế điện tử để đảm bảo lô hàng không bị chậm thông quan.

b. Quy trình thực hiện

Kiểm tra thông tin thuế trên tờ khai

Sau khi tờ khai được phân luồng, nhân viên của Bách Việt:

- Mở mục “Thông tin thuế” trên VNACCS/ECUS
- Kiểm tra các loại thuế mà hệ thống tự tính
- Đối chiếu lại trị giá tính thuế, thuế suất theo mã HS
- Xác nhận ưu đãi thuế từ C/O form ưu đãi (nếu khách hàng cung cấp)

Tiến hành nộp thuế qua hệ thống nộp thuế điện tử

- Đăng nhập tài khoản ngân hàng doanh nghiệp
- Chọn mục Nộp thuế điện tử
- Hệ thống tự đồng bộ số tờ khai – số tiền thuế phải nộp
- Nhân viên kiểm tra lại lần cuối
- Ký số và gửi lệnh nộp thuế
- Ngân hàng xác nhận → Hải quan ghi nhận tự động

Kiểm tra lại trạng thái tờ khai sau nộp thuế

Nhân viên Bách Việt vào:

- Mục “Tra cứu tờ khai” → trạng thái “Đã nộp thuế”
- Kiểm tra các chỉ tiêu:
 - Số tiền thuế ghi nhận
 - Giờ nộp thuế
 - Mã ngân hàng thanh toán

Nếu hệ thống chưa ghi nhận, nhân viên:

- Kiểm tra giao dịch ngân hàng
- Gửi biên lai qua email cho chi cục
- Hoặc gọi trực tiếp đến bộ phận hỗ trợ để cập nhật lại

Trà cứu thông tin tờ khai

Thông tin tra cứu tờ khai hải quan

Số tờ khai: **107806161150** Mã doanh nghiệp: 0316724023 Số chứng minh nhân dân: 068086004683 [Tra cứu](#)

[Cập nhật dữ liệu vào tờ khai](#)

THÔNG TIN TỜ KHAI

Mã hải quan	02CI
Tên hải quan	Hải quan CK cảng Sài Gòn khu vực 1
Mã loại hình	A11
Tên loại hình	Nhập kinh doanh tiêu dùng
Năm đăng ký	2025
Số tờ khai	107806161150
Ngày đăng ký	17-12-2025
Mã đơn vị	0316724023
Ngày thông quan	
Ngày qua khu vực giám sát	
Tên luồng	Luồng Vàng

THÔNG TIN CHI TIẾT

Tên loại thuế	Thuế xuất nhập khẩu
Tên tài khoản	Tài khoản nộp ngân sách
	Sắc thuế Phải nộp Đã nộp Còn lại
Thông tin thuế	Thuế giá trị gia tăng 0 3.860.503 -3.860.503

Hình 2.9: Các chi phí thuế

 Xuất biên lai thuế và lưu vào hồ sơ

Sau khi thuế được nộp thành công:

- Xuất biên lai nộp thuế điện tử (PDF)
- Lưu vào hồ sơ điện tử và hồ sơ giấy của lô hàng
- Chuyển biên lai cho khách hàng nếu họ yêu cầu

c. Kết quả

Thuế được nộp nhanh chóng, hệ thống hải quan ghi nhận tự động

Tránh tình trạng tờ khai “chưa nộp thuế” dẫn đến không thông quan

Giảm rủi ro bị phạt do nộp thuế trễ

Tối ưu thời gian, giảm phí lưu bãi và lưu container

Tăng uy tín của Bách Việt với khách hàng nhờ xử lý đúng hạn và chính xác

d. Nhận xét

Nhân viên chủ động kiểm tra và đối chiếu thuế trước khi nộp

Hồ sơ lưu trữ rõ ràng, hỗ trợ tốt cho kiểm tra sau thông quan

2.3.5 Thực hiện thông quan, bàn giao hàng hóa, chứng từ và lưu trữ hồ sơ

a. Nội dung

Thực hiện thông quan, bàn giao hàng hóa, chứng từ và lưu trữ hồ sơ là giai đoạn cuối cùng trong quy trình thực hiện thủ tục hải quan điện tử đối với hàng nhập khẩu. Ở bước này, nhân viên khai báo hải quan của Công ty TNHH Vận tải Bách Việt phối hợp

với cơ quan hải quan, khách hàng và các đơn vị liên quan để hoàn tất việc thông quan tờ khai, bàn giao hàng hóa, chứng từ cho khách hàng và lưu trữ hồ sơ theo quy định.

Các công việc cụ thể như sau:

- Theo dõi trạng thái tờ khai trên hệ thống ECUS5-VNACCS sau khi hoàn tất nghĩa vụ thuế;
- Phối hợp xử lý các yêu cầu bổ sung hồ sơ, chứng từ hoặc giải trình theo yêu cầu của công chức hải quan;
- Xác nhận tờ khai đã được thông quan trên hệ thống;
- Hỗ trợ khách hàng nhận hàng sau khi tờ khai được thông quan;
- Bàn giao bộ chứng từ liên quan cho khách hàng;
- Lưu trữ hồ sơ hải quan đầy đủ để phục vụ công tác tra cứu, đối chiếu và kiểm tra sau thông quan.

b. Quy trình thực hiện

Kiểm tra tình trạng tờ khai trên hệ thống

Sau khi hoàn tất việc nộp thuế, nhân viên khai báo theo dõi trạng thái tờ khai trên hệ thống ECUS5-VNACCS để xác định tờ khai đã đủ điều kiện thông quan hay chưa. Trường hợp hệ thống vẫn báo chưa hoàn thành kiểm tra, nhân viên cần liên hệ cơ quan hải quan để nắm rõ yêu cầu bổ sung.

Phối hợp xử lý theo kết quả phân luồng

Tùy theo kết quả phân luồng của tờ khai, nhân viên thực hiện các công việc tương ứng. Đối với luồng xanh, tờ khai thường được thông quan nhanh nếu không phát sinh vướng mắc. Đối với luồng vàng, nhân viên nộp và xuất trình hồ sơ theo yêu cầu kiểm tra của hải quan. Đối với luồng đỏ, doanh nghiệp phối hợp với cơ quan hải quan để kiểm tra thực tế hàng hóa và hoàn thiện hồ sơ liên quan.

Xác nhận thông quan

Khi cơ quan hải quan chấp thuận, hệ thống ECUS5-VNACCS chuyển trạng thái tờ khai sang “Hàng đã được thông quan”. Đây là căn cứ để tiếp tục thực hiện các bước bàn giao hàng hóa và chứng từ cho khách hàng.

Bàn giao hàng hóa và chứng từ cho khách hàng

Sau khi tờ khai được thông quan, nhân viên phối hợp với các bộ phận liên quan để hỗ trợ khách hàng nhận hàng. Đồng thời, bàn giao bộ chứng từ hoàn chỉnh, bao gồm tờ khai thông quan, mã vạch,... và các chứng từ liên quan khác theo yêu cầu.

Lưu trữ hồ sơ hải quan

Sau khi hoàn tất việc bàn giao hàng hóa và chứng từ, nhân viên tiến hành lưu trữ toàn bộ hồ sơ hải quan theo quy định. Hồ sơ lưu trữ thường bao gồm tờ khai hải quan, bộ chứng từ nhập khẩu, chứng từ nộp thuế và các tài liệu liên quan khác. Việc lưu trữ hồ sơ nhằm phục vụ cho công tác quản lý nội bộ, tra cứu thông tin và kiểm tra sau thông quan khi cần thiết.

Chi cục Hải quan khu vực II
Hải quan cửa khẩu cảng Sài Gòn
khu vực I


Ngày 18 tháng 12 năm 2025

DANH SÁCH HÀNG HÓA
ĐỦ ĐIỀU KIỆN QUA KHU VỰC GIÁM SÁT HẢI QUAN
Tờ khai không phải niêm phong

1. **Chi cục hải quan giám sát:** Hải quan cửa khẩu cảng Sài Gòn khu vực I - 02CIRC: HQCK CANG
SG KV I - 3
2. **Đơn vị XNK:** CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CARNATION
3. **Mã số thuế:** 0316724023
4. **Số tờ khai:** 107806161150
5. **Trạng thái tờ khai:** Thông quan
6. **Ngày tờ khai:** 17/12/2025 - 15/12/2025
7. **Loại hình:** Nhập kinh doanh tiêu dùng
8. **Loại thuế:** Vàng
9. **Số quản lý hàng hóa:** 121225XCLHCM25033087

STT	SỐ LƯỢNG HÀNG (1)	TỔNG TRỌNG LƯỢNG HÀNG (2)	LƯỢNG HÀNG HÓA THỰC TẾ QUA KHU VỰC GIÁM SÁT HẢI QUAN (3)	XÁC NHẬN CỦA CÔNG CHỨC HẢI QUAN (4)
1	1 PALLET & PACKAG	245 Kilogram		

Ghi chú:
- Cột số (1) lấy từ tiêu chí "Số lượng" trên phần "General" của tờ khai hải quan.
- Cột số (2) lấy từ tiêu chí "Tổng trọng lượng hàng" trên phần "General" của tờ khai hải quan.
- Trường hợp hàng hóa được đưa qua KVG nhiều lần thì đối với từng lần đưa hàng qua KVG, công chức hải quan thực hiện:
+ Cột số (3): ghi rõ lượng hàng từng lần qua KVG.
+ Cột số (4): ghi ngày, tháng, năm; ký, đóng dấu công chức.
- Trường hợp giá trị tại cột (1):
+ khác 1 thì theo dõi lượng hàng tại cột (3) tương ứng theo cột (1);
+ bằng 1 thì theo dõi lượng hàng tại cột (3) tương ứng theo cột (2).

Kết xuất dữ liệu lúc: 18/12/2025 03:18 PM

file:///D:/ECUSDATA/Update/HSWeb/TraCuuCont.html 12/18/2025

Hình 2.10: Mã vạch thông quan

d. Nhận xét

- Nhân viên khai báo có khả năng theo dõi trạng thái tờ khai và xử lý công việc kịp thời;
- Việc phối hợp với cơ quan hải quan và khách hàng được thực hiện khá linh hoạt, giúp hạn chế các phát sinh trong quá trình thông quan;
- Doanh nghiệp có thực hiện lưu trữ hồ sơ đầy đủ, thuận lợi cho việc tra cứu và quản lý sau này.

2.4 Đánh giá chung về quy trình khai báo hải quan cho hàng hóa nhập khẩu lẻ container bằng đường biển tại Công ty TNHH Vận Tải Bách Việt

2.4.1 Kết quả đạt được

Bách Việt đã xây dựng được mạng lưới đối tác vận tải – hãng tàu – hãng bay – kho ngoại quan rộng khắp, bao phủ tại các đầu mối logistics trọng điểm như TP.HCM, Hải Phòng, Đà Nẵng và các cửa khẩu quốc tế. Nhờ hệ thống đối tác này, công ty có thể tổ

chức việc gom hàng, đóng hàng, vận chuyển và làm thủ tục nhanh chóng cho khách hàng ở nhiều khu vực khác nhau.

Công ty sở hữu quy trình làm việc liên kết chặt chẽ giữa bộ phận chứng từ – hiện trường – giao nhận – đối tác vận tải, tạo nên một chuỗi vận hành thống nhất. Nhờ sự phối hợp xuyên suốt này, tiến độ xử lý hồ sơ và điều phối hàng hóa được đảm bảo thông suốt từ lúc nhận booking đến khi giao hàng cuối cùng.

Bách Việt có mối quan hệ tốt với hầu hết các hãng tàu, hãng bay, ICD, CFS và các đơn vị vận tải nội địa, giúp việc đặt chỗ, lấy container, xử lý phát sinh và tối ưu chi phí vận chuyển diễn ra thuận lợi. Sự liên kết này cũng hỗ trợ công ty duy trì mức giá cạnh tranh và đảm bảo lịch trình ổn định cho khách hàng.

Trong hoạt động làm thủ tục hải quan, Bách Việt duy trì sự phối hợp hiệu quả với các chi cục hải quan tại cảng và cửa khẩu, từ đó hỗ trợ rút ngắn thời gian kiểm tra hồ sơ, hạn chế bị soi chiếu kéo dài và tăng tỷ lệ thông quan đúng hạn. Điều này giúp giảm rủi ro lưu bãi – lưu container cho khách hàng.

Nhờ sử dụng hệ thống phần mềm quản lý lô hàng – quản lý chứng từ – theo dõi tiến độ, Bách Việt có khả năng cập nhật trạng thái hàng hóa nhanh và chính xác. Quy trình chuẩn hóa giúp giảm thiểu sai sót trong quá trình khai báo, truyền tờ khai và sắp xếp phương tiện.

Đội ngũ nhân viên của Bách Việt, bao gồm chứng từ, kinh doanh và hiện trường, có tác phong chuyên nghiệp, am hiểu quy định XNK và quy trình logistics. Nhờ kinh nghiệm tiếp xúc thường xuyên với hãng tàu, đối tác vận tải và hải quan, nhân viên xử lý hồ sơ nhanh, linh hoạt và có khả năng giải quyết các vấn đề phát sinh hiệu quả.

Nhìn chung, việc duy trì một hệ thống đối tác rộng – quy trình vận hành chặt chẽ – nguồn nhân lực có chuyên môn đã giúp Bách Việt nâng cao chất lượng dịch vụ giao nhận – khai thuê hải quan – vận tải quốc tế. Điều này góp phần tạo dựng uy tín, củng cố niềm tin của khách hàng và mở rộng thị trường trong ngành logistics.

2.4.2 Tồn tại và nguyên nhân

a. Tồn tại

Ở bước nhận và kiểm tra bộ hồ sơ hải quan từ khách hàng, dù nhân viên đã thực hiện kiểm tra tương đối kỹ lưỡng, nhưng trên thực tế vẫn thường xuyên phát sinh tình trạng hồ sơ gửi từ khách hàng chưa đầy đủ hoặc thông tin chưa thống nhất giữa các chứng từ. Việc này làm mất thêm thời gian trao đổi, chỉnh sửa và có thể ảnh hưởng đến

tiến độ khai báo. Nguyên nhân chủ yếu là do một số khách hàng chưa am hiểu rõ quy định về hồ sơ hải quan, trong khi công ty chưa có bộ hướng dẫn chứng từ chuẩn hóa để hỗ trợ khách hàng ngay từ đầu.

Trong quá trình lập tờ khai và truyền khai báo hải quan điện tử, công ty vẫn gặp khó khăn khi hệ thống ECUS5-VNACCS xảy ra lỗi kỹ thuật, nghẽn mạng hoặc thay đổi chính sách khai báo. Điều này khiến việc truyền tờ khai đôi khi bị gián đoạn, phải thực hiện lại nhiều lần. Nguyên nhân đến từ yếu tố khách quan của hệ thống công nghệ thông tin hải quan cũng như việc các quy định pháp luật thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật.

Ở khâu nộp thuế và các khoản phí hải quan, tuy công ty đã hỗ trợ khách hàng thực hiện đúng thời hạn, nhưng vẫn còn phụ thuộc vào tốc độ phối hợp từ phía khách hàng trong việc chuẩn bị nguồn tài chính và xác nhận thanh toán. Trong một số trường hợp, việc chậm nộp thuế có thể làm kéo dài thời gian thông quan. Nguyên nhân chủ yếu là do sự phối hợp giữa doanh nghiệp và khách hàng chưa thực sự đồng bộ.

Đối với bước phối hợp thông quan và thanh lý tờ khai, công ty vẫn gặp những khó khăn khi lô hàng bị phân luồng vàng hoặc luồng đỏ, phải bổ sung chứng từ hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa. Việc này làm tăng khối lượng công việc cho nhân viên và kéo dài thời gian hoàn tất thủ tục. Nguyên nhân chủ yếu là do đặc thù hàng hóa nhập khẩu đa dạng, chịu sự quản lý của nhiều cơ quan chuyên ngành khác nhau.

Nhìn chung, các tồn tại trong quy trình thủ tục hải quan điện tử tại Công ty TNHH Vận Tải Bách Việt chủ yếu xuất phát từ yếu tố khách quan của hệ thống pháp luật và hải quan, sự phối hợp chưa đồng đều từ phía khách hàng, cũng như nguồn lực và mức độ chuẩn hóa quy trình nội bộ của công ty còn hạn chế. Đây là những vấn đề cần được công ty tiếp tục cải thiện trong thời gian tới nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và chất lượng dịch vụ.

b. Nguyên nhân

Nguyên nhân xuất phát từ phía khách hàng chiếm tỷ trọng tương đối lớn. Phần lớn khách hàng của công ty là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, mức độ am hiểu về thủ tục hải quan, chứng từ xuất nhập khẩu còn hạn chế. Do đó, trong quá trình cung cấp hồ sơ, khách hàng thường gửi thiếu chứng từ, thông tin chưa đồng nhất giữa các giấy tờ hoặc chưa nắm rõ các quy định liên quan đến chính sách thuế, quản lý chuyên ngành. Điều

này dẫn đến việc nhân viên Bách Việt phải mất thêm thời gian kiểm tra, yêu cầu bổ sung và điều chỉnh hồ sơ, làm kéo dài tiến độ xử lý so với kế hoạch ban đầu.

Nguyên nhân đến từ đặc thù hoạt động của doanh nghiệp forwarder. Công ty TNHH Vận Tải Bách Việt hoạt động chủ yếu với vai trò trung gian, phụ thuộc nhiều vào các bên liên quan như khách hàng, hãng tàu, đại lý nước ngoài, cảng biển và cơ quan hải quan. Do đó, trong các khâu như truyền tờ khai, nộp thuế, phối hợp thông quan hay thanh lý tờ khai, tiến độ công việc không chỉ phụ thuộc vào nội bộ công ty mà còn bị chi phối bởi tốc độ phản hồi và xử lý của các bên liên quan. Khi một khâu trong chuỗi này bị chậm trễ sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến toàn bộ quy trình.

Từ hệ thống pháp luật và chính sách quản lý nhà nước. Các quy định về hải quan, thuế xuất nhập khẩu, mã HS, chính sách quản lý chuyên ngành thường xuyên được sửa đổi, bổ sung nhằm phù hợp với thực tiễn. Mặc dù công ty luôn cố gắng cập nhật, tuy nhiên việc thay đổi liên tục của văn bản pháp luật cũng gây áp lực lớn cho nhân viên nghiệp vụ, đặc biệt trong quá trình khai báo và giải trình với cơ quan hải quan. Đây là nguyên nhân dẫn đến một số khó khăn trong việc áp dụng chính sách một cách đồng bộ và thống nhất cho tất cả các lô hàng.

Từ yếu tố kỹ thuật và hệ thống công nghệ thông tin. Hệ thống ECUS5-VNACCS đôi khi xảy ra tình trạng nghẽn mạng, lỗi kỹ thuật hoặc chậm phản hồi, đặc biệt vào các khung giờ cao điểm. Điều này ảnh hưởng đến quá trình truyền tờ khai, sửa đổi bổ sung thông tin hoặc xác nhận trạng thái thông quan. Những yếu tố này nằm ngoài khả năng kiểm soát trực tiếp của doanh nghiệp nhưng lại tác động đáng kể đến hiệu quả thực hiện quy trình.

Từ nguồn lực nội bộ của công ty cũng là một yếu tố cần xem xét. Mặc dù đội ngũ nhân viên của Bách Việt có trình độ chuyên môn khá tốt, song số lượng nhân sự còn hạn chế trong khi khối lượng công việc phát sinh không ổn định, đặc biệt vào các thời điểm cao điểm nhập khẩu. Điều này khiến nhân viên phải xử lý nhiều lô hàng cùng lúc, làm gia tăng áp lực công việc và khó tránh khỏi những thiếu sót nhỏ trong quá trình phối hợp và theo dõi tiến độ.

Từ công tác dự báo và quản lý rủi ro trong quá trình thực hiện dịch vụ. Một số chi phí phát sinh như phí lưu container, lưu bãi, kiểm tra chuyên ngành hoặc yêu cầu bổ sung hồ sơ từ hải quan chưa thể dự đoán chính xác ngay từ đầu. Điều này dẫn đến chênh

lệch giữa dự toán ban đầu và thực tế khi quyết toán với khách hàng, gây mất thời gian giải trình và điều chỉnh.

Các nguyên nhân dẫn đến những tồn tại trong quy trình thủ tục hải quan điện tử đối với hàng nhập khẩu tại Công ty TNHH Vận Tải Bách Việt chủ yếu xuất phát từ sự phụ thuộc vào nhiều chủ thể trong chuỗi logistics, sự thay đổi thường xuyên của chính sách pháp luật, hạn chế về nguồn lực nội bộ và yếu tố kỹ thuật của hệ thống hải quan điện tử. Đây là cơ sở quan trọng để công ty đề xuất các giải pháp hoàn thiện quy trình trong thời gian tới.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN QUY TRÌNH KHAI BÁO HẢI QUAN CHO HÀNG HÓA NHẬP KHẨU LẺ CONTAINER BẰNG ĐƯỜNG BIỂN TẠI CÔNG TY TNHH VẬN TẢI BÁCH VIỆT

3.1. Định hướng và mục tiêu hoàn thiện quy trình khai báo hải quan

Hoạt động khai báo hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu lẻ container bằng đường biển là một nghiệp vụ quan trọng trong chuỗi dịch vụ logistics của Công ty TNHH Vận tải Bách Việt. Đây là hoạt động có liên quan trực tiếp đến quá trình thông quan hàng hóa, thời gian nhận hàng, chi phí phát sinh và mức độ hài lòng của khách hàng. Đối với hàng lẻ container, do đặc thù hàng lẻ được gom chung container, quy trình xử lý thường liên quan đến nhiều bên như hãng tàu, đại lý gom hàng, kho CFS, cơ quan hải quan, đơn vị vận tải và khách hàng nhập khẩu. Vì vậy, việc hoàn thiện quy trình khai báo hải quan không chỉ giúp công ty giảm sai sót trong nghiệp vụ mà còn góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ và năng lực cạnh tranh.

Theo Luật Hải quan năm 2014, hàng hóa nhập khẩu phải được làm thủ tục hải quan, chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan theo quy định trước khi được thông quan và đưa vào lưu thông tại Việt Nam [1]. Bên cạnh đó, các quy định tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, Nghị định số 59/2018/NĐ-CP, Thông tư số 38/2015/TT-BTC và Thông tư số 39/2018/TT-BTC là cơ sở pháp lý quan trọng điều chỉnh quy trình thủ tục hải quan điện tử, kiểm tra hải quan, giám sát hải quan và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

Trên cơ sở thực trạng đã phân tích ở chương trước, Chương 3 tập trung xác định định hướng phát triển, mục tiêu hoàn thiện và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quy trình khai báo hải quan cho hàng hóa nhập khẩu LCL bằng đường biển tại Công ty TNHH Vận tải Bách Việt.

3.1.1. Nghiên cứu và dự báo môi trường kinh doanh

a. Phân tích môi trường vĩ mô

Môi trường vĩ mô có ảnh hưởng lớn đến hoạt động logistics nói chung và hoạt động khai báo hải quan hàng nhập khẩu nói riêng. Đối với Công ty TNHH Vận tải Bách Việt, việc phân tích môi trường vĩ mô giúp công ty nhận diện các cơ hội, thách thức và xây dựng định hướng phù hợp trong quá trình cung cấp dịch vụ.

Thứ nhất, về môi trường kinh tế.

Trong những năm gần đây, hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam tiếp tục giữ vai trò quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế. Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, năm 2024, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam đạt khoảng 786,3 tỷ USD, tăng so với năm 2023; trong đó xuất khẩu đạt khoảng 405,5 tỷ USD, nhập khẩu đạt khoảng 380,8 tỷ USD và cán cân thương mại tiếp tục thặng dư. Sự phục hồi và tăng trưởng của thương mại hàng hóa tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp logistics phát triển dịch vụ giao nhận, vận tải và khai báo hải quan.

Đối với hàng hóa nhập khẩu lẻ container bằng đường biển, nhu cầu sử dụng dịch vụ có xu hướng ổn định do nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ thường nhập khẩu hàng với khối lượng không đủ nguyên container. Hình thức lẻ container giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí vận chuyển so với việc thuê nguyên container trong trường hợp lượng hàng không lớn. Đây là cơ hội để Công ty TNHH Vận tải Bách Việt tiếp tục phát triển nhóm dịch vụ khai báo hải quan, giao nhận và vận chuyển hàng lẻ container nhập khẩu.

Tuy nhiên, môi trường kinh tế cũng đặt ra một số thách thức. Chi phí logistics có thể biến động do ảnh hưởng của giá nhiên liệu, phụ phí hãng tàu, phí lưu kho, lưu bãi và tình hình vận tải biển quốc tế. Khi chi phí tăng, khách hàng có xu hướng so sánh giá giữa nhiều đơn vị dịch vụ khác nhau. Điều này tạo áp lực cho công ty trong việc vừa đảm bảo chất lượng dịch vụ, vừa kiểm soát chi phí hợp lý.

Thứ hai, về môi trường pháp luật và chính sách hải quan.

Hoạt động khai báo hải quan chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật như Luật Hải quan, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, các nghị định, thông tư hướng dẫn về thủ tục hải quan, phân loại hàng hóa, trị giá hải quan, xuất xứ hàng hóa và kiểm tra chuyên ngành. Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khai báo hải quan, việc cập nhật kịp thời các quy định pháp luật là yêu cầu bắt buộc.

Việc xác định mã HS cần căn cứ vào Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính. Nếu xác định sai mã HS, doanh nghiệp có thể khai sai thuế suất, sai chính sách mặt hàng hoặc bị cơ quan hải quan yêu cầu bổ sung, giải trình. Do đó, nhân viên khai báo hải quan phải thường xuyên cập nhật chính sách mặt hàng, biểu thuế và các quy định quản lý chuyên ngành.

Bên cạnh đó, ngành hải quan Việt Nam đang tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện hải quan điện tử và quản lý rủi ro

trong thông quan hàng hóa. Đây là điều kiện thuận lợi giúp doanh nghiệp giảm thời gian xử lý hồ sơ, nhưng đồng thời cũng yêu cầu doanh nghiệp logistics phải nâng cao năng lực công nghệ và khả năng xử lý chứng từ điện tử.

Thứ ba, về môi trường công nghệ.

Chuyển đổi số đang trở thành xu hướng quan trọng trong ngành logistics. Khách hàng hiện nay không chỉ yêu cầu dịch vụ khai báo hải quan chính xác mà còn mong muốn được cập nhật nhanh chóng về tình trạng lô hàng, kết quả phân luồng, thời gian thông quan và các chi phí phát sinh. Nếu công ty vẫn xử lý công việc chủ yếu bằng phương pháp thủ công, việc theo dõi tiến độ lô hàng có thể bị chậm, thông tin dễ phân tán và khó truy xuất khi cần.

Theo xu hướng chung của ngành logistics, việc ứng dụng phần mềm quản lý, số hóa chứng từ, xây dựng cơ sở dữ liệu khách hàng, mã HS và lịch sử xử lý lô hàng là cần thiết. Đối với Công ty TNHH Vận tải Bách Việt, việc đầu tư công nghệ có thể bắt đầu từ những công cụ đơn giản như bảng theo dõi điện tử, thư mục lưu trữ chứng từ dùng chung, mẫu biểu kiểm tra hồ sơ và hệ thống nhắc việc theo từng lô hàng. Khi điều kiện cho phép, công ty có thể tiến tới sử dụng phần mềm quản lý logistics hoặc phần mềm quản lý quy trình khai báo hải quan.

Thứ tư, về môi trường xã hội và yêu cầu của khách hàng.

Nhu cầu của khách hàng đối với dịch vụ logistics ngày càng cao. Khách hàng không chỉ quan tâm đến việc hàng hóa có được thông quan hay không, mà còn chú trọng đến thời gian xử lý, chi phí dịch vụ, khả năng tư vấn của nhân viên và mức độ minh bạch trong quá trình thực hiện. Đặc biệt đối với doanh nghiệp nhập khẩu hàng lẻ container, việc chậm thông quan hoặc chậm lấy hàng tại kho CFS có thể làm phát sinh chi phí lưu kho và ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh.

Do đó, công ty cần nâng cao kỹ năng phục vụ khách hàng, chủ động tư vấn hồ sơ, thông báo sớm các rủi ro và cập nhật tiến độ lô hàng thường xuyên. Đây là yếu tố quan trọng giúp công ty duy trì quan hệ lâu dài với khách hàng và nâng cao uy tín trên thị trường.

Thứ năm, về môi trường quốc tế và vận tải biển.

Vận tải biển chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như giá cước, tình trạng tắc nghẽn cảng, biến động địa chính trị, phụ phí hãng tàu và nhu cầu thương mại toàn cầu. Theo UNCTAD, vận tải biển quốc tế tiếp tục đóng vai trò chủ đạo trong thương mại hàng hóa

toàn cầu, nhưng cũng đối mặt với nhiều biến động về chi phí, tuyến vận chuyển và thời gian giao hàng. Đối với hàng LCL nhập khẩu, những biến động này có thể ảnh hưởng đến thời gian hàng về cảng, thời điểm khai thác container tại kho CFS và kế hoạch giao hàng cho khách.

Từ các yếu tố trên có thể thấy, môi trường vĩ mô tạo ra cả cơ hội và thách thức đối với Công ty TNHH Vận tải Bách Việt. Cơ hội đến từ sự phát triển của thương mại quốc tế, nhu cầu sử dụng dịch vụ logistics và xu hướng cải cách thủ tục hải quan. Thách thức đến từ sự cạnh tranh, yêu cầu tuân thủ pháp luật, biến động chi phí logistics và yêu cầu chuyển đổi số trong hoạt động doanh nghiệp.

b. Phân tích môi trường ngành

Bên cạnh môi trường vĩ mô, môi trường ngành logistics cũng có tác động trực tiếp đến hoạt động khai báo hải quan cho hàng hóa nhập khẩu lẻ container bằng đường biển tại Công ty TNHH Vận tải Bách Việt.

Thứ nhất, mức độ cạnh tranh trong ngành logistics ngày càng cao.

Hiện nay, trên thị trường có nhiều doanh nghiệp cung cấp dịch vụ giao nhận, vận tải, khai thuê hải quan và logistics trọn gói. Các doanh nghiệp cạnh tranh không chỉ bằng giá mà còn bằng tốc độ xử lý hồ sơ, kinh nghiệm nghiệp vụ, chất lượng tư vấn và khả năng chăm sóc khách hàng. Theo Ngân hàng Thế giới, chỉ số năng lực logistics LPI gần nhất công bố năm 2023 cho thấy Việt Nam xếp hạng 43/139 quốc gia và vùng lãnh thổ, phản ánh mức độ phát triển tương đối tích cực của ngành logistics nhưng cũng cho thấy yêu cầu tiếp tục cải thiện hiệu quả dịch vụ.

Trong bối cảnh cạnh tranh này, Công ty TNHH Vận tải Bách Việt cần tạo lợi thế bằng sự chính xác trong khai báo, khả năng tư vấn chứng từ, tốc độ xử lý lô hàng và sự chủ động trong phối hợp với khách hàng.

Thứ hai, quyền lựa chọn của khách hàng ngày càng lớn.

Khách hàng có thể dễ dàng so sánh báo giá giữa nhiều công ty logistics khác nhau. Với hàng LCL nhập khẩu bằng đường biển, khách hàng thường quan tâm đến các yếu tố như thời gian thông quan, chi phí dịch vụ, chi phí kho CFS, chi phí vận chuyển nội địa và khả năng hỗ trợ khi phát sinh vướng mắc. Do đó, nếu công ty không có quy trình rõ ràng và chất lượng phục vụ ổn định, khách hàng có thể chuyển sang nhà cung cấp khác.

Thứ ba, hoạt động khai báo hải quan phụ thuộc vào nhiều bên trong chuỗi logistics.

Một lô hàng lẻ container nhập khẩu bằng đường biển thường liên quan đến người bán, người mua, hãng tàu, đại lý gom hàng, kho CFS, cơ quan hải quan, đơn vị vận tải và ngân hàng nếu có thanh toán quốc tế. Bất kỳ sự chậm trễ nào ở một khâu cũng có thể ảnh hưởng đến toàn bộ tiến độ thông quan và giao hàng. Vì vậy, công ty cần xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan, đặc biệt là kho CFS, hãng tàu/đại lý và khách hàng nhập khẩu.

Thứ tư, đặc điểm hàng lẻ container làm tăng yêu cầu kiểm soát chứng từ.

Khác với hàng nguyên container, hàng lẻ container là hàng được gom chung trong một container. Sau khi container về cảng, hàng phải được khai thác tại kho CFS trước khi chủ hàng nhận từng lô riêng. Do đó, công ty cần kiểm tra kỹ các thông tin như số vận đơn, số kiện, trọng lượng, ký mã hiệu, tên hàng, kho nhận hàng và thông tin người nhận hàng. Nếu chứng từ có sai lệch, quá trình lấy hàng tại kho hoặc khai báo hải quan có thể bị chậm.

Như vậy, môi trường ngành cho thấy nhu cầu dịch vụ khai báo hải quan hàng nhập khẩu lẻ container vẫn có tiềm năng phát triển. Tuy nhiên, để tận dụng cơ hội này, Công ty TNHH Vận tải Bách Việt cần hoàn thiện quy trình xử lý, nâng cao năng lực nhân sự và tăng cường ứng dụng công nghệ trong quản lý lô hàng.

3.1.2. Định hướng và mục tiêu phát triển của công ty

a. Định hướng và mục tiêu phát triển chung của công ty

Trong thời gian tới, Công ty TNHH Vận tải Bách Việt cần tiếp tục phát triển theo hướng trở thành đơn vị cung cấp dịch vụ logistics ổn định, chuyên nghiệp và có khả năng hỗ trợ khách hàng trong nhiều khâu của quá trình xuất nhập khẩu. Định hướng này phù hợp với xu thế chung của thị trường, khi khách hàng ngày càng ưu tiên lựa chọn các đơn vị có thể cung cấp dịch vụ trọn gói thay vì chỉ thực hiện từng công đoạn riêng lẻ.

Một số định hướng phát triển chung của công ty có thể được xác định như sau:

Thứ nhất, nâng cao chất lượng dịch vụ. Công ty cần coi chất lượng dịch vụ là yếu tố cốt lõi để giữ chân khách hàng. Chất lượng không chỉ thể hiện ở việc hoàn thành thủ tục hải quan mà còn ở khả năng tư vấn chính xác, phản hồi nhanh, xử lý linh hoạt và hạn chế chi phí phát sinh cho khách hàng.

Thứ hai, đẩy mạnh chuẩn hóa quy trình làm việc. Các nghiệp vụ như tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra chứng từ, khai báo hải quan, xử lý phân luồng, lấy hàng và giao hàng cần được thực hiện theo quy trình thống nhất. Việc chuẩn hóa giúp giảm sự phụ thuộc vào

kinh nghiệm cá nhân, hạn chế sai sót và tạo điều kiện thuận lợi cho việc đào tạo nhân viên mới.

Thứ ba, ứng dụng công nghệ trong quản lý lô hàng và chứng từ. Công ty cần từng bước chuyển từ cách quản lý thủ công sang quản lý bằng phần mềm hoặc hệ thống dữ liệu tập trung. Việc này giúp nâng cao khả năng theo dõi tiến độ, lưu trữ hồ sơ, kiểm soát công việc và cung cấp thông tin kịp thời cho khách hàng.

Thứ tư, phát triển nguồn nhân lực. Nhân viên khai báo hải quan và giao nhận cần được đào tạo thường xuyên về quy định pháp luật, kỹ năng xử lý chứng từ, kỹ năng sử dụng phần mềm và kỹ năng giao tiếp với khách hàng. Đây là yếu tố quan trọng giúp công ty duy trì chất lượng dịch vụ lâu dài.

Thứ năm, tăng cường quản trị rủi ro và tuân thủ pháp luật. Công ty cần xây dựng thói quen kiểm tra chéo chứng từ, lưu trữ hồ sơ đầy đủ và cập nhật chính sách mặt hàng thường xuyên. Điều này không chỉ giúp hạn chế sai sót trong quá trình thông quan mà còn giảm rủi ro khi phát sinh kiểm tra sau thông quan.

b. Định hướng và mục tiêu đối với hoạt động nhập khẩu lẻ container bằng đường biển

Đối với hoạt động nhập khẩu lẻ container bằng đường biển, công ty cần tập trung hoàn thiện quy trình theo hướng rút ngắn thời gian xử lý, nâng cao độ chính xác của hồ sơ và tăng khả năng phối hợp giữa các bộ phận.

Một số mục tiêu cụ thể có thể đặt ra như sau:

- Chuẩn hóa quy trình khai báo hải quan đối với hàng nhập khẩu LCL bằng đường biển từ khâu tiếp nhận thông tin đến khâu lưu trữ hồ sơ sau thông quan.
- Giảm thiểu sai sót trong quá trình kiểm tra chứng từ, xác định mã HS, khai báo trị giá và nhập dữ liệu trên hệ thống.
- Rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ trước khai báo bằng cách yêu cầu khách hàng cung cấp chứng từ sớm và đầy đủ.
- Tăng tỷ lệ lô hàng được chuẩn bị hồ sơ hoàn chỉnh trước ngày hàng đến cảng hoặc kho CFS.
- Nâng cao khả năng phối hợp giữa nhân viên chứng từ, nhân viên hiện trường, bộ phận vận tải, kế toán và chăm sóc khách hàng.
- Ứng dụng công cụ quản lý lô hàng để theo dõi các mốc thời gian quan trọng như ngày tàu đến, ngày nhận thông báo hàng đến, ngày lấy lệnh giao hàng, ngày đăng ký tờ khai, ngày thông quan và ngày giao hàng.

- Hạn chế chi phí phát sinh cho khách hàng như lưu kho, lưu bãi, lưu container hoặc phí điều chỉnh chứng từ.
- Tăng mức độ hài lòng của khách hàng thông qua việc cập nhật thông tin lô hàng kịp thời, minh bạch và dễ theo dõi.

Có thể thấy, mục tiêu hoàn thiện quy trình khai báo hải quan không chỉ nhằm phục vụ hoạt động nội bộ của công ty mà còn hướng đến việc nâng cao chất lượng dịch vụ cho khách hàng. Khi quy trình được tổ chức hiệu quả, công ty có thể xử lý lô hàng nhanh hơn, giảm sai sót, kiểm soát chi phí tốt hơn và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường logistics.

3.2. Hoàn thiện quy trình khai báo hải quan cho hàng hóa nhập khẩu lẻ container bằng đường biển

3.2.1. Căn cứ đề xuất giải pháp

Việc đề xuất giải pháp hoàn thiện quy trình khai báo hải quan cho hàng hóa nhập khẩu LCL bằng đường biển tại Công ty TNHH Vận tải Bách Việt dựa trên ba căn cứ chính.

Thứ nhất là căn cứ pháp lý. Quy trình khai báo hải quan phải phù hợp với Luật Hải quan năm 2014, các nghị định và thông tư hướng dẫn về thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan, thuế xuất nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

Thứ hai là căn cứ thực tiễn. Hàng lẻ container nhập khẩu bằng đường biển có đặc điểm là hàng lẻ, được gom chung container và phải khai thác tại kho CFS. Do đó, quy trình xử lý cần chú trọng kiểm tra chứng từ, theo dõi thời gian hàng về, phối hợp với kho CFS và kiểm soát chi phí phát sinh.

Thứ ba là căn cứ định hướng phát triển của công ty. Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng cao, công ty cần nâng cao chất lượng dịch vụ, rút ngắn thời gian xử lý và tăng tính chuyên nghiệp trong từng khâu của quy trình.

Trên cơ sở đó, các giải pháp hoàn thiện được chia thành hai giai đoạn chính:

- Giai đoạn 1: Hoàn thiện khâu chuẩn bị trước khai báo hải quan;
- Giai đoạn 2: Hoàn thiện khâu khai báo, thông quan, nhận hàng và lưu trữ sau thông quan.

3.2.2. Giải pháp cải tiến quy trình

- a. Giai đoạn 1: Hoàn thiện khâu chuẩn bị trước khai báo hải quan

Khâu chuẩn bị trước khai báo có vai trò rất quan trọng vì ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của tờ khai hải quan. Nếu chứng từ được kiểm tra kỹ ngay từ đầu, công ty có thể hạn chế sai sót trong quá trình khai báo và giảm nguy cơ phát sinh chi phí do chậm thông quan.

Thứ nhất, chuẩn hóa việc tiếp nhận thông tin và chứng từ từ khách hàng.

Công ty nên xây dựng một danh mục kiểm tra chứng từ áp dụng riêng cho hàng nhập khẩu LCL bằng đường biển. Danh mục này có thể bao gồm: hợp đồng thương mại, hóa đơn thương mại, phiếu đóng gói, vận đơn, thông báo hàng đến, giấy chứng nhận xuất xứ nếu có, catalogue/tài liệu kỹ thuật, giấy phép nhập khẩu hoặc chứng từ kiểm tra chuyên ngành nếu mặt hàng thuộc diện quản lý đặc biệt.

Bên cạnh đó, công ty nên sử dụng mẫu “Phiếu tiếp nhận thông tin lô hàng” để ghi nhận các nội dung như tên khách hàng, số vận đơn, tên hàng, số kiện, trọng lượng, cảng đi, cảng đến, kho CFS, ngày dự kiến hàng đến, loại hình nhập khẩu, yêu cầu vận chuyển và nhân viên phụ trách. Việc chuẩn hóa biểu mẫu giúp hạn chế thiếu sót và tạo sự thống nhất giữa các nhân viên.

Thứ hai, tăng cường kiểm tra sự thống nhất giữa các chứng từ.

Nhân viên chứng từ cần đối chiếu thông tin giữa hóa đơn thương mại, phiếu đóng gói, vận đơn, thông báo hàng đến và các chứng từ liên quan. Các thông tin cần kiểm tra gồm: tên người nhập khẩu, người xuất khẩu, tên hàng, số lượng, số kiện, trọng lượng, trị giá, điều kiện giao hàng, số vận đơn và kho nhận hàng.

Nếu phát hiện sai lệch, nhân viên cần thông báo ngay cho khách hàng để điều chỉnh trước khi khai báo. Đối với hàng lẻ container, việc phát hiện lỗi sớm có ý nghĩa quan trọng vì hàng thường phải lấy tại kho CFS, nếu sai thông tin có thể ảnh hưởng đến quá trình nhận hàng.

Thứ ba, xây dựng cơ sở dữ liệu nội bộ về mã HS và chính sách mặt hàng.

Xác định mã HS là một trong những công việc quan trọng nhất trong khai báo hải quan. Công ty nên xây dựng cơ sở dữ liệu nội bộ đối với các mặt hàng thường xuyên làm thủ tục. Cơ sở dữ liệu này có thể gồm tên hàng, mô tả hàng hóa, hình ảnh/catalogue, mã HS đã sử dụng, thuế suất, chính sách mặt hàng, yêu cầu kiểm tra chuyên ngành và ghi chú các trường hợp phát sinh trước đây.

Tuy nhiên, công ty không nên áp dụng mã HS cũ một cách máy móc. Nhân viên cần kiểm tra lại quy định hiện hành, đặc biệt là Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC và các văn bản liên quan.

Thứ tư, thiết lập cơ chế kiểm tra chéo trước khi truyền tờ khai.

Đối với các lô hàng có trị giá lớn, mặt hàng mới hoặc hàng thuộc diện quản lý chuyên ngành, công ty nên áp dụng nguyên tắc kiểm tra chéo. Nhân viên phụ trách khai báo chuẩn bị dữ liệu tờ khai, sau đó một nhân viên có kinh nghiệm hoặc trưởng bộ phận kiểm tra lại các nội dung quan trọng như mã HS, thuế suất, trị giá, số lượng, trọng lượng và chính sách mặt hàng. Cách làm này giúp giảm sai sót chủ quan và nâng cao độ tin cậy của tờ khai.

Thứ năm, theo dõi sát lịch hàng về và thời hạn xử lý.

Công ty nên sử dụng bảng theo dõi điện tử cho từng lô hàng LCL nhập khẩu. Bảng theo dõi cần có các mốc như ngày nhận chứng từ, ngày dự kiến tàu đến, ngày nhận thông báo hàng đến, ngày lấy lệnh giao hàng, ngày khai tờ khai, kết quả phân luồng, ngày thông quan, ngày nhận hàng tại kho CFS và ngày giao hàng cho khách.

Việc theo dõi này giúp các bộ phận chủ động hơn trong công việc, tránh tình trạng hàng đã về kho nhưng hồ sơ chưa sẵn sàng để khai báo.

b. Giai đoạn 2: Hoàn thiện khâu khai báo, thông quan, nhận hàng và lưu trữ sau thông quan

Sau khi hoàn tất việc kiểm tra chứng từ, công ty thực hiện khai báo hải quan điện tử. Đây là giai đoạn liên quan trực tiếp đến cơ quan hải quan và quyết định thời gian thông quan hàng hóa.

Thứ nhất, chuẩn hóa thao tác khai báo trên phần mềm hải quan điện tử.

Nhân viên khai báo cần nhập chính xác các thông tin trên phần mềm khai hải quan điện tử kết nối với hệ thống ECUS5-VNACCS. Các nội dung cần chú ý gồm mã loại hình, mã người nhập khẩu, thông tin vận đơn, mã địa điểm lưu kho, mã HS, mô tả hàng hóa, số lượng, trị giá, điều kiện giao hàng, thuế suất và các thông tin liên quan đến giấy phép hoặc kiểm tra chuyên ngành nếu có.

Trước khi truyền tờ khai chính thức, nhân viên cần rà soát lại toàn bộ thông tin. Việc kiểm tra trước khi truyền tờ khai giúp hạn chế phải sửa đổi, bổ sung sau khi tờ khai đã được hệ thống tiếp nhận.

Thứ hai, xây dựng phương án xử lý theo từng kết quả phân luồng.

Đối với luồng xanh, công ty cần kiểm tra tình trạng thông quan, phối hợp với khách hàng nộp thuế nếu có và chuyển thông tin cho bộ phận hiện trường để lấy hàng.

Đối với luồng vàng, công ty cần chuẩn bị hồ sơ chứng từ để xuất trình theo yêu cầu của cơ quan hải quan. Hồ sơ cần được sắp xếp rõ ràng, thông tin trên chứng từ phải phù hợp với nội dung khai báo.

Đối với luồng đỏ, ngoài kiểm tra hồ sơ, hàng hóa có thể phải kiểm tra thực tế. Khi đó, bộ phận hiện trường cần phối hợp với kho CFS để đăng ký kiểm hóa, chuẩn bị hàng và làm việc với công chức hải quan. Sau khi kiểm tra thực tế phù hợp, công ty tiếp tục hoàn tất thủ tục thông quan.

Thứ ba, tăng cường phối hợp giữa bộ phận chứng từ và bộ phận hiện trường.

Bộ phận chứng từ và bộ phận hiện trường cần cập nhật thông tin kịp thời cho nhau. Sau khi tờ khai có kết quả phân luồng, nhân viên chứng từ cần gửi ngay thông tin về số tờ khai, tình trạng nộp thuế, hồ sơ cần chuẩn bị và yêu cầu xử lý tiếp theo. Ngược lại, nhân viên hiện trường cần cập nhật tình trạng thực tế tại kho CFS, thời gian hàng sẵn sàng, kết quả kiểm hóa nếu có và các chi phí phát sinh.

Thứ tư, hoàn thiện khâu nhận hàng tại kho CFS.

Khi nhận hàng LCL tại kho CFS, nhân viên hiện trường cần kiểm tra số kiện, tình trạng bao bì, ký mã hiệu và đối chiếu với chứng từ giao nhận. Nếu phát hiện hàng thiếu, hư hỏng hoặc sai thông tin, nhân viên cần báo ngay cho khách hàng và lập biên bản với kho nếu cần thiết. Đây là bước quan trọng để bảo vệ quyền lợi của khách hàng và tránh tranh chấp sau giao hàng.

Thứ năm, chuẩn hóa việc lưu trữ hồ sơ sau thông quan.

Sau khi hoàn thành lô hàng, công ty cần lưu trữ đầy đủ hồ sơ gồm tờ khai hải quan, hóa đơn thương mại, phiếu đóng gói, vận đơn, chứng nhận xuất xứ nếu có, chứng từ nộp thuế, lệnh giao hàng, phiếu xuất kho, hóa đơn chi phí và các chứng từ liên quan khác. Hồ sơ nên được lưu cả bản giấy và bản điện tử. Việc đặt tên file nên thống nhất theo số tờ khai, số vận đơn hoặc tên khách hàng để dễ tra cứu khi cần.

3.2.3. Một số giải pháp hỗ trợ

a. Hoàn thiện công tác số hóa chứng từ và quản lý hồ sơ điện tử

Hiện nay, trong quá trình thực hiện khai báo hải quan cho hàng hóa nhập khẩu LCL bằng đường biển, Công ty TNHH Vận tải Bách Việt – Chi nhánh Đà Nẵng đã bước đầu thực hiện số hóa chứng từ. Khi tiếp nhận bộ chứng từ từ khách hàng, nhân viên khai

báo hải quan sẽ lưu các chứng từ liên quan vào một thư mục riêng theo từng lô hàng. Bên cạnh đó, công ty cũng sử dụng số file hoặc mã hồ sơ nội bộ để phục vụ việc theo dõi, quản lý và tra cứu hồ sơ trong quá trình xử lý nghiệp vụ.

Cách làm này giúp công ty hạn chế tình trạng thất lạc chứng từ, đồng thời hỗ trợ nhân viên truy xuất hồ sơ nhanh hơn so với việc lưu trữ hoàn toàn bằng bản giấy. Tuy nhiên, để công tác số hóa chứng từ phát huy hiệu quả cao hơn, công ty cần tiếp tục chuẩn hóa cách lưu trữ, cách đặt tên file, cách phân loại chứng từ, phân quyền truy cập và cập nhật tình trạng xử lý hồ sơ giữa các bộ phận. Việc hoàn thiện công tác số hóa đặc biệt cần thiết đối với hàng nhập khẩu LCL bằng đường biển, vì một lô hàng thường phát sinh nhiều loại chứng từ như House Bill of Lading, Manifest, Commercial Invoice, Packing List, Arrival Notice, tờ khai hải quan điện tử, chứng từ nộp thuế, lệnh giao hàng và các chứng từ liên quan đến kho CFS.

Trước hết, công ty nên tiếp tục sử dụng số file hoặc mã hồ sơ nội bộ làm căn cứ chính để quản lý từng lô hàng. Mỗi lô hàng nhập khẩu LCL cần có một mã hồ sơ thống nhất từ khi tiếp nhận chứng từ đến khi hoàn tất thông quan và giao hàng. Mã hồ sơ này nên được sử dụng xuyên suốt trong quá trình lưu chứng từ, theo dõi tiến độ, trao đổi nội bộ và tổng hợp chi phí. Trường hợp công ty đã có quy định đặt số file riêng, cần tiếp tục duy trì nhưng nên đảm bảo tất cả các bộ phận liên quan đều sử dụng thống nhất một mã hồ sơ cho cùng một lô hàng.

Về công cụ thực hiện, trong giai đoạn hiện tại, công ty có thể tiếp tục sử dụng hệ thống lưu trữ điện tử đang có, kết hợp với các công cụ phổ biến như Excel, Google Sheets hoặc Excel Online để theo dõi tình trạng xử lý hồ sơ. Đối với hoạt động khai báo, nhân viên tiếp tục sử dụng phần mềm khai báo hải quan điện tử kết nối với hệ thống VNACCS/VCIS, chẳng hạn như ECUS5-VNACCS hoặc phần mềm tương đương mà công ty đang sử dụng. Ngoài ra, máy scan hoặc các ứng dụng scan tài liệu có thể được sử dụng để chuyển chứng từ giấy sang định dạng PDF, phục vụ lưu trữ và tra cứu.

Trong mỗi thư mục hồ sơ điện tử, công ty nên phân loại chứng từ thành các nhóm nhỏ để thuận tiện cho việc tìm kiếm và kiểm tra. Cấu trúc thư mục có thể được sắp xếp như sau:

STT	Tên thư mục	Nội dung lưu trữ
1	01_Chung_tu_khach_hang	Hợp đồng, Commercial Invoice, Packing List, C/O nếu có
2	02_Chung_tu_van_tai	House B/L, Manifest, Arrival Notice
3	03_Khai_bao_hai_quan	Tờ khai nháp, tờ khai chính thức, kết quả phân luồng
4	04_Thue_va_thong_quan	Chứng từ nộp thuế, thông báo thông quan
5	05_Kho_CFS_va_giao_nhan	Lệnh giao hàng, phiếu xuất kho, biên bản giao nhận
6	06_Chi_phi_va_hoa_don	Hóa đơn chi phí, bảng kê chi phí, chứng từ thanh toán

Việc phân loại chứng từ theo nhóm giúp nhân viên chứng từ, nhân viên hiện trường, kế toán và các bộ phận liên quan có thể nhanh chóng tìm đúng loại hồ sơ cần sử dụng. Đối với hàng LCL, nhóm chứng từ vận tải và chứng từ kho CFS cần được lưu riêng vì đây là các chứng từ có liên quan trực tiếp đến quá trình lấy hàng, kiểm tra hàng và giao hàng sau thông quan.

Bên cạnh việc phân loại thư mục, công ty cũng nên chuẩn hóa cách đặt tên file chứng từ. Tên file nên thể hiện được ngày chứng từ, số file nội bộ hoặc số HBL, loại chứng từ và phiên bản. Ví dụ:

“20260315_File001_HBL123456_Invoice_v1.pdf

20260315_File001_HBL123456_PackingList_v1.pdf

20260316_File001_HBL123456_ToKhaiHQ_ThongQuan.pdf”

Trường hợp chứng từ được khách hàng điều chỉnh hoặc bổ sung, nhân viên không nên xóa file cũ mà nên lưu file mới theo phiên bản tiếp theo như v2, v3. Cách làm này

giúp công ty theo dõi được lịch sử chỉnh sửa chứng từ, đồng thời thuận tiện kiểm tra lại khi có phát sinh trong quá trình thông quan hoặc sau khi hoàn thành lô hàng.

Ngoài ra, công ty nên sử dụng bảng theo dõi điện tử bằng Excel, Google Sheets hoặc phần mềm quản lý nội bộ hiện có để quản lý tình trạng hồ sơ. Bảng theo dõi nên liên kết với số file hoặc mã hồ sơ của từng lô hàng. Một số thông tin cần theo dõi gồm:

STT	Số file Khách hàng	Số HBL	ETA	Invoice	Packing List	HBL	Tờ khai	Phân luồng	Thông quan	Ghi chú

Tại các cột chứng từ, nhân viên có thể cập nhật trạng thái như “Đã nhận”, “Cần bổ sung”, “Đã kiểm tra” hoặc “Không áp dụng”. Việc theo dõi này giúp người phụ trách nhanh chóng xác định lô hàng nào đã đủ hồ sơ để khai báo, lô hàng nào còn thiếu chứng từ và cần liên hệ khách hàng bổ sung. Đồng thời, người quản lý cũng có thể kiểm tra tiến độ xử lý từng lô hàng mà không phải hỏi lại từng nhân viên phụ trách.

Về phân quyền truy cập, công ty cần quy định rõ trách nhiệm của từng bộ phận trong quá trình cập nhật và sử dụng hồ sơ điện tử. Nhân viên khai báo hải quan chịu trách nhiệm tạo hồ sơ, lưu chứng từ thương mại, chứng từ vận tải và tờ khai hải quan. Nhân viên hiện trường cập nhật lệnh giao hàng, chứng từ kho CFS, phiếu xuất kho và biên bản giao nhận nếu có. Bộ phận kế toán cập nhật hóa đơn, bảng kê chi phí và chứng từ thanh toán. Ban lãnh đạo hoặc người phụ trách nghiệp vụ có quyền kiểm tra toàn bộ hồ sơ để theo dõi tiến độ và đánh giá chất lượng xử lý.

Bên cạnh đó, công ty cần quan tâm đến việc bảo mật và sao lưu dữ liệu. Hồ sơ chứng từ nên được lưu trên tài khoản hoặc không gian lưu trữ thuộc quyền quản lý của công ty, hạn chế lưu trên tài khoản cá nhân của nhân viên. Dữ liệu cần được sao lưu định kỳ hằng tuần hoặc hằng tháng để tránh mất mát khi máy tính hỏng, nhân viên nghỉ việc hoặc phát sinh sự cố kỹ thuật. Các chứng từ chứa thông tin quan trọng như hợp đồng, hóa đơn thương mại, vận đơn, tờ khai hải quan và chứng từ nộp thuế cần được kiểm soát quyền truy cập chặt chẽ hơn.

So với cách số hóa hiện tại, việc chuẩn hóa lại quy trình lưu trữ điện tử có thể giúp công ty tiết kiệm thêm thời gian trong quá trình tìm kiếm, kiểm tra và luân chuyển hồ sơ. Mức tiết kiệm thời gian dự kiến được thể hiện như sau:

Công việc	Cách số hóa hiện tại	Sau khi chuẩn hóa	Thời gian tiết kiệm dự kiến
Tìm chứng từ trong hồ sơ lô hàng	5–10 phút	2–3 phút	3–7 phút
Kiểm tra tình trạng đủ/thiếu chứng từ	15–20 phút	7–10 phút	8–10 phút
Luân chuyển chứng từ giữa bộ phận chứng từ, hiện trường và kế toán	5–10 phút	2–3 phút	3–7 phút
Lưu hồ sơ sau thông quan	10–15 phút	5–7 phút	5–8 phút
Tra cứu hồ sơ cũ khi khách hàng yêu cầu	10–20 phút	3–5 phút	7–15 phút

Như vậy, nếu công ty chuẩn hóa tốt công tác số hóa chứng từ, thời gian xử lý hồ sơ có thể tiết kiệm thêm khoảng 15–25 phút cho mỗi lô hàng LCL nhập khẩu so với cách lưu trữ điện tử hiện tại. Trường hợp công ty xử lý khoảng 30 lô hàng LCL/tháng, tổng thời gian tiết kiệm dự kiến có thể đạt khoảng:

“30 lô hàng × 15–25 phút = 450–750 phút/tháng,
tương đương khoảng 7,5–12,5 giờ làm việc/tháng”

Nếu số lượng lô hàng tăng lên khoảng 50 lô hàng/tháng, thời gian tiết kiệm có thể đạt khoảng:

“50 lô hàng × 15–25 phút = 750–1.250 phút/tháng,
tương đương khoảng 12,5–20,8 giờ làm việc/tháng”

Khoảng thời gian tiết kiệm này có thể được sử dụng cho các công việc khác như kiểm tra kỹ mã HS, rà soát chính sách mặt hàng, tư vấn khách hàng hoặc xử lý các lô hàng phát sinh vướng mắc.

Nhìn chung, việc hoàn thiện công tác số hóa chứng từ không phải là thay đổi hoàn toàn quy trình hiện có, mà là nâng cấp cách quản lý hồ sơ điện tử theo hướng thống nhất, khoa học và dễ kiểm soát hơn. Giải pháp này phù hợp với thực tế của Công ty TNHH Vận tải Bách Việt – Chi nhánh Đà Nẵng vì công ty đã có nền tảng lưu trữ chứng từ điện tử ban đầu. Nếu được chuẩn hóa và kiểm soát tốt, công tác số hóa chứng từ sẽ giúp nâng cao hiệu quả phối hợp nội bộ, giảm thời gian xử lý hồ sơ, hạn chế sai sót trong khai báo

và cải thiện chất lượng dịch vụ đối với khách hàng nhập khẩu hàng LCL bằng đường biển.

b. Đào tạo và nâng cao năng lực nhân viên

Nhân viên là yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng dịch vụ khai báo hải quan. Vì vậy, Công ty TNHH Vận tải Bách Việt – Chi nhánh Đà Nẵng cần tổ chức đào tạo định kỳ cho nhân viên chứng từ, nhân viên khai báo hải quan và nhân viên hiện trường. Nội dung đào tạo nên tập trung vào các vấn đề như xác định mã HS, chính sách mặt hàng, trị giá hải quan, xuất xứ hàng hóa, kiểm tra chuyên ngành, sử dụng phần mềm khai báo hải quan điện tử và cách xử lý các trường hợp tờ khai bị phân luồng vàng, luồng đỏ.

Đối với hàng hóa nhập khẩu lẻ container bằng đường biển, nhân viên cần được hướng dẫn kỹ hơn về cách kiểm tra sự thống nhất giữa House B/L, Commercial Invoice, Packing List và Arrival Notice,... Đây là các chứng từ có liên quan trực tiếp đến quá trình khai báo, lấy hàng tại kho CFS và giao hàng cho khách. Nếu thông tin trên các chứng từ không thống nhất, quá trình khai báo có thể bị chậm hoặc phải bổ sung, điều chỉnh hồ sơ.

Ngoài đào tạo theo chuyên đề, công ty nên tổ chức các buổi chia sẻ tình huống thực tế trong nội bộ. Những trường hợp như chứng từ bị sai lệch, khách hàng gửi thiếu hồ sơ, hàng chậm lấy tại kho CFS, tờ khai phải bổ sung hoặc điều chỉnh nên được tổng hợp lại để nhân viên cùng trao đổi và rút kinh nghiệm. Cách làm này giúp nâng cao khả năng xử lý tình huống, đồng thời hạn chế việc lặp lại các sai sót trong những lô hàng sau.

c. Kiểm soát chất lượng dịch vụ

Công ty có thể xây dựng một số chỉ tiêu theo dõi chất lượng quy trình khai báo hải quan đối với hàng nhập khẩu LCL bằng đường biển. Các chỉ tiêu này không chỉ giúp công ty đánh giá hiệu quả công việc của từng bộ phận mà còn giúp phát hiện sớm các khâu còn hạn chế trong quá trình xử lý hồ sơ.

Một số chỉ tiêu có thể áp dụng gồm:

- Thời gian kiểm tra chứng từ trung bình;
- Thời gian khai báo tờ khai sau khi nhận đủ hồ sơ;
- Số lần phải sửa đổi, bổ sung tờ khai;
- Số trường hợp thiếu chứng từ;

- Thời gian thông quan trung bình;
- Số vụ phát sinh chi phí lưu kho/lưu bãi do chậm xử lý;
- Mức độ hài lòng của khách hàng.

Các chỉ tiêu này giúp công ty phát hiện những điểm còn hạn chế trong quy trình và có biện pháp điều chỉnh kịp thời. Ví dụ, nếu số lần sửa tờ khai tăng, công ty cần xem xét lại khâu kiểm tra chứng từ hoặc thao tác nhập liệu. Nếu thời gian thông quan kéo dài, công ty cần đánh giá nguyên nhân đến từ chứng từ, chính sách mặt hàng, việc phối hợp với kho CFS hay yếu tố từ phía khách hàng.

d. Cải thiện phối hợp với khách hàng và đối tác

Ngay khi tiếp nhận dịch vụ, công ty nên gửi cho khách hàng danh mục chứng từ cần chuẩn bị, thời hạn gửi chứng từ và các lưu ý về chính sách mặt hàng. Đối với hàng nhập khẩu hàng lẻ container bằng đường biển, công ty cần nhắc khách hàng gửi sớm các chứng từ như House B/L, Commercial Invoice, Packing List, Arrival Notice, C/O nếu có và các chứng từ chuyên ngành nếu mặt hàng thuộc diện quản lý đặc biệt.

Đối với khách hàng thường xuyên, công ty có thể thiết lập quy trình làm việc cố định như thống nhất đầu mối liên hệ, thời hạn gửi chứng từ trước khi hàng về, cách phản hồi khi chứng từ có sai lệch và cách xác nhận chi phí phát sinh. Việc phối hợp rõ ràng ngay từ đầu giúp rút ngắn thời gian trao đổi, hạn chế thiếu sót hồ sơ và nâng cao hiệu quả xử lý lô hàng.

3.2.4. Lợi ích của các giải pháp

Việc thực hiện các giải pháp hoàn thiện quy trình khai báo hải quan cho hàng hóa nhập khẩu lẻ container bằng đường biển mang lại nhiều lợi ích cho Công ty TNHH Vận tải Bách Việt.

Thứ nhất, các giải pháp giúp giảm sai sót trong quá trình xử lý chứng từ và khai báo hải quan. Khi công ty có checklist chứng từ, cơ chế kiểm tra chéo và cơ sở dữ liệu mã HS, nhân viên có thể phát hiện sớm các lỗi về số lượng, trọng lượng, trị giá, mã HS hoặc chính sách mặt hàng. Điều này góp phần hạn chế tình trạng phải sửa đổi, bổ sung tờ khai hoặc giải trình thêm với cơ quan hải quan.

Thứ hai, quy trình được chuẩn hóa giúp rút ngắn thời gian xử lý công việc. Khi từng bước trong quy trình được quy định rõ ràng, nhân viên biết rõ công việc cần thực hiện, người phụ trách từng khâu và thời hạn hoàn thành. Điều này giúp giảm thời gian

chờ đợi giữa các bộ phận, hạn chế tình trạng bỏ sót công việc và nâng cao hiệu quả phối hợp nội bộ.

Thứ ba, việc hoàn thiện công tác số hóa chứng từ giúp nâng cao khả năng quản lý hồ sơ và theo dõi tiến độ từng lô hàng. Trên thực tế, công ty đã thực hiện lưu chứng từ điện tử theo từng hồ sơ hoặc số file nội bộ. Tuy nhiên, khi cách đặt tên file, phân loại thư mục và cập nhật trạng thái hồ sơ được chuẩn hóa, nhân viên có thể tìm kiếm, đối chiếu và luân chuyển chứng từ nhanh hơn. Đối với mỗi lô hàng LCL nhập khẩu, thời gian xử lý hồ sơ dự kiến có thể tiết kiệm thêm khoảng 15–25 phút/lô hàng so với cách số hóa hiện tại. Nếu công ty xử lý khoảng 30 lô hàng/tháng, tổng thời gian tiết kiệm có thể đạt khoảng 7,5–12,5 giờ làm việc/tháng. Khoảng thời gian này có thể được sử dụng để kiểm tra kỹ mã HS, rà soát chính sách mặt hàng và hỗ trợ khách hàng trong quá trình thông quan.

Thứ tư, các giải pháp giúp giảm chi phí phát sinh cho khách hàng. Đối với hàng LCL, nếu chậm khai báo hoặc chậm lấy hàng tại kho CFS, khách hàng có thể phát sinh chi phí lưu kho, lưu bãi hoặc các khoản phí liên quan khác. Khi quy trình được kiểm soát tốt, công ty có thể hạn chế các khoản chi phí không cần thiết, đồng thời giúp khách hàng chủ động hơn trong kế hoạch nhận hàng.

Thứ năm, chất lượng dịch vụ được nâng cao sẽ giúp công ty tăng sự hài lòng của khách hàng. Khách hàng thường đánh giá cao những đơn vị có khả năng tư vấn chính xác, xử lý hồ sơ nhanh, cập nhật thông tin kịp thời và giao hàng đúng thời gian. Khi tạo được sự tin tưởng, công ty có thể duy trì mối quan hệ với khách hàng hiện tại và mở rộng cơ hội tiếp cận khách hàng mới.

Thứ sáu, việc hoàn thiện quy trình giúp công ty nâng cao năng lực cạnh tranh trong ngành logistics. Trong bối cảnh có nhiều doanh nghiệp cùng cung cấp dịch vụ tương tự, sự chuyên nghiệp trong quy trình, tính chính xác trong khai báo và khả năng phản hồi nhanh cho khách hàng là những yếu tố quan trọng giúp công ty tạo sự khác biệt và phát triển bền vững hơn.

3.3. Điều kiện và cách thức thực hiện giải pháp

3.3.1. Điều kiện thực hiện

Để các giải pháp hoàn thiện quy trình khai báo hải quan cho hàng hóa nhập khẩu lẻ container bằng đường biển được triển khai hiệu quả, Công ty TNHH Vận tải Bách Việt cần đảm bảo một số điều kiện cơ bản sau:

Thứ nhất, sự cam kết của ban lãnh đạo.

Việc hoàn thiện quy trình cần có sự chỉ đạo từ ban lãnh đạo công ty. Lãnh đạo cần xác định rõ mục tiêu cải tiến, phân công người phụ trách và kiểm tra kết quả thực hiện định kỳ. Đối với các giải pháp liên quan đến chuẩn hóa hồ sơ điện tử, ban lãnh đạo cần thống nhất quy định chung để các bộ phận thực hiện đồng bộ, tránh tình trạng mỗi nhân viên lưu trữ theo một cách khác nhau.

Thứ hai, nguồn lực nhân sự.

Công ty cần có đội ngũ nhân viên chứng từ, khai báo hải quan, hiện trường và kế toán có kiến thức nghiệp vụ phù hợp. Nhân viên cần được đào tạo thường xuyên để cập nhật quy định mới và nâng cao kỹ năng xử lý tình huống. Riêng đối với công tác số hóa chứng từ, nhân viên cần được hướng dẫn cách đặt tên file, phân loại thư mục, cập nhật trạng thái hồ sơ và lưu trữ chứng từ theo số file nội bộ.

Thứ ba, nguồn lực tài chính.

Một số giải pháp như xây dựng biểu mẫu, checklist, bảng theo dõi điện tử và chuẩn hóa thư mục lưu trữ có thể thực hiện với chi phí thấp. Tuy nhiên, nếu trong tương lai công ty đầu tư phần mềm quản lý logistics chuyên sâu hoặc phần mềm quản lý khách hàng, công ty cần có kế hoạch tài chính cụ thể. Việc đầu tư nên được thực hiện theo từng giai đoạn để phù hợp với quy mô và khả năng tài chính của công ty.

Thứ tư, điều kiện công nghệ.

Công ty cần đảm bảo hệ thống máy tính, đường truyền Internet, phần mềm khai báo hải quan điện tử, chữ ký số, máy scan hoặc thiết bị hỗ trợ số hóa chứng từ. Bên cạnh đó, công ty cần xây dựng hoặc duy trì không gian lưu trữ dữ liệu dùng chung để quản lý hồ sơ điện tử theo từng lô hàng. Không gian lưu trữ này nên thuộc quyền quản lý của công ty, hạn chế sử dụng tài khoản cá nhân của nhân viên để lưu trữ hồ sơ nghiệp vụ.

Để đảm bảo an toàn thông tin, công ty cần quy định rõ quyền truy cập, quyền chỉnh sửa và trách nhiệm cập nhật hồ sơ của từng bộ phận. Các chứng từ quan trọng như hợp đồng, hóa đơn thương mại, vận đơn, tờ khai hải quan, chứng từ nộp thuế và chứng từ giao nhận cần được sao lưu định kỳ nhằm tránh mất dữ liệu.

Thứ năm, sự phối hợp từ khách hàng và đối tác.

Khách hàng cần cung cấp chứng từ đầy đủ, chính xác và đúng thời hạn. Các đối tác như hãng tàu, đại lý gom hàng, kho CFS và đơn vị vận tải cũng cần phối hợp kịp thời để quy trình được thực hiện thuận lợi. Đối với hàng nhập khẩu LCL, sự phối hợp

giữa công ty với kho CFS có vai trò quan trọng vì ảnh hưởng trực tiếp đến thời gian lấy hàng và giao hàng cho khách.

3.3.2. Kế hoạch thực hiện giải pháp

Công ty có thể triển khai các giải pháp theo từng giai đoạn nhằm đảm bảo tính khả thi và phù hợp với điều kiện thực tế. Kế hoạch thực hiện dự kiến như sau:

Giai đoạn	Thời gian dự kiến	Nội dung thực hiện	Bộ phận phụ trách	Kết quả mong đợi
Giai đoạn 1	Tháng 1–2/2026	Rà soát quy trình hiện tại, xác định các điểm dễ phát sinh sai sót trong xử lý hàng LCL nhập khẩu	Ban lãnh đạo, bộ phận chứng từ, hiện trường	Xác định được các khâu cần cải tiến
Giai đoạn 2	Tháng 3/2026	Xây dựng checklist chứng từ, phiếu tiếp nhận thông tin lô hàng, mẫu thư mục lưu trữ điện tử và bảng theo dõi tiến độ	Bộ phận chứng từ	Có bộ biểu mẫu và cấu trúc lưu trữ thống nhất
Giai đoạn 3	Tháng 4–5/2026	Áp dụng thử quy trình chuẩn và cách lưu trữ điện tử thống nhất đối với một số lô hàng LCL nhập khẩu	Bộ phận chứng từ, hiện trường, kế toán	Đánh giá tính phù hợp của quy trình và cách quản lý hồ sơ điện tử
Giai đoạn 4	Tháng 6/2026	Đào tạo nhân viên về mã HS, chính sách mặt hàng, kiểm tra chứng từ, thao tác khai báo và cách lưu hồ sơ theo số file nội bộ	Ban lãnh đạo, nhân viên có kinh nghiệm	Nâng cao năng lực nghiệp vụ và thống nhất cách thực hiện
Giai đoạn 5	Tháng 7–8/2026	Xây dựng cơ sở dữ liệu nội bộ về mã HS, khách hàng, mặt hàng	Bộ phận chứng từ	Hỗ trợ tra cứu và giảm sai sót khi khai báo

Giai đoạn	Thời gian dự kiến	Nội dung thực hiện	Bộ phận phụ trách	Kết quả mong đợi
		thường gặp và lỗi chứng từ thường phát sinh		
Giai đoạn 6	Tháng 9-10/2026	Rà soát và chuẩn hóa công tác số hóa chứng từ hiện có; thống nhất cách đặt tên file, cấu trúc thư mục, phân quyền truy cập và sao lưu dữ liệu	Bộ phận chứng từ, hiện trường, kế toán	Hồ sơ dễ tra cứu, hạn chế thất lạc, tăng khả năng phối hợp
Giai đoạn 7	Tháng 11–12/2026	Đánh giá kết quả, điều chỉnh quy trình và xem xét đầu tư phần mềm quản lý logistics chuyên sâu nếu cần	Ban lãnh đạo, các bộ phận liên quan	Quy trình được hoàn thiện và duy trì ổn định

Trong quá trình thực hiện, công ty cần đánh giá hiệu quả dựa trên các chỉ tiêu như thời gian kiểm tra chứng từ, thời gian tìm kiếm hồ sơ, số lần sửa tờ khai, thời gian thông quan trung bình, số vụ phát sinh chi phí lưu kho, lưu bãi và phản hồi của khách hàng. Riêng đối với giải pháp hoàn thiện công tác số hóa chứng từ, công ty có thể so sánh thời gian xử lý hồ sơ trước và sau khi chuẩn hóa. Nếu thời gian tìm kiếm, đối chiếu và luân chuyển chứng từ giảm khoảng 15–25 phút/lô hàng, giải pháp có thể xem là đạt hiệu quả ban đầu và nên tiếp tục duy trì, mở rộng.

3.3.3. Một số lưu ý khi triển khai

Trong quá trình áp dụng các giải pháp, công ty có thể gặp một số khó khăn như tâm lý ngại thay đổi của nhân viên, hạn chế về chi phí đầu tư công nghệ hoặc khách hàng cung cấp chứng từ chưa đầy đủ. Để khắc phục, công ty cần triển khai theo từng bước, ưu tiên các giải pháp dễ thực hiện trước như checklist chứng từ, bảng theo dõi lô hàng, chuẩn hóa thư mục lưu trữ điện tử và đào tạo nội bộ.

Bên cạnh đó, khi hoàn thiện công tác số hóa hồ sơ, công ty cần phân quyền truy cập rõ ràng để đảm bảo bảo mật thông tin khách hàng. Các chứng từ quan trọng như hợp đồng, hóa đơn, vận đơn, tờ khai hải quan và chứng từ nộp thuế cần được lưu trữ an toàn, có sao lưu định kỳ. Công ty cũng nên hạn chế việc lưu trữ hồ sơ trên tài khoản cá nhân của nhân viên, thay vào đó cần sử dụng tài khoản hoặc không gian lưu trữ thuộc quyền quản lý của doanh nghiệp.

Ngoài ra, để việc số hóa chứng từ không trở thành hình thức, công ty cần quy định rõ trách nhiệm cập nhật hồ sơ của từng bộ phận. Bộ phận chứng từ chịu trách nhiệm lưu hồ sơ khai báo; bộ phận hiện trường cập nhật chứng từ giao nhận tại kho CFS; bộ phận kế toán cập nhật chứng từ chi phí và thanh toán. Khi mỗi bộ phận thực hiện đúng trách nhiệm, hồ sơ điện tử của từng lô hàng sẽ đầy đủ, dễ tra cứu và phục vụ tốt hơn cho quá trình quản lý.

Nhìn chung, các giải pháp hoàn thiện quy trình cần được thực hiện đồng bộ giữa con người, quy trình và công nghệ. Nếu chỉ cải tiến một khâu riêng lẻ mà không có sự phối hợp giữa các bộ phận, hiệu quả đạt được sẽ không cao. Do đó, Công ty TNHH Vận tải Bách Việt – Chi nhánh Đà Nẵng cần xem việc hoàn thiện quy trình khai báo hải quan hàng nhập khẩu LCL bằng đường biển là nhiệm vụ thường xuyên, gắn liền với mục tiêu nâng cao chất lượng dịch vụ và phát triển bền vững.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh hoạt động xuất nhập khẩu ngày càng phát triển và thủ tục hải quan ngày càng được hiện đại hóa, khai báo hải quan điện tử đã trở thành một nghiệp vụ quan trọng, góp phần rút ngắn thời gian thông quan, giảm chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động logistics. Đối với hàng hóa nhập khẩu lẻ container bằng đường biển, do đặc thù hàng được gom chung container và liên quan đến nhiều chứng từ, nhiều bên phối hợp, quy trình khai báo hải quan càng đòi hỏi sự chính xác, kịp thời và chuyên nghiệp. Xuất phát từ thực tiễn đó, đề tài “Quy trình khai báo hải quan điện tử cho hàng hóa nhập khẩu lẻ container bằng đường biển tại Công ty TNHH Vận tải Bách Việt” đã được lựa chọn nghiên cứu.

Trên cơ sở hệ thống hóa những vấn đề lý luận về hải quan, khai báo hải quan điện tử và đặc điểm của hàng nhập khẩu lẻ container bằng đường biển, khóa luận đã phân tích thực trạng quy trình khai báo hải quan điện tử tại Công ty TNHH Vận tải Bách Việt. Qua nghiên cứu cho thấy, công ty đã xây dựng được quy trình nghiệp vụ tương đối chặt chẽ, có sự phân công chức năng giữa các bộ phận, đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn phù hợp và có khả năng xử lý công việc tương đối hiệu quả. Nhờ đó, công ty đã góp phần hỗ trợ khách hàng thực hiện thủ tục hải quan đúng quy định, hạn chế sai sót và đảm bảo tiến độ giao nhận hàng hóa.

Bên cạnh những kết quả đạt được, khóa luận cũng chỉ ra một số tồn tại trong quá trình thực hiện quy trình khai báo hải quan điện tử, như: hồ sơ chứng từ từ khách hàng đôi khi chưa đầy đủ hoặc chưa thống nhất; công tác phối hợp giữa các bên liên quan còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố; hệ thống hải quan điện tử đôi lúc phát sinh lỗi kỹ thuật; việc số hóa và lưu trữ hồ sơ tuy đã được triển khai nhưng chưa thật sự đồng bộ, chuẩn hóa. Những hạn chế này nếu không được khắc phục kịp thời có thể làm kéo dài thời gian xử lý, phát sinh chi phí và ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ của doanh nghiệp.

Từ thực trạng đó, khóa luận đã đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình khai báo hải quan điện tử cho hàng hóa nhập khẩu lẻ container bằng đường biển tại công ty, tập trung vào việc chuẩn hóa khâu tiếp nhận và kiểm tra chứng từ, xây dựng cơ sở dữ liệu nội bộ về mã HS và chính sách mặt hàng, hoàn thiện công tác số hóa hồ sơ, nâng cao năng lực nhân viên, tăng cường kiểm soát chất lượng dịch vụ và cải thiện sự phối hợp với khách hàng, đối tác. Nếu được triển khai đồng bộ, các giải pháp này sẽ góp phần

nâng cao hiệu quả khai báo hải quan, giảm sai sót, rút ngắn thời gian xử lý và tăng năng lực cạnh tranh của công ty trong lĩnh vực logistics.

Do thời gian nghiên cứu có hạn và kiến thức thực tiễn còn hạn chế, khóa luận khó tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Em kính mong nhận được sự góp ý của quý thầy cô Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng, đặc biệt là cô Th.S Dương Thị Thu Thảo, cùng các anh chị tại Công ty TNHH Vận tải Bách Việt để bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội (2014), Luật Hải quan số 54/2014/QH13.
2. Quốc hội (2016), Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13.
3. Quốc hội (2017), Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14.
4. Chính phủ (2015), Nghị định số 08/2015/NĐ-CP.
5. Chính phủ (2018), Nghị định số 59/2018/NĐ-CP.
6. Chính phủ (2020), Nghị định số 128/2020/NĐ-CP.
7. Bộ Tài chính (2015), Thông tư số 38/2015/TT-BTC.
8. Bộ Tài chính (2018), Thông tư số 39/2018/TT-BTC.
9. Bộ Tài chính (2022), Thông tư số 31/2022/TT-BTC.
10. Tổng cục Hải quan, Tài liệu/hướng dẫn thủ tục hải quan điện tử và quản lý rủi ro.
11. UNCTAD (2023/2024), Review of Maritime Transport.
12. World Bank (2023), Logistics Performance Index 2023.
13. Bộ Công Thương, Báo cáo Logistics Việt Nam.
14. Hiệp hội Doanh nghiệp Dịch vụ Logistics Việt Nam (VLA), Thông tin ngành logistics Việt Nam.
15. Báo cáo tài chính và tài liệu nội bộ của Công ty TNHH Vận tải Bách Việt.

Phụ lục 01: Thông báo hàng đến (Arrival Notice) của lô hàng nhập khẩu LCL bằng đường biển



Arrival Notice

Chúng tôi xin trân trọng thông báo lô hàng sau đây của Quý cơ quan được nhập về với các chi tiết sau:
We are pleased to inform you that your below shipment will import on:

SỐ CONTAINER <i>Container No.</i>	SỐ LƯỢNG <i>Quantity</i>	TÊN HÀNG HÓA <i>Description</i>	TRỌNG/KHỐI LƯỢNG <i>Weight/Measurement</i>
PART OF CONTAINER. 	176 CTNS	WIRE BEADS HS CODE: 56090000 FLAT WASHER HS CODE: 40169390 SHOWER HEAD HS CODE: 39229090 TWIST TIE HS CODE: 79040000 WATER FILTER HS CODE: 84219999 HOLDER HS CODE: 39269099 NOZZLE HEAD HS CODE: 39249090	2,758.000 KGS 14.460 CBM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2026

Phụ lục 02: Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice) của lô hàng nhập khẩu LCL
bằng đường biển

WENZHOU JIAYUAN TRADING CO.,LTD
WENZHOU JIAYUAN TRADING CO.,LTD. ECONOMIC AND TRADE DEVELOPMENT ZONE, WENZHOU, CHINA
COMMERCIAL INVOICE

To: BAKH VIET NAM CO., LTD
PLLOT 04, 4TH STREET, TAN TAY INDUSTRIAL ZONE, TAN TAY WARD
HO CHI MINH CITY, VIETNAM

Commerical Invoice#: 0000000000
 Date: 2026/4/23
 Payment term: T/T
 Country of origin: CHINA
 Type of currency: USD
 Shipping marks: ST
H.C.M

Part No.	PO#	Description	Unit	Q'TY	Unit Price (USD)	Amount (USD)
FOB NINGBO PORT						
1/ Wire Beads DCXBX			MET	150,000	0.0740	11100.00
2/ Flat Washer DLLVB			PCS	46,400	0.0260	1206.40
3/ Shower head L105			PCS	1,000	1.8400	1840.00
4/ Twist tie			ROLL	108	12.2300	1320.84
5/ Water filter LLSO			PCS	45	3.5400	159.30
6/ Water filter LLTINH			PCS	50	1.1000	55.00
7/ Water filter LHTINH			PCS	100	5.1300	513.00
8/ Holder ST-1902			SET	505	7.8200	3949.10
9/ Nozzle head W-7030CC			PCS	2,100	0.8670	1820.70
TOTAL			MET	150,000		21964.34
			PCS	49,695		
			ROLL	108		
			SET	505		

SAY TOTAL: U.S Dollar Twenty One Thousand Nine Hundred and Sixty Four and Cents Thirty Four only

Confirm the materials for each row:
 * Row of goods number 1 made of Nylon
 * Row of goods number 2 made of Rubber
 * Row of goods number 3, 8, 9 made of Plastic
 * Row of goods number 4 made of Zinc



(Theo phòng khai báo hải quan Công ty TNHH Vận tải Bách Việt)

Phụ lục 03: Phiếu đóng gói (Packing List) của lô hàng nhập khẩu LCL bằng đường biển

WENZHOU JIAYUAN TRADING CO.,LTD

NO.101, WUJIANG INDUSTRIAL ZONE, ECONOMIC AND TECHNICAL DEVELOPMENT ZONE, WENZHOU, CHINA

PACKING LIST

To: **BAKH VIETNAM CO., LTD**

10/101, WUJIANG INDUSTRIAL ZONE, ECONOMIC AND TECHNICAL DEVELOPMENT ZONE, WENZHOU, CHINA

BAKH VIETNAM CO., LTD, VIETNAM

Invoice #:

Date: 2026/4/23

Payment term: T/T

Country of origin: CHINA

Type of currency: USD

Shipping Mark: ST
H.C.M.

Part No.	Decription	Unit	Q'TY	Q'ty/CTN	CTNS	N.W (KGS)	G.W (KGS)	VOLUME (M3)
Wire Beads DCXB		MET	150,000	2000	75	975.00	1050.00	2.820
FLAT WASHER DLLVB		PCS	46,400	46400	1	24.00	26.00	0.060
Shower Head L105		PCS	1,000	100	10	188.00	198.00	0.700
Twist tie		Roll	108	12	9	234.00	243.00	0.600
Water filter LLSO		PCS	45	15	3	36.00	39.00	0.300
Water filter LLTINH		PCS	50	25	2	22.00	24.00	0.080
Water filter LTHTINH		PCS	100	25	4	76.00	80.00	0.200
Holder ST-1902		SET	500	10	50	725.00	775.00	7.890
Holder ST-1902		SET	5	5	1	7.00	8.00	0.080
NOZZLE HEAD W-7030CC		PCS	2,100	100	21	294.00	315.00	1.730
TTL					176	2581.00	2758.00	14.460

TOTAL PACKAGE: 176CTNS

TOTAL MEASUREMENT: 14.46M3

WENZHOU JIAYUAN TRADING CO.,LTD
吉元贸易公司

(Theo phòng khai báo hải quan Công ty TNHH Vận tải Bách Việt)

Phụ lục 04: Vận đơn (Bill Of Lading) của lô hàng nhập khẩu LCL bằng đường biển

Shipper(Complete Name and Address) 		B/L NO.: 		
Consignee(Complete Name and Address) 		 SHENZHEN LOYO INTERNATIONAL LOGISTICS CO.,LTD. BILL OF LADING		
Notify party(Complete Name and Address) SAME AS CONSIGNEE				
Pre-carriage By	Place of receipt NINGBO,CHINA	RECEIVED in apparent good order and condition except as otherwise noted, the total number of containers or other packages or units enumerated below for transportation from the place of receipt of the place of delivery subject to the terms and conditions hereof, One of the Bills of lading must be surrendered duly endorsed in exchange for the goods or delivery order. On presentation of this document duly endorsed to the carrier by or on behalf of the Holder of the Bill of lading the rights and liabilities arising in accordance with the terms and conditions hereof shall without prejudice to any rule of common law or statute rendering them binding on the Merchant become binding in all respects between the Carrier and the Holder of the Bill of lading although the contract evidenced hereby had been made between them. IN WITNESS whereof the number of original bills of lading stated under have been signed, all of this tenor and date. One of which being accomplished the other(s) to be void.		
Ocean vessel / Voy.No. 	Port of loading NINGBO,CHINA			
Port of discharge HO CHI MINH,VIETNAM	Port of Delivery HO CHI MINH,VIETNAM			
Marks & Number Container Number	NO. OF PKGS			
ST H.C.M	176 CARTONS	WIRE BEADS HS CODE: 56090000 FLAT WASHER HS CODE: 40169390 SHOWER HEAD HS CODE: 39229090 TWIST TIE HS CODE: 79040000 WATER FILTER HS CODE: 84219999 HOLDER HS CODE: 39269099 NOZZLE HEAD HS CODE: 39249090	2,758.00KGS	14.460CBM
MRSU3893840 / 40'HQ / CN6414739 / LCL/176CARTONS/2758.00KGS/14.46CBM				
TOTAL NO. CONTAINER / PACKAGES(IN WORDS) TOTAL:ONE HUNDRED AND SEVENTY-SIX(176)CARTONS ONLY				
FREIGHT & CHARGES	Revenue tons	Rate	Prepaid	Collect COLLECT
Number of Original B(S)L THREE(3)	Prepaid at	Ex.Rate	Total	Payable at DESTINATION
For Delivery Of Goods Please Apply To: PAM CARGO INTERNATIONAL CO., LTD ROOM 402-403, CITILIGHT TOWER, 45 VO THI SAU ST., TAN DINH WARD, HOCHIMINH CITY, VIETNAM. TEL: +84 28 38200986 EXT: 178 FAX: +84 28 38200096 ID: 0312655097V			Place and Date of Issue: NINGBO,CHINA 11.MAY.2026	
			Ship On Board Date: 11.MAY.2026	
The above particulars are according to the declaration of the shipper, and are unknown to the carrier.			Stamp & Signature	

(Theo phòng khai báo hải quan Công ty TNHH Vận tải Bách Việt)

Phụ lục 05: Hợp đồng ngoại thương (Sale Contract) của lô hàng nhập khẩu LCL bằng đường biển

COMMERCIAL CONTRACT

No. WJYD 2026 Date: 17/04/2026

THE SELLER: WENZHOU JIAYUAN TRADING CO.,LTD

Address : JIAYUAN CO.,NO.10 FUCHENGCHUAN ROAD, BEITONGTAN AND TONGJI DEVELOPMENT ZONE, WENZHOU, CHINA

Tel : 86-18858812252 Fax:

Represented : ZHANG JIUN - Director

THE BUYER : SHIN TUNG VIET NAM COMPANY LIMITED

Address : 16, 17 STREET, TAY THAI INDUSTRIAL ZONE, TAY THAI WARD, NGHE, VIETNAM

Tel : 84-973080 Fax: 84-973080

Represented by: TSAI SHUN-CHIH - Director

After discussion, the Seller agreed to sell and the Buyer agreed to buy the following commodities with terms and conditions hereinafter specified;

Article 1:

DESCRIPTION	UNIT	QUANTITY	UNIT PRICE	TOTAL AMOUNT
			USD/FOB NINGBO PORT	
1/ Wire Beads DCXB	MET	150,000	0.0740	11,100.00
2/ Flat Washer DLLVB	PCS	46,400	0.0260	1,206.40
3/ Shower head L105	PCS	1,000	1.8400	1,840.00
4/ Twist tie	ROLL	108	12.2300	1,320.84
5/ Water filter LLSO	PCS	45	3.5400	159.30
6/ Water filter LLTINH	PCS	50	1.1000	55.00
7/ Water filter LTHINH	PCS	100	5.1300	513.00
8/ Holder ST-1902	SET	505	7.8200	3,949.10
9/ Nozzle head W-7030CC	PCS	2,100	0.8670	1,820.70
TOTAL	MET	150,000		21,964.34
	PCS	49,695		
	ROLL	108		
	SET	505		

SAY TOTAL: U.S Dollar Twenty One Thousand Nine Hundred and Sixty Four and Cents Thirty Four Only.

Article 2: SHIPMENT : In May, 2026

From China Port to Hochiminh Port.

Packing: Export standard by manufacturer.

Quality: New 100%

Article 3: PAYMENT

By TT 100% of the contract value before receiving of good, from SHINTUNG VIETNAM to WENZHOU JIAYUAN TRADING CO.,LTD. BENEFICIARY: WENZHOU JIAYUAN TRADING CO.,LTD.

VIETNAM BANK HO CHI MINH
Pair: USD 21964.34
Date: 13-05-2025

Beneficiary's bank: AGRICULTURAL BANK OF CHINA, ZHEJIANG BRANCH. (Bank Add: FLOOR 2, NONGHANG BLDG, XIAONAN RD, WENZHOU, CHINA). SWIFT CODE: ABOCCNBJ10. Account No: 19210114040004709.

Article 4: DOCUMENTS REQUIRED

- Signed Commercial Invoice in Triplicate.

- Signed Packing List in Triplicate.

- Full set of clean on board marine Bill of Lading.

- Full set Certificate of Origin form E (C/O form E).

Article 5: ARBITRATION

- Any disputes arising in connection with this contract that can not get an amicable agreement between the both parties shall be settled by the Vietnamese Economic Court in HoChiMinh City whose awards shall be as final and binding the both parties.

The fee of arbitration shall be borne by the losing party.

Article 6: ADDITIONAL CONDITIONS

- The Buyer will not be responsible for receiving goods that are not mentioned in this contract / or not in conformity with specified samples.

This contract sign by representative of authority of both parties is made in 04 copies of which are for each party, with validity until . 30th , Dec 2026.

FOR THE SELLER

FOR THE BUYER

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SHIN TUNG VIET NAM

TSAI-SHUN-CHIH

(Theo phòng khai báo hải quan Công ty TNHH Vận tải Bách Việt)

81

Phụ lục 06: Giấy chứng nhận xuất xứ C/O (Certificate of Origin) của lô hàng nhập khẩu
LCL bằng đường biển

Original					
1. Products consigned from (Exporter's business name, address, country)			Reference No. (PAGE 1 OF 2)		
2. Products consigned to (Consignee's name, address, country)			ASEAN-CHINA FREE TRADE AREA PREFERENTIAL TARIFF CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined Declaration and Certificate) FORM E Issued in <u>THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA</u> (Country) See Overleaf Notes		
3. Means of transport and route (as far as known)			4. For Official Use		
Departure date MAY 11, 2026 Vessel's name / Aircraft etc. HOCHIMINH Port of Discharge HOCHIMINH, VIETNAM FROM NINGBO, CHINA TO HOCHIMINH, VIETNAM BY SEA			Verification: <u>origin. customs. gov. cn</u> ☐ Preferential Treatment Given ☐ Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s) Signature of Authorised Signatory of the Importing Party		
5. Item Number	6. Marks and numbers on packages	7. Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number in six digit code)	8. Origin criteria (see Overleaf Notes)	9. Gross weight or net weight or other quantity, and value (FOB) only when RVC criterion is applied	10. Number, date of Invoices
1	ST H. C. M	SEVENTY FIVE (75) CTNS OF WIRE BEADS DCXBX NW:975KGS HS CODE: 5609.00	"PE"	15000METERS	JY260301 APR. 23, 2026
2		ONE (1) CTN OF FLAT WASHER DLLVB NW:24KGS HS CODE: 4016.93	"PE"	46400PIECES	
3		TEN (10) CTNS OF SHOWER HEAD L105 NW:188KGS HS CODE: 3922.90	"PE"	1000PIECES	
4		NINE (9) CTNS OF TWIST TIE NW:234KGS HS CODE: 7904.00	"PE"	108ROLLS	
5		THREE (3) CTNS OF WATER FILTER LLSO NW:36KGS HS CODE: 8421.99	"PE"	45PIECES	
6		TWO (2) CTNS OF WATER FILTER LLTINH NW:22KGS HS CODE: 8421.99	"PE"	50PIECES	
7		FOUR (4) CTNS OF WATER FILTER LHTINH NW:76KGS HS CODE: 8421.99	"PE"	100PIECES	
11. Declaration by the exporter			12. Certification		
The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct; that all the products were produced in <u>CHINA</u> (Country) and that they comply with the origin requirements specified for these products in the Rules of Origin for the ACFTA for the products exported to <u>Hangzhou, China</u> (Importing Country) Hangzhou, China, MAY 11, 2026 Place and date, signature of authorised signatory			It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct.  262900621272 Hangzhou, China, MAY 11, 2026 Place and date, signature and stamp of certifying authority		
13.					
☐ Issued Retroactively ☐ Movement Certificate			☐ Exhibition ☐ Third Party Invoicing		

2410442323

(Theo phòng khai báo hải quan Công ty TNHH Vận tải Bách Việt)